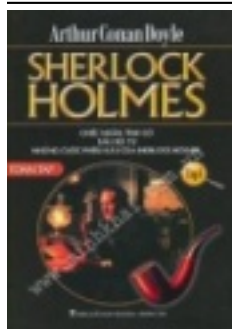


Chiếc Nhẫn Tình Cờ

Contents

Chiếc Nhẫn Tình Cờ	1
1. Làm Quen Với Sherlock Holmes	1
2. Suy Đoán, Một Môn Khoa Học	5
3. Bí Ẩn Ở Lauriston Garden	9
4. Lời Khai Cửa Cảnh Sát John Rance	14
5. Cuộc Viếng Thăm Của Người Khách Lạ	17
6. Gregson Tìm Thấy Gì	20
7. Một Tia Sáng Trong Đêm Tối	24
8. Bình Nguyên Chết	27
9. Bông Hoa Utah	32
10. Chạy Trốn	35
11. Báo Oán	38
12. Phần Tiếp Trong Nhật Ký Của Bác Sĩ Watson	40
13. Kết Thúc	44

Chiếc Nhẫn Tình Cờ



Giới thiệu

Năm 1878, tôi tốt nghiệp tại trường Đại học Y Luân Đôn, sau đó đến Netley dự khóa tu nghiệp dành cho các bác sĩ quân y. Học xong, tôi được bổ nhiệm về trung đoàn bộ binh Northumberland số 5, khi ấy đang đóng

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/chiec-nhan-tinh-co>

1. Làm Quen Với Sherlock Holmes

Năm 1878, tôi tốt nghiệp tại trường Đại học Y London, sau đó đến Netley dự khóa tu nghiệp dành cho các bác sĩ quân y. Học xong, tôi được bổ nhiệm về trung đoàn bộ binh Northumberland số 5, khi ấy đang đóng

tại Ấn Độ. Tôi chưa kịp tới đơn vị của mình thì cuộc chiến tranh Afghanistan lần thứ hai bùng nổ. Đặt chân lên Bombay, tôi được biết đơn vị và tới được Kandahar an toàn. Tại đây, tôi gặp trung đoàn của mình.

Tôi bị chuyển sang trung đoàn Berkshires và tham dự trận đánh Maiwand. Trong trận này, tôi bị thương ở vai, nếu không có người lính hầu xách tôi lên ngựa và đưa về phía sau chiến tuyến, thì tôi đã rơi vào tay quân địch rồi.

Kiệt sức, tôi được đưa về bệnh viện hậu phương Peshawar. Tại đây, tôi bình phục dần, và lúc đó có thể ra sưởi nắng ngoài hiên, thì lại bị thương hẳn. Trong hàng tháng trời, người ta ra sức cứu sống tôi; đến ngày khỏi bệnh, tôi gầy yếu đến nỗi Cục quân y phải đưa tôi về Anh lập tức. Một tháng sau, tôi đặt chân lên bến cảng Portsmouth, chính phủ cho tôi nghỉ chín tháng để lấy lại sức.

Vì không có bà con ở Anh nên tôi được tự do như gió trời, với 11 shillings^[1] 6 pence^[2] mỗi ngày. Trong tình cảnh đó, tôi bị thu hút về London với một sức mạnh không cưỡng lại nổi. Ở đây, tôi sống ít lâu tại một khách sạn, nhưng chẳng bao lâu tôi thấy mình nên đi tìm một nhà trọ xuyềnh xoàng và đỡ tốn kém hơn.

Đúng vào hôm tôi đi đến quyết định này, khi đang ở một quán rượu thì bỗng có người vỗ vai tôi. Ngoảnh lại, tôi nhận ra Stamford, một thanh niên trước đây làm y tá dưới quyền tôi. Trước đây, tôi chưa bao giờ thật thân với Stamford nhưng bây giờ tôi vỗ vập chào đón anh ta và gặp tôi, Stamford xem chừng cũng hoan hỉ lắm, tôi mời anh ta đi ăn trưa tại khách sạn. Chúng tôi gọi xe ngựa, và trong lúc chiếc xe chạy, Stamford hỏi tôi:

- Đạo này ra sao? Trông anh gầy quá.

Tôi phác qua vài nét về những bước thăng trầm của mình. Chuyện vừa xong thì xe cũng tới quán ăn.

- Khốn khổ! Thế anh tính sao bây giờ?

- Tôi định tìm một nơi ở tiện nghi với một cái giá phải chăng.

- Lạ thật! Anh là người thứ hai trong ngày hôm nay ngỏ với tôi cái ý ấy.

- Ai là người thứ nhất?

- Một anh chàng làm việc tại phòng thí nghiệm hóa học ở bệnh viện. Sáng nay, anh ta phàn nàn là không tìm được ai để ở chung hầu giảm được một nửa tiền thuê nhà.

- Tôi cũng vậy. Tôi nghĩ ở chung hay hơn ở một mình.

Stamford cầm ly rượu, nhìn tôi với một vẻ khó hiểu:

- Anh chưa biết Sherlock Holmes. Có thể anh sẽ không thích anh ta.

- Anh ta có gì đáng chê trách?

- Ồ! Anh ta có những ý kiến hơi kỳ quặc. Anh ta nghiên cứu say mê cuồng nhiệt một vài ngành khoa học. Còn ngoài ra, anh ta là một người lịch sự, đúng mực.

- Sinh viên Y khoa?

- Không, tôi không hiểu anh ta định học cái gì; rất giỏi về giải phẫu, về hóa học, nhưng chưa hề theo học một lớp học chính quy nào. Anh ta học theo lối cóc nhảy, song trong nhiều lĩnh vực, anh ta đã thu nhập được một số vốn hiểu biết rộng lớn đến nỗi các giáo sư phải kinh ngạc.

- Anh không hỏi anh ta định theo ngành nghề nào sao?

- Đó là một con người không dễ khơi chuyện, tuy rằng những khi cao hứng, anh ta cũng thích chuyện trò.

- Nếu phải ở chung với ai, tôi muốn đó là một người ham học và yên tĩnh. Hiện nay tôi chưa khỏe nên rất sợ tiếng ồn. Tôi gặp bạn anh bằng cách nào?

- Anh ta hiện đang ở phòng thí nghiệm. Ăn xong, chúng ta sẽ đi đến đấy.

Trên đường đi, Stamford cho tôi biết thêm một vài chi tiết nữa về Sherlock Holmes.

- Về Holmes, tôi không biết gì hơn ngoài những điều tôi hiểu qua các buổi gặp gỡ tại phòng thí nghiệm. Chính anh đã đề xuất ý kiến ở chung, may nhờ rủi chịu đấy nhé!

- Nếu không hợp, chúng tôi sẽ chia tay nhau. Nhưng, hình như có một lý do nào đó khiến anh muốn phải tay khỏi việc này. Tính tình người ấy khó chịu đến vậy ư?

- Không dễ diễn đạt được cái không thể diễn đạt nổi. Sherlock Holmes có tính tình gần như lạnh lùng, sắt đá. Anh ta rất có thể cho một người bạn uống thử một nhúm alkaloid thực vật loại mới nhất, không phải vì độc ác mà chỉ vì muốn biết hiệu lực của chất độc ấy như thế nào. Công bằng mà nói, tôi tin rằng bản thân anh ta cũng có thể sẽ dùng thử một thử một cách sốt sắng không kém.

- Thế thì rất tốt chứ sao?

- Đúng, nhưng việc lấy gây đánh vào xác chết, thì phải nói là quái gở.

- Anh ta đánh xác chết?

- Phải, để xem người ta có thể gây ra những thương tích như thế nào trên cơ thể một người đã chết. Chính mắt tôi đã nhìn thấy anh ta làm như thế.

- Vậy mà hồi nãy anh nói Holmes không học ngành Y?

- Không mà! Mà thôi, ta đến nơi rồi, anh tự đánh giá nhân vật ấy.

Chúng tôi đi theo một lối hẹp, qua chiếc cửa phụ nhỏ, bước vào mé nhà của khu bệnh viện lớn. Gần cuối hành lang có một lối rẽ nhỏ, dẫn đến phòng thí nghiệm hóa học. Đây là một gian phòng cao, các giá trên tường để đầy chai lọ. Đây đó có mấy cái bàn rộng và thấp, mặt bàn bề bộn những bình cổ cong, ống nghiệm, đèn hơi với ngọn lửa xanh lè. Trong phòng chỉ có mỗi một người đang cúi mũi xuống một chiếc bàn. Nghe tiếng chân chúng tôi, anh ta đảo mắt nhìn quanh rồi reo lên một tiếng và vội vã đứng lên.

- Tôi tìm ra rồi! Tôi tìm ra rồi!" Anh ta reo lên với Stamford và hấp tấp đi về phía chúng tôi, tay cầm một ống nghiệm "Tôi đã tìm ra một thuốc thử có đặc tính làm kết tủa huyết cầu tố mà không làm kết tủa bất kỳ chất nào khác.

Giá như anh ta có thấy một mỏ vàng thì sự vui mừng cũng chỉ đến thế là cùng. Stamford giới thiệu:

- Đây là bác sỹ Watson, đây là ông Sherlock Holmes.

Holmes thân mật bắt tay tôi với một sức mạnh mà tôi không nghĩ có thể có ở anh ta.

- Chào ông, ông ở Afghanistan về, phải không?

- Làm sao ông biết? - Tôi kinh ngạc hỏi lại.

- Có gì đâu. Cái điều quan trọng bây giờ là huyết cầu tố. Chắc ông hiểu được phát minh của tôi có tầm quan trọng như thế nào chứ?

- Một phát minh lý thú về mặt hóa học, nhưng về mặt thực tế...

- Ông nói lại! Đây là phát minh có giá trị thực tiễn nhất từ bao nhiêu năm nay trong ngành pháp y. Ông không thấy là nó giúp ta xác định một cách không thể nhầm lẫn những vết máu à? Mời ông lại gần đây! - Trong lúc hào hứng, anh ta nắm lấy tay áo tôi, kéo lại chiếc bàn anh ta đang làm việc.

- Ta lấy một ít máu tươi nhé. - Vừa nói anh ta vừa lấy kim đâm vào đầu ngón tay, nặn ra một giọt máu và lấy ống hút hút - Bây giờ, tôi hòa chút xíu máu này vào một lít nước. Ông thấy hỗn hợp ấy trông y như nước, tỷ lệ của máu trong đó không thể quá một phần triệu. Dẫu vậy, tôi hoàn toàn tin chắc ta sẽ có được phản ứng đặc trưng.

Nói xong, Holmes thả vào trong bình một vài tinh thể trắng rồi rót thêm vài giọt chất lỏng trong suốt. Một phút sau, hỗn hợp trong bình chuyển thành màu gụ và một thứ bụi màu nâu nhạt kết tủa dưới đáy bình.

- Ha! Ha! Ông nói sao? - Holmes vỗ tay reo lên.

- Theo tôi, đây là một cách thử rất tinh tế.

- Tuyệt vời! Cách thử cũ với chất guaiacone vừa thô kệch vừa không chắc. Cách tìm các tiểu thể máu trên kính hiển vi cũng vậy, với lại chỉ cần vệt máu để lâu một vài giờ là phương thức đó không áp dụng được. Còn phương pháp này, thì lúc nào cũng hiệu nghiệm, dù với máu cũ hay máu tươi.

- Quả vậy!- Tôi lẩm bẩm.

- Những vụ án hình sự nhiều khi chỉ còn mắc ở khâu này mà thôi. Một kẻ bị nghi đã nhúng tay vào một vụ án mạng xảy ra trước đó có khi hàng tháng. Xem xét quần áo hắt, người ta phát hiện ra những vết màu nâu nhờ nhờ. Đây có phải là những vết máu không, hay là vết bùn, vết gỉ sắt, vết nhựa trái cây. Còn bây giờ đã có phản ứng hóa học này, việc xác định kia không còn khó khăn gì nữa.

Đôi mắt Holmes ngời lên trong khi nói, và tay phải đặt lên ngực trái, anh ta cúi gập người như để chào đáp lại những người ngưỡng mộ tưởng tượng của mình.

- Ông thật đáng được biểu dương. - Tôi phụ họa.

- Tôi có thể kể với ông đến hai chục vụ án đã qua mà phản ứng của tôi có thể đóng vai trò quyết định.

- Ông khác nào một quyển niên giám hình sự sống. Ông có thể ra một tờ báo được đấy, lấy tên là “Những vụ án hình sự trong quá khứ”.” - Stamford cười nói.

- Và đó sẽ là một tờ báo rất bổ ích. - Holmes tiếp lời trong khi dán một miếng băng dính lên vết kim châm vừa rồi ở đầu ngón tay. Anh ta quay sang tôi giải thích - Phải cẩn thận như vậy vì tôi thao tác khá nhiều loại chất độc.

Stamford ngồi xuống một chiếc ghế đẩu ba chân, đẩy một chiếc khác về phía tôi, bàn vào việc:

- Ông bạn tôi đây đang tìm chỗ ở. Thấy ông phàn nàn là không kiếm được ai ở chung nên tôi thấy không có gì tốt hơn là để hai người tiếp xúc với nhau.

Holmes có vẻ bằng lòng nói:

- Tôi tìm được mấy căn phòng ở phố Baker, rất thích hợp cho chúng ta. Tôi mong rằng ông không sợ mùi thuốc lá nặng.

- Tôi cũng hút một thứ thuốc rất nặng.

- Thế thì được rồi. Tôi quan tâm nhiều đến hóa học và đôi khi phải làm những thí nghiệm tại nhà. Điều đó có phiền ông không?

- Hoàn toàn không.

- Xem nào! Tôi còn tật xấu nào nữa không? Đôi khi tôi lảm lì, mấy ngày liền không hé răng nói một lời nào. Những khi như vậy, cứ để mặc tôi, chẳng bao lâu tôi sẽ lại vui vẻ. Còn ông, ông có điều gì cần nói không?

- Tôi cũng có một vài cố tật nhỏ. Tôi không thích ồn ào. Tôi dậy vào những giờ rất khác thường, ngoài ra tôi rất lười nhác. Khi khỏe mạnh, tôi lại có một loạt những tính xấu nhỏ nhỏ khác. Hiện thời, đó là những nét chính.

- Trong chữ ồn ào có gộp cả tiếng đàn vĩ cầm không?

- Tiếng đàn của người chơi giỏi chỉ làm cho người nghe khoan khoái, chơi tồi thì...

- Ồ, thế thì được rồi! - Holmes cười vui vẻ - Như vậy là đã ổn thỏa, nghĩa là nếu như ông ưng chỗ ở.

- Khi nào thì ta đi xem?

- Mười hai giờ trưa mai, mời ông đến đây, chúng ta cùng đi xem.

- Xin đúng hẹn, mười hai giờ trưa mai. - Tôi nói và bắt tay anh.

Chúng tôi để anh làm việc tiếp và trở về khách sạn. Tôi bỗng dừng lại, quay sang hỏi Stamford:

- Nay, làm thế nào mà anh ta biết là tôi ở Afghanistan về nhỉ?

- Anh ta khác người là ở chỗ đó.

Tôi xoa hai tay vào nhau:

- Ô, một điều bí mật à? Thú vị thật! Tôi rất cảm ơn anh cho tôi có dịp tiếp xúc với anh ta. Như anh biết đây, đối tượng trong công cuộc nghiên cứu của loài người chính là con người Thế thì anh phải nghiên cứu anh ta đi thôi. Thôi xin tạm biệt nhé.

- Xin tạm biệt.

—

[*] Nguyên văn: “A STUDY IN SCARLET”

[1] Đơn vị tiền tệ Anh: 1 Shilling = 12 Penny

[2] Đơn vị tiền tệ Anh: 1 Penny = 1/100 Pound

2. Suy Đoán, Một Môn Khoa Học

Như đã hẹn, ngày hôm sau chúng tôi cùng đến thăm căn hộ số nhà 221B phố Baker. Căn hộ gồm hai phòng ngủ tiện nghi và một phòng làm việc rộng lớn, thoáng mát, đồ đạc bày biện vui mắt, ánh sáng bên ngoài rọi vào qua hai khung cửa sổ lớn. Căn hộ vừa ý chúng tôi lắm và giá cả cũng vừa túi tiền. Chúng tôi nhận ngay. Tối hôm ấy, tôi mang đồ đạc đến và sáng hôm sau, Holmes cũng chuyển đến với nhiều hòm xiềng và va-li. Sau hai ngày đầu bận sắp xếp nơi ăn chốn ở cho thuận tiện, chúng tôi nhanh chóng quen dần với chỗ ở mới.

Holmes sống yên tĩnh với những nếp sinh hoạt đều đặn. Không mấy khi anh còn thức sau mười giờ tối và sáng nào khi tôi dậy, anh cũng đã ăn sáng và đi đâu rồi.

Đôi khi anh ở lì cả ngày trong phòng thí nghiệm, khi khác thì ở trong các phòng phẫu tích, và thỉnh thoảng có những ngày anh đến những khu phố nhộn nhúa nhất trong thành phố. Nhưng thỉnh thoảng anh nằm dài trên chiếc đi-văng trong phòng làm việc mấy ngày liền, suốt từ sáng đến tối không hé răng nói một lời nào và hầu như không có một cử động nào.

Sự quan tâm và tò mò ban đầu của tôi muốn biết mục đích các công việc của anh mỗi ngày mỗi thôi thúc tôi hơn. Vóc người anh nhỉnh hơn một mét tám mươi nhưng mảnh khảnh cho nên trông có vẻ cao hơn thể nhiều. Đôi mắt sắc sảo lạnh lợi, cùng với sống mũi thanh mảnh, hơi khoằm khiến cho nét mặt mang một vẻ nhanh nhẹn và quyết đoán. Cái cằm vuông chìa ra phía trước tỏ ra đây là một con người kiên quyết.

Anh không theo học một lớp nào khả dĩ đem lại cho anh một bằng cấp trong bất kỳ một lĩnh vực khoa học nào đó. Tuy vậy, sự say mê nghiên cứu của anh trong một số lĩnh vực thật là đặc biệt; đến nỗi những ý kiến của anh làm tôi rất đổi kinh ngạc. Những người tự học theo lối cóc nhảy không mấy khi có những tri thức đặc biệt chính xác.

Mặt dốt nát của anh cũng đặc sắc không kém gì mặt thông thái của anh. Về nền văn hóa đương thời, triết học và chính trị, xem chừng Sherlock Holmes biết rất ít. Sự kinh ngạc của tôi lên đến tột đỉnh khi tôi phát hiện ra Holmes không biết nhiều về học thuyết Copernic và cấu tạo của hệ Mặt trời.

- Anh ngạc nhiên à? Khi đã biết lý thuyết ấy rồi, tôi sẽ ra sức quên nó đi.

- Quên nó đi?

- Bộ óc con người ban đầu như một gian phòng trống rỗng, ta sẽ phải xếp vào đấy những đồ đạc ta thích. Kể ngu ngốc chồng chất vào trong đó đủ mọi thứ linh tinh đến nỗi các tri thức có thể giúp ích cho hần bị đè bẹp dưới một đồng tri thức khác, đến nỗi khi cần, hần khó mà lôi ra sử dụng được. Trái lại, người thợ lành nghề chọn lọc hết sức cẩn thận những thứ xếp vào trong gian buồng ấy. Anh ta chỉ muốn chứa trong đó những dụng cụ có ích cho mình trong công việc; cái nào cái nấy sắp đặt một cách thật ngăn nắp. Thật là sai lầm nếu cho rằng cái gian buồng nhỏ bé ấy có những bức tường co giãn và nó có thể phình ra vô cùng tận. Anh hãy tin rằng rồi sẽ đến lúc mà mỗi khi ta thu nhận được một hiểu biết mới ta sẽ quên mất cái kiến thức gì đó đã có trong óc. Vì vậy, chớ có thu nạp những khái niệm vô ích. Chúng ta sẽ đẩy đi mất những điều có ích.

- Thế nhưng Hệ Mặt trời? - Tôi phản đối.

“Nó can gì đến tôi?” Holmes cao giọng “Nếu chúng ta xoay quanh mặt trăng thì công việc của tôi có gì khác đâu?”

Tôi đã toan hỏi anh công việc đó là cái gì vậy, nhưng đáng diệu anh bảo cho tôi biết câu hỏi ấy không được tiếp nhận. Tuy vậy, tôi suy nghĩ về buổi nói chuyện ngắn ngủi này và cố rút ra mấy điều suy đoán. Holmes nói với tôi rằng anh không muốn thu thập những hiểu biết không liên quan gì đến công việc của mình. Vậy thì, tất cả những tri thức mà anh có đều có thể giúp ích cho anh. Tôi thậm chí liệt kê những lĩnh vực mà anh đã để lộ cho thấy anh thành thạo. Thậm chí, tôi lấy bút chì ghi lại những điều đó ra giấy. Liệt kê đã xong, tôi không khỏi mỉm cười. Bản nhận xét đó như sau:

Sherlock Holmes; năng lực:

Hiểu biết về văn học: số không

Hiểu biết về triết học: số không

Hiểu biết về thiên văn học: số không

Hiểu biết về chính trị: yếu.

Hiểu biết về thực vật: Tồi. Am hiểu chất thuốc phiện và các loại chất độc nói chung. Hoàn toàn không biết gì về nghề làm vườn.

Hiểu biết về địa chất: Có những hiểu biết thực tế, nhưng hạn chế. Thoạt nhìn nói được ngay các loại đất khác nhau

Hiểu biết về hóa học: Rất sâu sắc.

Hiểu biết về giải phẫu: Chính xác nhưng không có hệ thống.

Hiểu biết về sách báo hình sự: Hết sức rộng lớn.

Chơi đàn vĩ cầm: Tốt.

Bậc thầy về tài nghệ Đánh gậy, quyền Anh, và đấu kiếm.

Vận dụng thành thạo luật pháp nước Anh.

Ghi đến đây, thấy rối như tơ vò, tôi quăng mảnh giấy vào lửa, nghĩ bụng: “Chẳng hiểu con người này nhằm vào mục đích gì mà ra sức phát triển một số năng lực trên. Mình cũng không sao tìm thấy một nghề nào đòi hỏi tất cả những năng lực ấy. Thôi thì đành bỏ cuộc ngay thôi, cho khỏi mệt người”.

Trong tuần đầu, tôi đã tưởng Holmes không có mấy bạn bè. Nhưng chẳng bao lâu, tôi nhận ra anh quen biết rất rộng. Đầu tiên, một anh chàng người nhỏ bé, da tái, mặt choắt, mắt đen, đến ba bốn lần liền trong một tuần. Một hôm, có cô gái ăn mặc theo thời trang đến vào buổi sáng và ở chơi chừng một giờ. Ngay chiều hôm đó có thêm ông khách quần áo xuềnh xoàng, tóc hoa râm, dáng dấp như một người bán hàng rong.

Và tiếp theo đó là một phụ nữ cao tuổi, xống áo rất cầu thả. Một dịp khác có một ông chừng chạc, tóc bạc trắng hết cả. Rồi một người phu khuân vác ở nhà ga trong bộ đồng phục bẩn vải nhung. Mỗi khi có khách đến, Holmes yêu cầu tôi để cho anh được sử dụng phòng khách. Lần nào anh cũng không quên xin lỗi tôi.

“Tôi phải dùng gian phòng này để làm việc. Họ là khách hàng của tôi.”

Đó là một cơ hội để hỏi thẳng xem công việc của anh ta là gì, nhưng tính tôi vốn dè dặt, nên lại thôi.

Hôm ấy, tôi dậy sớm hơn thường lệ và nhận thấy anh chưa ăn xong bữa sáng. Người phục vụ đã quen với thói dậy muộn của tôi nên bà ắt chưa chuẩn bị cho tôi. Tôi rung chuông với một thái độ nóng nảy và bảo bà ta với giọng khá cộc cằn. Sau đó, tôi cầm lấy một tờ báo để giết thời giờ. Trên tờ báo có một bài được đánh dấu bằng bút chì.

Dưới dòng títt khá huênh hoang “Cuốn sách cuộc đời”, tác giả bài báo khoe là có thể đi sâu vào những ý nghĩ thâm kín nhất của con người, căn cứ vào một vẻ mặt thoáng qua, một cử động của cơ bắp, một ánh mắt vụng trộm.

Bài báo viết:

“Chỉ từ một giọt nước, người giỏi suy luận có thể suy ra khả năng của một đại dương hoặc một thác nước, tuy chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy chúng. Như vậy, toàn bộ cuộc sống là một chuỗi mắt xích rộng lớn mà ta có thể biết bản chất của nó, nếu ta biết được một mắt xích. Như tất cả mọi khoa học khác, suy đoán và phân tích là một khoa học mà ta chỉ có thể làm chủ sau một quá trình nghiên cứu lâu dài, bền bỉ. Người mới đi vào lĩnh vực này nên bắt đầu bằng những vấn đề sơ đẳng: gặp bất kỳ ai, chỉ bằng vào sự quan sát, ta hãy cố tìm hiểu tiểu sử, nghề nghiệp của người ấy. Tuy có vẻ ấu trĩ, nhưng thực ra sự tập luyện này rèn giũa các khả năng quan sát của ta và nó dạy cho ta biết ta cần phải nhìn vào đâu và phải tìm kiếm cái gì. Móng tay, những vết chai ở ngón trỏ và ngón cái, ống tay áo, đầu gối quần, dáng đi, cách đứng đều là những thứ nói lên nghề nghiệp của một con người.”

Tôi quăng tờ báo xuống bàn, thốt lên:

“Nhảm nhí! Tôi chưa thấy ai viết những nhit đến vậy.”

“Anh nói về cái gì thế?” Holmes hỏi tôi.

“À, bài báo mà anh đã đánh dấu bên cạnh. Tôi không phủ nhận là bài báo có một lối viết khá, nhưng nó làm tôi khó chịu. Rõ ràng đây là một lý thuyết do một kẻ vô công rồi nghề nặn ra. Mong sao gặp hần trên một toa xe điện ngầm hạng hai để bắt hần nói ra nghề nghiệp của tất cả các hành khách trên xe. Tôi dám đánh cuộc với hần một nghìn ăn một.”

“Anh sẽ thua thôi. Bởi vì tôi là tác giả bài báo đó.”

“Anh?”

“Đúng, tôi. Quan sát và suy đoán là hai thứ mà tôi vốn ham thích. Những lý thuyết tôi nêu lên trong bài báo là hết sức thực tế, thực tế đến nỗi tôi lấy nó làm kế sinh nhai.”

“Đó là nghề gì?” Tôi buột miệng hỏi

“Tôi kể anh nghe nhé. Tôi có một nghề riêng mà có lẽ trên thế giới có mỗi mình tôi làm. Nghề của tôi là thám tử cổ vắn. Ở London này có vô số thám tử công, thám tử tư. Khi gặp phải điều gì bí, họ đến gặp tôi và tôi tìm cách gợi cho họ đi đúng hướng. Các vụ phạm pháp thường có nhiều nét giống nhau, nếu ta thuộc lòng các chi tiết của một số vụ thì rất dễ lần ra đầu mối của vụ thứ một nghìn lẻ một. Lestrade là một thám tử khá. Mới đây ông ta đi nhằm hướng trong việc khám phá một vụ làm bạc giả, vì vậy ông ta phải đến đây.”

“Còn những người khách khác thì sao?”

“Họ hầu hết là người của các hãng trinh thám tư. Họ mắc mớ ở điểm này hoặc điểm khác. Tôi nghe họ kể về công việc của họ, còn họ thì nghe các lời khuyên bảo của tôi và trả tiền công cho tôi.”

“Phải chăng anh ngồi yên trong phòng mà vẫn có thể giải quyết được những rắc rối mà người khác không tài nào giải quyết nổi?”

“Đúng thế. Tôi có rất nhiều kiến thức đặc biệt để áp dụng vào lĩnh vực này: những quy tắc suy đoán trình bày trong bài báo mà anh đã khinh thường, đối với tôi lại có một giá trị không sao lường hết trong thực hành. Ngay lần đầu gặp anh, tôi đã biết là anh vừa ở Afghanistan về.”

“Chắc có ai bảo anh.”

“Không đâu. Lúc ấy cả một loạt những suy nghĩ, xét đoán đã lướt nhanh qua óc tôi khiến tôi đi thẳng đến kết luận ấy. Tuy vậy, có tồn tại những chặng đường. Cách lập luận phối hợp của tôi như sau: vị này thuộc giới bác sỹ, nhưng lại có dáng dấp một quân nhân, vậy thì chắc chắn là một bác sỹ quân y. Anh ta vừa mới ở vùng nhiệt đới về vì nước da rất sẫm nhưng không phải là da tự nhiên bởi da ở hai cổ tay rất trắng. Anh ta đã phải trải qua nhiều ngày kham khổ, đau ốm, điều đó có thể thấy rõ trên nét mặt. Anh ta đã bị thương

ở cánh tay vì cánh tay này cử động hơi gượng gạo. Một bác sỹ quân y người Anh, sống ở vùng nhiệt đới nào mà lại bị thương ở cánh tay và phải sống kham khổ thiếu thốn? Tất nhiên là ở Afghanistan. Tất cả chuỗi suy nghĩ này diễn ra trong không đầy một giây đồng hồ.”

Tôi mỉm cười:

“Giải thích ra thì thấy rất đơn giản. Anh làm tôi nhớ đến nhân vật Dupin của Edgar Allan Poe. Tôi tưởng loại người đó chỉ tồn tại trong các tiểu thuyết chứ làm gì có ngoài cuộc đời.”

Holmes đứng dậy, châm tẩu thuốc.

“Có lẽ anh tưởng so sánh tôi với Dupin là khen tôi chẳng? Theo tôi, Dupin là một kẻ rất tầm thường. Ông ta khoe là có thể dò đoán được ý nghĩ của bạn bè sau một khắc đồng hồ im lặng, nói như thế, là khoa trương lại là kém cỏi. Ông ta có lẽ có đôi chút năng khiếu phân tích. Thế thôi!”

“Anh đã đọc sách của Gaboriau chưa? Lecoq có phải là thám tử không?”

Holmes có một cử chỉ mỉa mai và một giọng bực bội:

“Lecoq à? Ông ta giỏi về tay chân hơn đầu óc. Ông ta chỉ có mỗi một điều đáng khen là nghị lực. Cuốn sách ấy thực sự làm tôi phát ngán. Vấn đề đặt ra cho ông ta là xác định thủ phạm trong một đám tù nhân. Việc ấy, tôi sẽ giải quyết trong hai mươi bốn giờ, còn ông ta đã phải mất một tháng.”

Tôi hơi khó chịu khi thấy hai nhân vật mà tôi khâm phục bị coi thường. Tôi lại bên cửa sổ nhìn xuống đường phố nhộn nhịp bên dưới, nghĩ bụng: “Ông bạn nay có thể rất giỏi, nhưng đồng thời cũng rất tự mãn.”

Holmes nói tiếp với giọng luyến tiếc:

“Đầu của tôi bây giờ còn biết dùng làm gì nữa! Chưa bao giờ có một vụ án nào dữ dội để tôi khám phá cả! Cùng lắm là vài ba vụ gian lận vụng về với những động cơ lộ liễu đến nỗi ngay một nhân viên sở cảnh sát cũng nhận ra ngay.”

Sự huênh hoang của Holmes tiếp tục làm tôi khó chịu, tôi thấy tốt hơn hết là thay đổi câu chuyện. Trên hè đường bên kia có một gã cao lớn, ăn mặc xuyềnh xoàng, tay cầm một phong bì lớn đang chăm chú xem sổ nhà cần tìm.

Tôi chỉ tay về phía người ấy, lên tiếng hỏi:

“Không biết người kia tìm nhà nào?”

“Anh muốn nói viên đội lính thủy đánh bộ kia phải không?” Holmes hỏi tôi.

“Lại huênh hoang khoác lác rồi!” Tôi nghĩ bụng. Ý nghĩ ấy vừa mới lướt qua óc tôi thì nhân vật đó đã nhận ra sổ nhà chúng tôi, rảo bước qua đường. Chúng tôi nghe tiếng gõ cửa ầm ầm, rồi tiếng bước chân nặng nề lên thang gác.

Người ấy bước vào phòng chúng tôi, đưa phong bì cho anh:

“Có thư cho ông Sherlock Holmes.”

Đây là một dịp để hạ bớt thói hợm hĩnh của Holmes. Lúc vừa rồi, khi đưa ra những lời phỏng đoán liều kia, chắc anh ta không nghĩ là tôi sẽ có cơ hội giáp mặt người này. Tôi hỏi, giọng nhẹ nhàng:

“Này anh, anh có thể cho biết anh làm nghề gì không?”

“Thưa phái, thưa ông.” Anh ta trả lời cộc cằn “Bộ đồ đồng phục của tôi đang được đưa đi sửa.”

“Trước đây anh làm nghề gì?” Tôi đưa mắt nhìn sang Holmes với vẻ chế giễu.

“Tôi ở binh chủng lính thủy đánh bộ, đóng lon đội. Ông có điều gì cần hỏi nữa không, thưa ông? Xin chào.”

Anh ta đập hai gót giày vào với nhau, giơ tay chào chúng tôi rồi đi.

3. Bí Ẩn Ở Lauriston Garden

Thú thật tôi hết sức kinh ngạc trước bằng chứng về giá trị thực hành của những lý thuyết mà Holmes đã nêu. Sự kính nể của tôi đối với tài phân tích của anh tăng vọt lên. Tuy vậy, trong óc tôi vẫn còn vương vấn một chút hoài nghi là tất cả câu chuyện này đã được xếp đặt từ trước để lừa tôi. Nhưng lừa để làm gì? Quay lại nhìn Holmes, tôi thấy anh đã đọc xong thư. Nét mặt đầm chiêu và đôi mắt xa vắng.

“Làm thế quái nào mà anh đoán được?”

“Đoán cái gì?” Holmes hỏi giật giọng.

“Đoán là một viên đội lính thủy đánh bộ.”

“Xin lỗi anh về những lời câu kính đó. Hóa ra, anh vẫn không thấy người đưa thư vốn là một viên lính thủy đánh bộ?”

“Quả là không.”

“Ngay ở bên này đường, tôi đã nhìn thấy một hình mờ neo to xăm trên mu bàn tay người ấy và bộ râu theo đúng quy định của lính thủy đánh bộ. Anh chàng có vẻ tự tin và thậm chí có dáng điệu chỉ huy? Một anh chàng nghiêm nghị, đạo mạo, hơi đứng tuổi, những chi tiết đó khiến tôi tin rằng anh đã đóng đến lon đội.”

“Thật là tuyệt diệu!” Tôi reo lên.

“Có gì đâu.” Tuy nói vậy, song cứ theo vẻ mặt anh, tôi tin rằng nỗi kinh ngạc và sự khâm phục của tôi rõ ràng làm anh vui thích “Vừa này, tôi có nói là thời nay không còn những trọng án, nhưng có lẽ tôi lầm. Anh hãy xem đây.”

Holmes đưa cho tôi bức thư vừa mới nhận.

“Gì thế này? Thật khủng khiếp!” Tôi thốt lên.

“Tôi thấy vụ này hơi khác thường đấy. Anh vui lòng đọc to lên, chúng ta cùng nghe nào.”

”Ông Sherlock Holmes thân mến!

Đêm qua có một vụ án ghê gớm tại nhà số 3 khu Lauriston Garden đoạn sát gần đường Brixton. Một nhân viên cảnh sát thấy có ánh đèn ở ngôi nhà vào khoảng hai giờ sáng. Đây là một ngôi nhà bỏ hoang nên anh ta đoán là có chuyện gì không bình thường. Anh ta thấy cửa ra vào để ngỏ. Ở gian phòng trông ra mặt đường, anh ta thấy xác một người đàn ông ăn mặc lịch sự, trong túi có xấp danh thiếp đề tên ” Enoch J. Drebbler, Cleveland, Ohio, U. S. A.”. Không có cách nào xác định rõ nguyên nhân của cái chết. Trong gian phòng có nhiều vết máu, nhưng trên thi thể thì không có một thương tích nào. Chúng tôi không biết người này đã vào ngôi nhà ấy bằng cách nào và nói chung toàn bộ vụ án hãy còn là một điều bí ẩn. Nếu ông có thể đến được hiện trường trước mười hai giờ trưa, ông sẽ gặp tôi ở đó. Toàn bộ hiện trường sẽ được giữ nguyên cho đến khi ông đến. Sẽ rất hân hạnh cho tôi nếu được biết ý kiến của ông. Xin gửi ông lời chào thân thiết.

Tobias Gregson”

“Gregson là tay sừng sỏ nhất ở Scotland Yard.” Holmes nhận xét “Hắn và Lestrade được coi là những phần tử ưu tú của một đám không ra gì. Cả hai đều năng nổ, hăng hái, nhưng rất khuôn sáo. Và ghen tị nhau như một cặp gái lầu xanh.”

Tôi ngạc nhiên thấy Holmes giữ vẻ bình thản, lại có vẻ gần như giễu cợt. Tôi hỏi hả:

“Ta không được để lỡ phút nào, phải không anh? Tôi đi gọi xe nhé.”

“Chưa chắc tôi đã đi.”

“Nhưng đây chính là cơ hội mà anh đã mong mỏi từ lâu cơ mà?”

“Giả thử tôi gỡ được vụ này, thì bao nhiêu công lao đều vào tay Gregson, Lestrade hết cả. Không phải là người của nhà nước là phải chịu thiệt thòi như vậy đấy.”

“Nhưng Gregson yêu cầu anh giúp đỡ cơ mà.”

“Phải, hẳn biết tôi giỏi hơn hẳn và thừa nhận điều đó với tôi. Nhưng trước mặt người thứ ba, hẳn thà cắt lưỡi đi còn hơn phải công nhận mình là thua kém. Dẫu vậy, chúng ta cũng nên đến đó xem sao. Nào, ta đi đi!”

Holmes xỏ tay vào chiếc áo khoác ngoài, nhanh nhẹn chuẩn bị.

“Anh cầm lấy mũ đi.”

“Anh muốn tôi cùng đi à?”

“Phải.”

Một lúc sau hai chúng tôi đã ngồi trong một chiếc xe ngựa chạy nước đại về phía đường Brixton.

Buổi sáng hôm ấy trời đầy mây và sương mù dày đặc. Một tấm màn tối sầm bao phủ lên các mái nhà và đường như phản chiếu các dãy phố xám xịt một màu bùn. Holmes rất vui vẻ, chuyện trò luôn miệng về những chiếc đàn vĩ cầm. Còn tôi cứ nín thinh vì thời tiết ảm đạm và vì sự việc bí hiểm vừa xảy ra. Sau cùng tôi phải cắt ngang bài thuyết trình về âm nhạc của anh:

“Xem chừng anh không để tâm lắm đến cuộc điều tra sắp tới.”

“Đã có dữ kiện gì đâu. Một sai lầm cơ bản là cứ đặt trước các giả thiết trong khi chưa có trong tay các sự việc thực tế. Làm như vậy khiến cho nhận định của ta dễ bị chệch lầm.”

“Anh sẽ có ngay các dữ kiện, vì đường Brixton đây rồi và ngôi nhà kia kia!”

“Đúng rồi! Dừng lại, bác xà ích.”

Còn một trăm mét nữa mới đến hiện trường nhưng Holmes cứ đòi xuống xe để đi bộ.

Ngôi nhà số 3 khu Lauriston Garden có một vẻ sầm uất ghê rợn. Đó là ngôi nhà thứ ba trong một dãy bốn nhà nằm thụt vào trong một tí. Hai ngôi nhà có người ở, hai ngôi kia bỏ hoang. Hai nhà bỏ hoang này bày ra hay dấu của sổ buồn bã và trần trụi, chỉ trừ thỉnh thoảng đây đó có hai chữ “Cho thuê” để chảy vài vệt sơn trên các ô cửa kính lem luốc. Từ hè đường vào đến nhà phải qua một mảnh vườn nhỏ mọc lưa thưa những cây con khẳng khiu, ốm yếu. Cắt ngang mảnh vườn là một lối đi hẹp, rải sỏi đá trộn lẫn đất sét màu vàng ệch. Tất cả khu vực này đều sũng nước vì trời mưa suốt đêm. Bao quanh mảnh vườn là bức tường gạch cao khoảng một mét, bên trên lại có hàng rào gỗ. Đứng tựa lưng vào bức tường này là một viên cảnh sát cao lớn, xung quanh có đám người rảnh việc đang cố nghiền mắt vào trong nhà.

Tôi tưởng Holmes sẽ xông thẳng vào nhà và lao ngay vào việc. Nhưng không! Với một vẻ uể oải giả tạo, anh đi đi lại lại trên hè đường, lơ đãng nhìn đất, nhìn trời, nhìn các ngôi nhà bên kia đường và hàng rào gỗ. Xem xét xong, anh bước trên lớp cỏ mọc ven lối đi, luôn luôn dấn mắt xuống đất. Hai lần anh dừng lại và có một lần tôi thấy anh thoáng nở một nụ cười và khẽ reo lên một tiếng vui mừng. Có nhiều vết chân trên nền đất sét ướt, nhưng vì cảnh sát đã dẫm nát lối đi này rồi, tôi không hiểu bạn tôi có thể hy vọng rút ra ở đây được điều gì.

Ở cửa nhà, chúng tôi được một gã cao lớn đón tiếp. Mặt tái mét, tóc rối bù, tay cầm một quyển sổ, anh ta vội vã tiến về phía chúng tôi, nồng nhiệt siết chặt tay Holmes:

“Ông đến, thật tốt quá. Tôi chưa đựng chạm đến gì hết.”

“Trừ chỗ này.” Holmes đáp, tay chỉ lối đi “Một đàn bò giá xéo qua đây cũng không thể phá hoại nhiều hơn. Nhưng có lẽ ông đã rút ra xong những kết luận của mình rồi mới cho phép xảy ra tình trạng này, có phải không, ông Gregson?”

Nhà thám tử nói lảng:

“Tôi quá bận ở bên trong. Ông Lestrade cũng có mặt tại đây. Tôi tưởng ông ta phải để mắt đến chuyện này.”

Holmes nhìn tôi tròn tròn mắt, giọng châm chọc:

“Đã có mặt ông và Lestrade rồi, chẳng còn gì cho người thứ ba khám phá nữa.”

Gregson xoa hai tay với nhau, vẽ hài lòng:

“Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm. Dẫu sao, đây là một vụ kỳ quặc và tôi biết ông vốn thích những vụ như thế.”

“Ông đến đây bằng xe ngựa?”

“Không.”

“Cả ông Lestrade cũng không chứ?”

“Phải.”

“Thế thì chúng ta vào trong xem gian phòng đi.”

Sau ý kiến không ăn nhập gì với câu nói vừa rồi, Holmes vào trong nhà. Gregson bước theo, vẽ mặt ngơ ngác.

Một hành lang nhỏ, bụi bặm dẫn đến nhà bếp và phòng ăn. Có hai ô cửa, một ở về phía bên trái và một ở về phía bên phải hành lang. Rõ ràng một trong hai cửa này đã bị đóng kín từ nhiều tuần nay. Cửa kia là cửa mở vào phòng ăn, nơi đã diễn ra tấn thảm kịch đầy bí ẩn. Holmes bước vào. Tôi theo ngay.

Đây là một gian phòng rộng, hình vuông, không có thứ đồ đạc nào nên càng có vẻ rộng. Tường phủ bằng một loại giấy rẻ tiền, có nhiều chỗ ẩm ướt loang lổ và vài ba chỗ giấy bị bong ra, thông xuống, để lộ lớp vữa vàng khè bên trong. Đối diện với cửa ra vào là một lò sưởi, mặt lò làm bằng tấm đá giả cẩm thạch trắng. Ở một mé mắt lò sưởi có cắm mẫu nệm bằng sáp đỏ. Chiếc cửa sổ duy nhất của gian phòng lem luot đến nỗi ánh sáng mờ đục bên ngoài rọi qua nhuộm lên khắp gian phòng một màu xám nhờ nhờ thê lương.

Người chết nằm sóng soài trên sàn, hai con mắt trợn trừng nhìn lên trần nhà. Nạn nhân khoảng 43, 44 tuổi, người tầm thước, vai rộng, tóc quăn và đen, râu rậm xén ngắn. Mặc một chiếc áo đuôi tôm dày nặng, bên trong là chiếc áo gi-lê bằng da tốt, quần dài màu sáng, cổ áo và cửa tay áo trắng tinh. Một chiếc mũ đứng, sang trọng và rất sạch nằm ngay trên sàn nhà, cạnh nạn nhân. Hai bàn tay nắm chặt, cánh tay dang rộng, chân quắp vào nhau cho thấy cuộc vật lộn với tử thần đã diễn ra hết sức khốc liệt. Trên nét mặt cứng đờ còn in một nỗi kinh hoàng. Nét mặt nhẵn nhúm thành một vẻ độc ác ghê sợ đó, cộng với cái trán ngắn, cái mũi tẹt di, hàm răng nhô ra, cùng với tư thế kỳ quặc, càng làm cho người chết có một vẻ rất giống loài khỉ. Tôi đã từng thấy cái chết dưới nhiều hình dạng, nhưng chưa bao giờ thấy nó dưới dạng thảm khốc đến như vậy.

Lestrade vốc người gầy gò, mặt choắt, đứng ở cửa chào chúng tôi:

“Vụ này sẽ ồn ào đây. Nó vượt tất cả những vụ tôi đã được chứng kiến.”

“Không có một vết tích nào.” Gregson nói.

“Không có mảy may.” Lestrade xác nhận.

Holmes đến cạnh xác nạn nhân, quỳ gối xuống và xem xét rất cẩn thận.

“Hai ông đã kiểm tra kỹ là không có thương tích gì chứ?” Holmes chỉ những giọt máu và những vết máu có rất nhiều xung quanh xác chết.

Cả hai thám tử của Scotland Yard cùng kêu lên:

“Hoàn toàn chắc chắn.”

“Thế thì tất nhiên máu này là của một kẻ thứ hai, chắc là của hung thủ, nếu như đây là một vụ ám sát.”

Trong khi nói, những ngón tay nhanh nhẹn của anh lảng quăng chỗ này chỗ kia, sờ nắn, lần mò, xem xét khắp nơi, còn đôi mắt vẫn đăm đăm cái vẻ xa vắng. Sau cùng Holmes ngẩng môi rồi xem để giày người chết.

“Không ai xê dịch xác này chứ?”

“Không.”

“Bây giờ các ông có thể cho chuyển về nhà xác được rồi.”

Gregson đã có sẵn một cái cang và bốn người giúp việc. Khi cái xác được xốc lên thì có một chiếc nhẫn rơi xuống sàn, Lestrade chớp lấy chiếc nhẫn, ngắm nghía với con mắt kính ngạo, reo lên:

“Đã có mặt một người đàn bà ở đây! Một chiếc nhẫn cưới đây mà!”

Vừa nói, ông ta vừa chìa chiếc nhẫn đặt trong lòng bàn tay của mình ra cho chúng tôi xem. Không có gì nghi ngờ: Chiếc vòng tròn nhỏ xíu một mặt bằng vàng này đã từng trang điểm cho ngón tay của một cô dâu.

“Thế là càng thêm rắc rối.” Gregson đánh giá.

“Ông có dám chắc là chiếc nhẫn lại không giúp ta chút nào không? Ngoài ra, ông thấy có những gì trong các túi áo, túi quần nạn nhân?” Holmes nhận xét.

Gregson chỉ những đồ vật được bày ra trên những bậc thang dưới cùng ngoài cửa buồng:

”Tất cả ở đây. Một chiếc đồng hồ bằng vàng khắc số 97.163 ở cửa hàng Barkerraud, London. Một dây xà tích vàng, dày dặn và rất nặng, một chiếc nhẫn vàng có khắc biểu tượng của một hội kín. Một chiếc kẹp ca vát bằng vàng, chạm thành hình đầu chó, một cái ví đựng những danh thiếp ghi tên Enoch J.Drebber ở trong thành phố Cleveland phù hợp với những chữ viết tắt E.J.D trên quần áo. Không có ví tiền nhưng có mấy đồng tiền, cộng lại là bảy bảng[1]. Hai bức thư, một bức đề gửi cho E.J.Drebber và bức kia gửi cho kẻ nào đó tên là Joseph Stangerson.

“Gửi về địa chỉ nào?”

“Gửi đến Sở giao dịch chứng khoán Mỹ. Cả hai bức thư đều là của công ty vận chuyển tàu biển Guion và cùng nơi đến, ngày giờ khởi hành các chuyến tàu của họ, xuất phát từ Liverpool. Rõ ràng nạn nhân sắp sửa lên tàu đi New York.”

-Các ông đã điều tra về một người mang tên là Stangerson này chưa?

-Điều tra ngay chứ! -Gregson đáp- Tôi đã cho đăng lời nhắn tin trên tất cả các báo hàng ngày và cử người đến sở giao dịch chứng khoán Mỹ, nhưng chưa về.

-Các ông đã liên lạc với Cleveland chưa?

-Chúng tôi đã đánh điện sáng nay.

-Các ông đã đặt những câu hỏi như thế nào trong điện?

-Chúng tôi chỉ tường thuật tỉ mỉ vụ án mạng và nói sẽ rất biết ơn nếu nhận được mọi tin tức có thể giúp chúng tôi làm sáng tỏ vụ này.

-Ông có hỏi tỉ mỉ về một điểm nào đó mà các ông coi là thiết yếu không?

-Tôi có nói đến Stangerson.

-Ngoài ra không nói gì khác? Liệu có thể có một chi tiết nào đấy làm đầu mối cho toàn bộ vụ này không? Các ông có nên đánh điện lại không?

-Tôi đã điện đi tất cả những gì cần hỏi rồi. Gregson nói với vẻ bị xúc phạm.

Holmes cười thâm và hình như định có một lời nhận xét thì Lestrade từ gian phòng đằng trước quay lại, xoa hai tay với vẻ hài lòng, giọng khoa trương:

-Ông Gregson ạ, tôi vừa mới phát hiện một chi tiết hết sức hệ trọng. Mắt Lestrade sáng lên. Ông ta mừng rỡ ra mặt vì đã thắng đồng nghiệp của mình một điểm:

-Mời các ông lại đây! Lestrade hồi hã trở lại gian phòng khi nãy.- Đây, các ông đến đứng ở chỗ này này.

Ông ta bật một que diêm và giơ lên cao sát mặt tường, giọng đắc thắng:

-Các ông nhìn đây!

Ở mé tường này, một mảnh giấy dán lớn đã bị bong, rơi đi đâu mất, để lộ một khoảng tường trát vữa thô nhám, vàng ệch, hình vuông. Trên khoảng tường trần trụi, có ai đã nguệch ngoạc viết những chữ mang màu đỏ sẫm bằng máu khô: “Rache”.

Nhà thám tử hồ hởi, nói tiếp:

-Chi tiết này bị bỏ sót vì đây là chỗ tối nhất trong phòng. Thủ phạm đã viết chữ này bằng chính máu mình. Ta hãy nhìn vết này, chỗ máu đã chảy dọc trên tường. Chi tiết này đã loại trừ khả năng đây là một vụ tự sát. Tại sao hắn viết tại nơi này. Tôi xin nói lý do. Các ông có thấy ngọn nến trên mặt lò sưởi không? Lúc bấy giờ, ngọn nến này được thắp sáng và chỗ này trở thành chỗ sáng nhất trên bức tường.

-Giờ đây, đã phát hiện hết rồi, ông thấy ý nghĩa nó ra sao? Gregson vắn hỏi với vẻ khâm phục.

-Kẻ này đang định viết tên Rachel, nhưng không kịp viết cho trọn tên. Các ông hãy nhớ lấy lời tôi: khi vụ này được làm sáng tỏ, các ông sẽ thấy một người đàn bà tên là Rachel dính líu vào đây. Ông cứ tin đi, ông Holmes!

-Tôi xin lỗi -Holmes nói với Lestrade khi thấy tiếng cười của mình đã làm cho anh chàng bực tức. -Ông là người đầu tiên cho chúng tôi thấy chi tiết này, và xem chừng kẻ viết chữ này là nhân vật thứ hai trong vụ án. Tôi chưa có dịp xem kỹ gian phòng, nhưng bây giờ, mạn phép các ông, tôi sẽ xem xét một lát.

Nói xong, anh rút trong túi ra một cuộn thước dây và kính lúp, dò soát khắp căn phòng, lúc thì dừng lại hồi lâu, lúc thì quỳ hấn gối xuống mặt đất; thậm chí có lúc nằm xoài, úp bụng xuống sàn. Anh bị thu hút vào công việc đến nỗi hình như quên hẳn chúng tôi, vì anh lầm bầm nho nhỏ một mình, thỉnh thoảng lại khê reo lên, xuyt xoa, làu bàu hay huýt sáo miệng. Những hành động ấy có thể diễn đạt những hy vọng của anh, song cũng có thể coi là những lời anh tự khích lệ trong công việc của mình.

Trong hai mươi phút, anh mải mê tìm tòi, dùng thước đo một cách tỉ mỉ khoảng cách giữa những dấu vết hoàn toàn vô hình đối với tôi. Đôi khi, anh lại úp cái thước dây vào tường. Ở chỗ trên sàn nhà, anh hết sức thận trọng thu nhặt một nhúm nhỏ thứ bụi xám xám và cất vào phong bì. Sau cùng anh dùng kính lúp soi từng nét chữ của cái từ bí ẩn viết trên tường. Sau đó, anh có vẻ hài lòng, cất thước dây và kính lúp vào túi, đưa ra một nhận xét:

- Có người bảo rằng thiên tài là sự lao động hết sức kiên trì. Định nghĩa ấy không hoàn toàn chính xác, nhưng áp dụng vào công việc của người thám tử thì rất đúng.

Gregson và Lestrade đã theo dõi mỗi động tác của nhà thám tử từ với một vẻ tò mò. Họ cùng lên tiếng hỏi:

-Ông có ý kiến gì không, ông Holmes?

Bạn tôi đáp, giọng đầy châm chọc:

-Cho tôi được phép góp vào một tay có khác gì làm hoen mờ vinh quang của các ông trong vụ này. Các ông sẽ tự giải quyết nó một cách chóng vánh và trọn vẹn, để một kẻ thứ ba xen vào thì thật là đáng tiếc. Dẫu vậy, tôi sẽ lấy làm hân hạnh được giúp các ông. Trong khi chờ đợi, tôi muốn gặp viên cảnh sát đã phát hiện ra xác nạn nhân. Các ông có thể cho tôi biết địa chỉ người ấy được không?

Lestrade nhìn vào quyển sổ tay:

-John Rance. Hiện giờ, anh ta đã hết ca làm việc. Ông có thể lại nhà anh ta ở số 46 đường Audley, khu Kennington.

Holmes ghi địa chỉ và bảo tôi:

-Bác sỹ Watson, ta đến gặp anh chàng ấy đi. -Rồi quay sang các nhà thám tử của nước Anh- Đây là một vụ ám sát, và thủ phạm là một người đàn ông. Một người đàn ông lực lưỡng, cao hơn 6 feet, tuổi trung niên. So với tầm vóc thì chân hơi nhỏ. Hắn đi giày mũi vuông, hút xì gà Trichinopoly. Hắn đến đây cùng với nạn nhân trên một chiếc xe ngựa bốn bánh. Con ngựa kéo xe có ba móng sắt cũ và một móng sắt mới ở chân trái trước. Thủ phạm có bộ mặt đỏ gay, móng bàn tay phải của hắn đặc biệt dài.

Hai thám tử nhà nước nhìn nhau với nụ cười hoài nghi. Gregson lên tiếng:

-Nếu vậy, nạn nhân bị giết bằng cách nào?

-Bằng thuốc độc -Holmes trả lời vẫn tắt rồi ra về, nhưng trước khi bước qua ngưỡng cửa, anh còn quay lại nói thêm: - Còn một chi tiết này nữa; ông Lestrade ạ. Rache trong tiếng Đức có nghĩa là trả thù, vậy ông đừng mất thời giờ tìm kiếm cô Rachel làm gì.

Sau ngón đòn nhẹ này, Holmes bỏ về, để lại đằng sau hai địch thủ há hốc mồm nhìn nhau.

—

[1] Nguyên văn: pound, đơn vị tiền tệ Anh

4. Lời Khai Của Cảnh Sát John Rance

Lúc chúng tôi rời ngôi nhà số 3 đường Lauriston thì đã một giờ trưa. Holmes kéo tôi đến trạm bưu điện gần nhất, gửi đi một bức điện dài. Sau đó, anh gọi xe ngựa bảo đánh đến địa chỉ mà Lestrade đã ghi cho.

-Không gì giá trị bằng những nhân chứng trực tiếp. Thực ra, vụ này đã được xác định rồi, nhưng hỏi để biết thêm vài chi tiết cũng không thừa. -Có thực các chi tiết mà anh vừa nói là đúng không?

-Điều đầu tiên tôi nhận ra ngay khi đến hiện trường là một chiếc xe ngựa đã in bánh thành hai cái rãnh sâu cạnh bờ hè. Trước đêm hôm qua, trời không mưa một tuần. Vậy thì chiếc xe đã để lại vết bánh chỉ có thể đổ ở đây sau cơn mưa đêm qua. Tôi thấy cả các dấu chân một con ngựa. Một trong những vết chân này sắc nét hơn cả ba vết chân khác, điều đó chứng tỏ con ngựa có một chiếc móng mới đóng. Có một chiếc xe ngựa đã đến đây sau khi trời mưa và theo lời Gregson cho biết sáng nay không thấy nó đâu, ta suy ra chiếc xe của hắn đã đến rồi rời đi trong đêm và do đó, nó chính là chiếc xe chở hai người kia đến ngôi nhà.

-Nghe ra khá đơn giản. Nhưng còn về tầm vóc của người hung thủ?

-Có gì đâu! Ta có thể căn cứ vào chiều dài của bước chân mà suy ra chiều cao của người. Tôi đã thấy vết chân của người thứ hai trên lớp đất sét ở ngoài nhà và trên lớp bụi trong gian phòng. Ngoài ra, tôi còn có một cách khác để kiểm tra cách tính của tôi. Khi viết trên tường, người ta thường viết ngang tầm mắt mình. Chữ viết kia, như tôi đo được, ở cách mặt đất đúng 6 feet. Dễ như bỡn, phải không bác sỹ?

-Thế còn tuổi hắn?

-Một người có thể dễ dàng phóng bước 4 feet rưỡi thì không thể là người luống tuổi. Đây cũng là chiều dài của một vũng nước trên lối đi qua vườn mà hắn đã bước qua. Kẻ đi giày sang trọng cỡ nhỏ đã đi vòng qua vũng nước còn kẻ đi giày thô mũi vuông thì phóng bước ngang qua. Không có chút gì bí ẩn ở điểm này. Tôi chỉ áp dụng vào trong nếp sống hàng ngày một vài nguyên lý quan sát và suy đoán mà tôi đã nêu lên trong bài báo của tôi thôi. Có điều gì khác anh thấy khó hiểu nữa không?

-Móng tay và xỉ gà?

-Mấy chữ trên tường được viết bằng một ngón tay trở nhúng trong máu. Chiếc kính lúp đã giúp tôi nhận ra là khi viết, ngón tay người này đã cào mạnh lên lớp vữa trát tường, điều này chỉ có thể xảy ra nếu người này có móng tay dài. Tôi tìm thấy rải rác trên sàn một ít tro đen và xóp, chỉ có loại xỉ gà Trichinopoly mới cho một thứ tàn như vậy. Chính những điều vụn vặt vậy làm cho nhà thám tử có tài khác với loài thám tử như Gregson và Lestrade.

-Còn bộ mặt đỏ?

-Bộ mặt đỏ là một kết luận hơi táo bạo. Thôi không nên hỏi nhiều.

Tôi đưa tay xoa trán:

-Đầu tôi xoay như chong chóng. Càng nghĩ càng không biết đâu mà lần. Tại sao hai người ấy lại đến một ngôi nhà bỏ không? Người đánh xe chở họ đến hiện nay ra sao? Làm thế nào người này lại ép buộc được người kia uống thuốc độc? Máu ở đâu ra? Hung thủ giết người để làm gì? Tại sao lại có một chiếc nhẫn phụ nữ? Tại sao hung thủ viết chữ “RACHE” trước khi bỏ chạy?

Bạn tôi nở một nụ cười đồng tình:

-Anh đã tóm tắt ngắn gọn và chính xác những điều nan giải của vụ này. Hãy còn khá nhiều khía cạnh khó hiểu khác nữa. Còn về phát hiện của anh chàng Lestrade kia? Chữ này không phải do một người Đức viết. Nếu anh chú ý, anh sẽ thấy chữ A được viết hơi theo kiểu chữ của người Đức. Thế nhưng, người Đức chính cống bao giờ cũng viết theo dạng chữ Latin, vì vậy ta có thể khẳng định rằng những chữ này không phải do một người Đức viết mà là một kẻ muốn giả làm người Đức, nhưng vụng về. Đây chỉ là một cái mưu nhằm đánh lạc hướng cuộc điều tra. Nhưng thôi, bác sỹ Watson, cắt nghĩa hết các phép thuật của mình thì nhà phù thủy chẳng còn gì là cao tay nữa. Cũng vậy, nếu tôi bày tỏ với anh quá nhiều phương pháp làm việc của tôi, anh sẽ đi đến kết luận là tôi rút cuộc cũng chẳng có gì đặc biệt cả.

-Không khi nào! Anh đã đưa phép suy đoán của anh đến chỗ gần thành một môn khoa học chính xác như chưa từng có trên thế giới này.

Những lời tôi nói và vẻ khâm phục trên nét mặt tôi khiến Holmes đỏ mặt vì sung sướng.

-Tôi xin kể thêm với anh. Kẻ đi giày cỡ nhỏ và kẻ đi giày mũi vuông cùng đến trên một chiếc xe, cùng đi trên lối đi qua vườn. Vào nhà, kẻ đi giày nhỏ đi đi lại lại ngang dọc gian phòng. Tôi có thể đọc thấy điều đó trên lớp bụi, tôi còn có thể đọc được là càng đi, hần càng nổi xung lên, có thể thấy rõ ở bước chân ngày một dài của hần. Khởi đầu ta đã có một điểm xuất phát đúng, vậy phải xúc tiến gấp lên thôi, vì chiều nay tôi muốn đi nghe hòa nhạc.

Câu chuyện giữa hai chúng tôi diễn ra trên chiếc xe ngựa đang lăn bánh. Đến những ngõ ngách bẩn thỉu và gớm ghiếc nhất, chiếc xe bỗng dừng lại.

-Đến chung cư Audley rồi, ở trong kia kìa - Người xà ích chỉ một khoảng hẹp giữa dãy nhà bằng gạch đen sì. Tôi chờ các ông ở ngoài này.

Lối đi nhỏ hẹp dẫn chúng tôi đến một cái sân gạch hình vuông, xung quanh là những căn nhà nhộp nhúa. Đi qua một nhóm trẻ Con rách rưới và một loạt dây phơi quần áo, chúng tôi tìm đến căn hộ số 46. Bên cửa có một tấm biển nhỏ bằng đồng khắc tên Rance. Hỡi ra, chúng tôi được biết viên cảnh sát đã đi ngủ. Người nhà đưa chúng tôi vào chờ ở gian nhà ngoài.

Một lát sau, viên cảnh sát ra tiếp, vẻ hơi cáu kỉnh:

-Tôi đã báo cáo hết ở đồn cảnh sát rồi.

Holmes rút ra một đồng tiền vàng, mân mê với vẻ tư lự:

-Chúng tôi muốn nghe chính anh kể lại.

Viên cảnh sát thay đổi hẳn thái độ:

-Tôi sẵn sàng.

Rance ngồi xuống chiếc ghế đệm, cau mày lại với vẻ mặt của người không muốn để sót một chi tiết nào.

-Ca đi tuần của tôi là từ 10 giờ tối đến 6 giờ sáng. Vào lúc 11 giờ đêm, xảy ra một vụ đánh nhau ở gần quán rượu "Con hươu trắng"[1], ngoài ra khá yên tĩnh. Đến 1 giờ, trời bắt đầu mưa và tôi gặp Harry Murcher, viên cảnh sát đi tuần phía đường Holland Grove. Chúng tôi nói với nhau dăm ba câu chuyện ở góc phố Henryetta. Một lát sau vào khoảng 2 giờ, tôi tự nhủ mình phải đi một vòng về phía đường Brixton. Phố xá yên tĩnh. Tôi không gặp ai cả, tuy có thấy một hai chiếc xe. Tôi đi thong thả, vừa đi vừa nghĩ tới một ly rượu. Bỗng nhiên một vạch ánh sáng lọt ra từ cửa sổ một ngôi nhà làm tôi chú ý. Tôi vốn biết hai ngôi nhà ở đường Lauriston vẫn bỏ không. Vì vậy tôi ngờ rằng có một chuyện gì không bình thường, khi tôi vào đến cửa nhà...

-...Thì anh đứng lại và quay ra chỗ cửa vườn. Tại sao?

-Vâng, đúng thế. Nhưng quái lạ, sao mà ông biết? Khi tôi đến cửa nhà, cảnh vật im lìm và vắng vẻ đến nỗi tôi phải quay trở lại cửa vườn, xem có thấy ngọn đèn tuần tra của Harry không. Nhưng không thấy bóng một ai cả.

-Anh không thấy ai ngoài phố à?

-Không một ai, ngay một con chó cũng không. Lúc bấy giờ, tôi trở lại, đẩy cánh cửa. Cánh cửa mở ra dễ dàng, bên trong hoàn toàn yên tĩnh. Tôi bước vào gian phòng có ánh sáng. Dưới ánh sáng chớp chờn của một ngọn nến trên mặt lò sưởi, tôi thấy...

-Được rồi, tôi biết anh thấy những gì rồi. Anh đã đi vòng quanh gian phòng vài ba lần, anh đã quỳ gối xuống bên cạnh xác chết, rồi anh đi ngang qua gian phòng, thử mở cánh cửa gian bếp và...

Rance bật đứng dậy, nét mặt hoảng hốt, con mắt ngờ vực:

-Ông nấp ở chỗ nào mà nhìn thấy hết các hoạt động của tôi?

Holmes cười vui vẻ và đặt tấm danh thiếp của mình lên bàn:

-Chớ bắt giữ tôi về vụ án mạng này. Tôi là một trong những người săn đuổi con mồi chứ không phải là con mồi đâu. Anh kể tiếp đi. Sau đó anh làm gì?

Rance ngồi xuống, chưa bớt bàng hoàng:

-Tôi trở ra cửa, huyết còi. Nghe tiếng còi, Harry và hai viên cảnh sát khác kéo đến.

-Lúc đó ngoài phố vẫn không có ai à?

-Vâng, ít ra là không có ai có thể giúp tôi.

-Anh nói thế là thế nào?

Viên cảnh sát cười nhún cả mặt:

-Trong đời tôi đã gặp khá nhiều đứa say, nhưng chưa bao giờ thấy ai say như gã này. Gã đứng ngoài cửa khi tôi ở trong nhà bước ra. Tựa người vào hàng rào gỗ, gã hát toáng lên một bài hát quen thuộc ở các quán rượu. Gã đứng cũng không vững, chứ đừng nói đến giúp tôi một tay.

-Gã đó thuộc dạng người như thế nào?

Rance có vẻ khó chịu trước câu hỏi lạc đề:

-Tôi đã bảo gã là gã say mềm mà, sau khướt, không biết trời đất là gì nữa. Nếu chúng tôi không vướng tay vào vụ này thì đã đưa gã về đồn rồi.

-Mặt gã thế nào? Gã mặc quần áo gì? Anh có thấy điều gì đặc biệt không? Holmes nôn nóng ngắt lời anh ta.

-Chắc là không có gì đặc biệt, vì tôi và Harry phải đỡ gã. Người gã cao lớn, mặt đỏ.

-Thôi đủ rồi, sau đó ra sao?

-Lúc bấy giờ chúng tôi đâu có rỗi rãi để mà bận tâm đến gã. Viên cảnh sát trả lời với vẻ méch lòng. Tôi cam đoan là gã đi ngay về nhà.

-Gã mặc quần áo gì?

-Áo khoác ngoài màu nâu.

-Tay có cầm cái roi phải không?

-Roi à? Không.

-Hắn ta đã bỏ quên. Bạn tôi lắm bầm. Sau đấy anh không nghe thấy hoặc nhìn thấy một chiếc xe ngựa nào à?

-Không.

-Xin đãi ông bạn đồng tiền vàng này -Holmes đứng dậy, tay cầm lấy mũ. -Anh Rance này, đêm qua lẽ ra anh đã giết được lon đội trưởng rồi đấy. Gã say rượu là người nắm giữ cái chìa khóa tìm ra vụ bí mật này. Chúng tôi đang tìm hắn. Thôi, ta đi đi bác sỹ!

Chúng tôi trở ra xe, để mặc viên cảnh sát ngồi ngẩn người và lo lắng.

Trong chiếc xe chạy về phố Baker, Holmes nói, giọng ngao ngán:

-Dịp may có một không hai đã đến với hân mà hân để tuột mất.

-Tôi vẫn thấy tối như bưng. Đúng là hình dáng gã say rượu kia rất khớp với sự miêu tả của anh về nhân vật thứ hai trong tấn bi kịch. Nhưng tại sao hân quay trở lại ngôi nhà sau khi đã bỏ đi rồi. Đó không phải là thói thường hành động của bọn tội phạm.

-Chiếc nhẫn, bác sỹ ạ, vì chiếc nhẫn. Đó là lý do vì sao nó quay lại. Nếu ta không tìm được cách nào khác để tóm cổ nó, ta có thể bắt nó bằng chiếc nhẫn. Rồi tôi sẽ tóm cổ được nó tôi đánh cuộc với anh đấy. Thôi, bây giờ, ta đi ăn cơm trưa rồi còn đi nghe hòa nhạc.

[1] Nguyên văn: White Hart

5. Cuộc Viếng Thăm Của Người Khách Lạ

Các hoạt động trong buổi sáng hôm đó là quá nhiều, cho nên đến chiều, tôi thấy mệt. Holmes, đi nghe hòa nhạc một mình còn tôi nằm dài trên chiếc đi-văng, cố chợp mắt lấy một vài tiếng, nhưng không sao ngủ được. Trí óc tôi bị kích thích quá mạnh vì những sự Việc đã diễn ra và chứa đầy những giả thiết, những điều tưởng tượng kỳ quái nhất.

Càng nghĩ, tôi càng thấy giả thiết của Holmes cho rằng nạn nhân đã bị đầu độc là kỳ quái. Nhưng nếu nạn nhân không phải chết vì thuốc độc thì vì cái gì, bởi lẽ trên cơ thể không có một thương tích nào cả. Và máu trên sàn là máu của ai? Chừng nào những câu hỏi ấy chưa được giải đáp, tôi cảm thấy giấc ngủ khó mà đến được.

Holmes vắng nhà khá lâu. Anh không thể nào ở nơi hòa nhạc tất cả gần ấy thời gian. Bữa ăn tối dọn ra xong, anh mới về.

-Thật là kỳ thú -Holmes vừa nói vừa ngồi vào bàn ăn -Darwin cho rằng khả năng tạo ra âm nhạc và thưởng thức âm nhạc đã tồn tại ở con người từ lâu, trước khi con người biết nói. Có thể vì lẽ ấy mà ngày nay chúng ta chịu ảnh hưởng êm ái của âm nhạc. Trong tâm hồn chúng ta còn lưu lại những ký ức mơ hồ về những thời kỳ mông muội ấy.

-Đó là một tư tưởng rất vĩ đại -Tôi nhận xét.

-Tư tưởng của chúng ta phải vĩ đại ngang tầm với tự nhiên khi ta muốn tìm hiểu tự nhiên. Nhưng sao thế?

-Vụ án mạng là anh bồn chồn à?

-Đúng thế.

-Tôi hiểu tâm trạng anh. Trong vụ này có một khía cạnh bí ẩn nó kích thích trí tưởng tượng. Khi mà trí tưởng tượng không bị kích thích thì ta không thấy khủng khiếp. Anh đã đọc báo buổi chiều chưa?

-Chưa.

-Bài tường thuật không kể Lại chi tiết khi người ta nhất xác nạn nhân lên thì có một chiếc nhẫn rơi ra. Không nói đến chiếc nhẫn càng hay .

-Vì sao?

-Anh hãy đọc lời nhắn tin này. Sáng nay tôi đã gửi đăng trên các báo, ở mục “Của rơi”: “Đã nhặt được một chiếc nhẫn cưới trên đường Brixton, đoạn từ quán rượu ”CON HUỖU TRẮNG” đến góc phố Holland Grove. Ai đánh rơi, mời đến gặp bác sỹ Watson ở số nhà 221B, phố Baker nhận về, từ tám giờ đến chín giờ tối nay.

-Tôi xin lỗi đã mượn tên anh. Nếu dùng tên tôi thì thế nào một trong hai tên gốc kia cũng nhận ra và lại dính vào đây.

-Không sao cả. Nhưng nhờ có ai đến, tôi lại không có chiếc nhẫn nào.

-Ồ, có chứ, nhẫn đây! Holmes đưa cho tôi một chiếc nhẫn. Chiếc nhẫn này được đẩy chứ, giống chiếc kia như in.

-Ai sẽ đến xin lại của rơi này?

-Còn ai vào đây! Kẻ mặc chiếc áo khoác ngoài màu nâu, có bộ mặt đỏ đi giày mũi vuông. Nếu hắn không đích thân đến thì hắn sẽ phái một tên đồng lõa.

-Liệu hắn có cho là quá nguy hiểm không?

-Không đâu! Con người ấy dám liều mọi chuyện hơn là để mất chiếc nhẫn. Theo tôi, hắn đã đánh rơi chiếc nhẫn khi cúi xuống trên xác nạn nhân. Lúc ra khỏi nhà, hắn thấy mất chiếc nhẫn nên vội vã quay lại, nhưng lúc ấy cảnh sát đã tới vì hắn vô ý để ngọn nến vẫn cháy. Lúc bấy giờ hắn đã phải giả vờ say để đánh tan mọi nghi ngờ do sự Có mặt của hắn. Hắn cho rằng mình đã đánh rơi chiếc nhẫn sau khi ra khỏi nhà. Trong trường hợp đó, hắn sẽ làm gì? Hắn sẽ hối hả tìm đọc các mục đăng “CỬA RƠI”. Hắn sẽ mừng lắm. Việc gì hắn phải sợ bị bắt. Hắn sẽ đến cho mà xem. Trong vòng một giờ nữa.

-Rồi sao nữa?

-Ồ, khi ấy, anh có thể để mặc tôi với hắn. Anh có súng đấy không?

-Tôi còn giữ khẩu súng ngắn với mấy viên đạn.

-Anh nên lau chùi và nạp đạn vào. Tôi sẽ gặp một con người rất liều mạng.

Tôi về phòng riêng và làm theo lời khuyên của Holmes. Khi trở lại với khẩu súng, tôi thấy bàn ăn đã được dọn sạch và Holmes đang bận với môn giải trí ưa thích của mình: gảy dây đàn vĩ cầm. Thấy tôi vào, anh nói:

-Câu chuyện thêm nhiều chi tiết đậm đà. Tôi vừa mới nhận được điện trả lời từ Mỹ. Cách nhìn nhận vấn đề của tôi đã được xác nhận là đúng.

-Cụ thể là...? Tôi sốt sắng hỏi.

-Cất súng đi. Khi nhân vật của chúng ta xuất hiện, anh hãy nói chuyện với hắn một cách bình thường và để mặc tôi xử sự. Đừng làm hắn hoảng lên bằng những lời quá gay gắt.

-Bây giờ đã 8 giờ rồi.

-Được, hắn sẽ tới trong vài phút nữa. Anh hé mở cánh cửa một chút. Thế được rồi. Bây giờ anh tra chìa khóa vào ổ khóa trong đi. Cám ơn! A! Nhân vật của chúng ta đến kia rồi.

Trong lúc anh nói, tôi nghe tiếng chuông giật mạnh. Holmes nhẹ nhàng đứng dậy, kê lại ghế của mình gần cửa. Có tiếng chân người hầu vang lên trong phòng tiền sảnh, tiếng chìa khóa vặn trong ổ khóa và tiếng cửa mở.

Một giọng thanh thanh nhưng khá rần rở:

-Đây có phải là nhà bác sỹ Watson không?

Chúng tôi không nghe thấy câu trả lời của người hầu, nhưng cánh cửa khép lại và có người bước lên cầu thang. Bước chân ngập ngừng, dè dặt. Holmes lắng tai nghe, có vẻ hơi ngạc nhiên. Có ai đó bước chậm chạp ngoài hành lang rồi gõ cửa khe khẽ.

-Mời vào! Tôi hét to.

Sau lời mời của tôi, một bà cụ rất già, da nhăn nheo, bước vào. Bà cụ hình như bị chói mắt vì ánh sáng trong phòng. Bà cúi đầu xuống chào rồi cứ đứng nhìn chúng tôi với con mắt hấp háy đầy ghen, bàn tay run rẩy lục tìm cái gì trong túi. Tôi liếc nhanh nhìn Holmes. Nét mặt anh biểu lộ một vẻ thất vọng. Bà lão rút trong túi ra một tờ báo:

-Thưa các ông quý hóa, tôi đọc được mẩu tin này trên báo nên mới đến- Bà lão lại cúi chào một lần nữa- Đó là chiếc nhẫn của con gái tôi, tên nó là Sally, nó lấy chồng cách đây một năm và chồng nó hiện đang

làm việc trên tàu thủy. Chồng nó sẽ nói sao khi về thấy vợ không còn chiếc nhẫn cưới nữa. Thằng đó vốn là một đứa không thuần tính, nhất là khi rượu vào. Thưa hai ông, con gái tôi tới qua nó đi xem xiếc với...

-Đây có phải là chiếc nhẫn của cô ấy không? Tôi hỏi và đưa chiếc nhẫn ra.

-Xin tạ ơn chúa! Tối nay, con Sally sẽ mừng lắm đấy. Đúng là chiếc nhẫn của nó.

-Nhà cụ ở đâu? Tôi hỏi và cầm lấy bút chì.

-Số 13 phố Duncan khu Houndsditch. Xa đây lắm và đi mệt lắm.

Giọng Holmes đánh lại:

-Không có rạp xiếc nào từ Brixton đến khu Houndsditch cả.

Bà cụ quay sang Holmes, nhìn chằm chằm:

-Ông này hỏi nhà tôi. Còn nhà Sally thì ở số 3 khu Mayfield đường Peckham.

-Tên cụ là gì?

-Tên tôi là Sawyer, chồng nó là Dennis, Tom Dennis, một đứa nhanh nhẹn và khá ngoan khi ở biển, ai nấy đều quý hóa. Nhưng khi nó lên bờ thì ôi dào, rượu chè, trai gái

-Cụ Sawyer -Tôi ngắt lời bà cụ khi thấy Holmes ra hiệu. Chiếc nhẫn này đúng là của con gái cụ, tôi rất vui lòng trả lại cho chủ của nó.

Làm bầm mũi những lời cảm ơn và chúc tụng, bà cụ cất chiếc nhẫn vào trong túi rồi lại lê chân bước xuống thang gác.

Holmes lao vội về buồng anh khi bà cụ vừa ra khỏi phòng. Vài giây sau, anh trở lại, người trùm trong chiếc áo măng-tô lớn và một cái khăn quàng kín cổ kín mũi.

-Tôi đi theo bà lão đấy. Anh chờ tôi ở nhà nhé.

Cổng nhà vừa khép lại sau lưng người khách già thì Holmes đã xuống hết cầu thang. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy bà già đang bước chậm chậm qua đường và bạn tôi ở cách đó không xa

Lúc Holmes đi, kim đồng hồ chỉ 9 giờ tối. Tôi ngồi hút thuốc và đọc sách. Chuông đồng hồ điểm 10 giờ, tôi nghe tiếng chân những người hầu gái đi ngủ. Mười một giờ, đến lượt tiếng chân rần rởn hơn của bà chủ nhà lên giường. Gần nửa đêm thì có tiếng mở khóa cửa. Holmes vừa mới thò đầu vào buồng, tôi đã thấy ngay là hỏng việc. Nét mặt Holmes có vẻ vừa buồn cười vừa bực bội, hai tâm trạng đó hình như vật lộn với nhau cho đến khi vẻ buồn cười thắng thế thì anh bật cười thành tiếng, buông mình xuống chiếc ghế bành, tự giễu mình:

-Giá mà Scotland Yard biết chuyện này, họ sẽ được một trận cười chế nhạo.

-Có chuyện gì vậy?

-Khi đi được một đoạn đường thì mù già bắt đầu đi khập khiễng, lộ rõ là đau chân. Được một quãng nữa, mù đứng lại, gọi một chiếc xe ngựa ngang qua. Tôi vội mon men đến gần, nhưng lo như vậy là thừa, vì mù nói to đến nỗi đứng ở bên kia đường cũng nghe rõ. Mù hét lên: "Cho tôi đến nhà số 14 phố Duncan, khu Houndsditch". Tôi nghĩ bụng mù này xem ra có vẻ ngay thật đấy. Khi đã thấy rõ ràng mù ngồi vào trong chiếc xe rồi, tôi mới thu mình nhảy lên ngồi nấp trong nhíp xe: đây là một trò mà nhà thám tử nào cũng sở trường. Thế rồi xe chạy, chạy mãi, không dừng lại một giây nào cho đến khi tới phố Duncan. Sắp đến nhà, tôi từ chỗ ngồi nhảy xuống, đi vắn vơ ngoài phố, người đánh xe nhảy xuống. Sấn lại gần, tôi thấy hần đang tức tối xem xét khoang xe trống không và tuôn ra một tràng câu chữ. Đến hỏi nhà số 13 tôi được biết chủ nhà là một người làm bánh ngọt tên là Keswick và ông chưa nghe đến tên Sawyer lẫn Dennis bao giờ.

Tôi kinh ngạc :

-Mù già đã chuồn khỏi xe trong khi xe đang chạy mà anh và người đánh xe đều không biết?

-Để cho bị lừa như vậy chính chúng ta mới là bà già. Đó chắc là một gã trai trẻ, nhanh nhẹn, đóng kịch giỏi, cải trang khéo. Có lẽ hẳn biết hẳn bị theo dõi nên đã dùng cái mẹo ấy để lừa tôi. Điều đó chứng tỏ rằng nhân vật mà chúng ta tìm kiếm có những người bạn tài ba. Thôi bây giờ, anh có vẻ mệt đấy, bác sỹ ạ. Anh nên đi ngủ đi.

Tôi để Holmes ngồi một mình bên lò sưởi, và rất khuya tôi còn nghe thấy những âm thanh nỉ non khe khẽ trên cây đàn của anh. Tôi biết anh đang suy ngẫm về bài toán kỳ quặc mà anh muốn giải đáp.

6. Gregson Tìm Thấy Gì

Các báo hôm sau đăng đầy những bài viết về “vụ án bí ẩn ở Brixton”. Dưới đây là nội dung tóm tắt của một số bài.

Tờ “Tin điện hằng ngày” nhận xét:

“Trong lịch sử khoa hình sự, chưa mấy khi xảy ra một tấn bi kịch với những tình tiết kỳ quặc hơn thế. Nạn nhân mang tên Đức, những chữ bằng máu trên tường, động cơ ám sát không có. Tất cả những chi tiết ấy cho thấy án mạng này là do những kẻ tị nạn chính trị và những kẻ hoạt động xã hội gây ra. Các đảng phái cấp tiến có nhiều chi nhánh hoạt động tại Mỹ, và nạn nhân có lẽ đã vi phạm các luật lệ không thành văn của các đảng phái ấy nên đã bị trừng trị”.

Bài báo kết thúc bằng lời khiển trách chính phủ và yêu cầu chính phủ giám sát chặt chẽ hơn các ngoại kiều trú ngụ trên đất Anh.

Tờ “Lá Cờ” bình luận:

“Những vụ trọng án như vụ này đã diễn ra dưới một chính thể tự do. Chúng sinh ra từ sự hỗn tạp trong dân chúng và sự suy yếu của chính quyền. Nạn nhân là một người Mỹ đã sinh sống ít lâu tại London. Ông ta đã ở trọ một thời gian tại nhà bà Charpentier khu Camberwell. Thư ký riêng của ông ta là Stangerson đã cùng đi với ông ta trong các chuyến đi. Hai người đã từ biệt bà chủ trọ hôm thứ ba, ngày mồng 4 tháng này và đã đi ra ga Euston để đáp chuyến tàu tốc hành đi Liverpool. Sau đó ít lâu, người ta thấy hai người đứng với nhau trên sân ga. Sau nữa thì không biết gì về họ cho đến khi người ta tìm thấy xác ông Drebber trong một ngôi nhà bỏ trống trên đường Brixton cách nhà ga Euston hàng mấy dặm đường. Nạn nhân đã đến đây bằng cách nào và đã chết như thế nào? Những câu hỏi này hãy còn nằm trong màn bí mật. Chúng tôi vui mừng được biết các thanh tra Gregson và Lestrade đã cùng bắt tay vào vụ án và tin rằng hai quan chức mẫn cán và tài năng ấy sẽ sớm rọi sáng vào vụ khó hiểu này”.

Tờ “Tin Hàng Ngày” kết luận:

“Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một vụ án chính trị. Sự chuyên chế của chính quyền các nước ở lục địa châu Âu đã xua đuổi về bờ biển nước ta nhiều người có thể trở thành những công dân tốt nếu họ không bị ám ảnh kích động bởi những ký ức về những nỗi đau khổ và gian truân của họ. Trong đám người ấy có một luật lệ hết sức nghiêm ngặt, nó kết án tử cho bất cứ ai vi phạm nó. Cần phải tìm cho ra viên thư ký Staggerson để hỏi một số chi tiết liên quan đến nạn nhân. Cuộc điều tra đã tiến được một bước khi tìm ra được địa chỉ nhà trọ của nạn nhân. Sự khám phá ấy hoàn toàn nhờ tài năng của ông Gregson”.

Holmes và tôi rất buồn cười khi đọc những dòng này.

-Tôi đã bảo với anh mà, anh dù có thế nào, Lestrade và Gregson vẫn được tán dương. Một anh ngốc bao giờ cũng tìm được một anh ngốc hơn để khám phục mình.

-Nhưng gì thế này - Tôi kêu lên thì vừa vắn lúc ấy có nhiều tiếng bước chân ở dưới nhà cùng với những lời gất gỏng của bà chủ nhà.

-Đó là đội cảnh sát nghiệp dư ở phố Baker. - Holmes nghiêm trang trả lời. Cùng lúc đó khoảng hơn một chục đứa trẻ lem luốc, ủa vào phòng chúng tôi.

-Nghiêm - Holmes hô lên và bọn trẻ con xếp thành hàng như một dãy những bức tượng nhỏ- Lần sau các cháu đợi cả ở ngoài phố nhé, chỉ để cho một mình Wiggins lên báo cáo thôi. Wiggins có tìm thấy không?

-Không ạ, chúng cháu chưa tìm ra! - Một đứa trong bọn trẻ thưa.

-Kém thế! Tiếp tục đi cho đến khi tìm ra. Tiền thù lao đây - Holmes chia cho mỗi đứa 1 shilling bây giờ, các cháu hãy tỏa nhanh đi khắp nơi rồi trở về đây với một báo cáo có kết quả hơn.

Bọn trẻ chạy ào xuống cầu thang, một lát sau đã nghe thấy tiếng chúng léo nhéo ngoài phố.

-Mấy đứa trẻ này còn hữu ích hơn một tá cảnh sát. Nhìn thấy ai có vẻ là người nhà nước, người ta đã lo giữ miệng rồi. Trái lại, bọn trẻ này len lỏi được khắp mọi nơi và nghe được đủ mọi chuyện. Chúng không bị ai để ý và luồn lách nhanh như chạch.

-Anh sử dụng chúng cho vụ Brixton đấy à?

-Đúng. Có một điểm tôi muốn tìm hiểu. Đây chỉ là vấn đề thời gian, rồi thể nào cũng ra. Thế nào? Ai kia như Gregson ngoài phố. Anh ta mang hai chữ “hơn hở” ghi từng nét trên mặt. Anh ta đến chỗ ta đây.

Có tiếng chuông giật mạnh và vài ba giây sau, nhà thám tử có mái tóc vàng lên cầu thang, bước ba bậc một, và lao vào phòng chúng tôi như một tia chớp. Gregson vỗ lấy tay Holmes, siết chặt và reo lên:

-Ông Sherlock Holmes thân mến, ông hãy khen ngợi tôi đi. Tôi đã làm sáng tỏ hết, rõ như ban ngày.

Hình như có một thoáng lo lắng lướt qua gương mặt diễn cảm của bạn tôi. Holmes hỏi:

-Ông muốn nói là ông đã tìm được hướng đúng rồi à?

-Hướng đúng!Ồ, chúng tôi đã tóm được hung thủ rồi.

-Tên hắn là gì?

-Arthur Charpentier, thiếu úy hải quân[1] - Gregson dài giọng, ưỡn ngực, xoa hai tay vào nhau.

Holmes thở phào, hé nở một nụ cười và nói:

-Mời ông ngồi và thử một điều xì gà đi. Chúng tôi rất muốn biết ông đã tiến hành công việc như thế nào. Ông dùng một cốc whisky pha nước nhé.

-Xin vâng. Những nỗ lực ghê gớm mà tôi đã phải bỏ ra trong hai ngày qua làm tôi hải hoải cả người.

-Chúng tôi rất hân hạnh được ông quá bộ đến chơi -Holmes nói, giọng nghiêm trang- Xin ông cho biết ông đã làm thế nào để đi đến kết quả hết sức đáng khen ấy.

Gregson ngồi sâu trong chiếc ghế bành, khoan khoái rít xì gà, rồi bỗng nhiên vỗ đùi đánh tét một cái:

-Trong vụ này, anh chàng Lestrade ngốc nghếch cứ tưởng mình khôn ngoan, đã hoàn toàn đi nhầm đường. Anh ta đi tìm viên thư ký Stangerson mà Stangerson thì dính líu đến vụ này không hơn gì một đứa trẻ chưa ra đời. Hắn bây giờ Lestrade đã tóm cổ hắn rồi.

Ý nghĩ ấy khiến cho Gregson cười sằng sặc mãi.

-Ông đã tìm ra hướng của ông như thế nào? - Holmes hỏi.

-Khó khăn đầu tiên đặt ra với tôi là tìm cho ra tung tích nạn nhân. Có người cứ ngồi ở nhà chờ người ta đọc các lời nhắn tin của mình trên báo mà đến cung cấp tin tức cho mình. Gregson thì không làm việc như thế. Ông bác sỹ, ông còn nhớ chiếc mũ bên cạnh nạn nhân không?

-Có, chiếc mũ của cửa hàng Underwood và con số 129, đường Camberwell - Holmes trả lời.

-Tôi tưởng ông không để ý. Ông đã đến cửa hàng chưa? - Gregson chột dạ, hỏi.

-Tôi không đến - Holmes đáp.

-À - Gregson thở phào yên tâm -Chớ bao giờ coi thường một cơ hội, dù là nhỏ.

-Đối với bộ óc lớn không có gì là nhỏ - Giọng Holmes triết lý.

-Đúng thế! Tôi đến cửa hàng Underwood hỏi chủ hiệu, xem ông ta đã bán cho ai một chiếc mũ kiểu như vậy. Chủ hiệu xem sổ sách cho thấy người mua tên là Drebber, trọ tại nhà bà Charpentier.

-Giỏi lắm, rất giỏi! - Holmes khẽ nói.

-Tôi đến gặp bà Charpentier. Tôi thấy bà ta mặt tái mét và buồn rầu. Cô con gái hai mắt đỏ hoe và miệng run rẩy khi nghe tôi hỏi chuyện. Chi tiết ấy không thoát khỏi con mắt quan sát của tôi. Ông Sherlock Holmes, ông biết đấy khi ta dò đến gần hướng đúng các dây thần kinh của ta như run lên. Tôi mới hỏi hai mẹ con: “Bà và cô biết gì về cái chết của ông Drebber không?”. Người mẹ gật đầu. Cô con gái òa khóc. Tôi hỏi:

-Ông Drebber rời nhà bà ra tàu vào lúc mấy giờ?

Bà ta cho biết là vào lúc tám giờ. Người thư ký của ông ấy là Stangerson nói có hai chuyến tàu, một chuyến chạy vào lúc 9 giờ 15 và chuyến kia vào lúc 11 giờ. Họ phải kịp chuyến thứ nhất.

-Đó là lúc bà gặp ông ta lần cuối cùng phải không? -Tôi lại hỏi.

Người mẹ có vẻ hết hoảng. Mấy giây sau bà ta mới nói lên được một tiếng “vâng”.

Mấy phút im lặng trôi qua, cô con gái nói:

-Mẹ ạ, ta nên nói thẳng với quý ông đây. Chúng tôi đã lại gặp ông Drebber.

Bà Charpentier gơ hai tay lên trời, gieo mình xuống ghế, kêu lên:

-Cầu chúa tha tội cho con! Con giết anh con đó!

-Anh Arthur muốn ta nói thẳng ra sự thật -Cô con gái đáp với giọng rần rỏi.

Tôi bảo họ:

-Bà và cô nên kể hết với tôi. Những lời khai nửa vời còn tệ hại hơn là không khai gì cả.

Bà mẹ mắng con:

-Mong sao tai họa rơi xuống đầu mày - Rồi quay sang tôi: - Tôi xin kể hết. Ông đừng nghĩ rằng tôi đang lo cho thằng con trai tôi. Nó hoàn toàn vô tội. Tôi lo là lo rằng dưới con mắt ông và con mắt người khác, nó có thể bị coi có liên can. Dù sao, chắc chắn là không thể nào có chuyện đó. Tính tình nó, nghề nghiệp nó, những hành vi đã qua của nó sẽ chứng minh cho nó.

-Tốt nhất là bà đừng có giấu giếm gì hết. Hãy tin rằng nếu con bà vô tội thì không vì thế mà nó có tội đâu.

Bà mẹ bao con gái:

-Có lẽ con để mặc mẹ với ông khách thì hơn - Cô con gái đi ra và bà nói tiếp: -Thưa ông, tôi không có ý định kể với ông, nhưng vì con gái tôi đã nói hử, tôi không còn cách nào khác.

-Đó là điều tốt nhất. - Tôi nói.

-Ông Drebber đã ở trọ nhà tôi trong ba tuần cùng với người thư ký là ông Stangerson. Ông này là một người điềm tĩnh, kín đáo, nhưng ông chủ của ông ta, thì thô lỗ, hung tợn. Ngay tối hôm đầu đến trọ, ông ấy đã tỏ ra rất xấu tính. Ông ấy có những cử chỉ và lời ăn tiếng nói sàm sỡ với các chị hầu. Và với cả con gái tôi. Có lần, bất thần ông ấy ôm chặt lấy nó và hôn nó.

-Việc gì bà phải chịu đựng những chuyện ấy. Tôi nghĩ bà có thể tố tụng họ đi chứ?

-Lạy Chúa! Giá mà tôi không nhận cho ông ấy trọ ngay sau tối đầu tiên! Nhưng ông ấy trả tiền trọ cao, mà hiện nay đang là mùa vắng khách! Tôi ở góa, thằng con trai tôi trong hải quân tốn kém cho tôi lắm. Vì vậy tôi cố chịu đựng. Nhưng sự lẳng mạ cuối cùng này thì quá lắm. Vì thế, tôi đã bảo ông ấy đi tìm chỗ trọ khác. Và hai thầy trò ông ấy đã bỏ đi.

-Rồi sao nữa?

-Nhìn họ ra đi, tôi thấy nhẹ người. Thằng con trai tôi lúc này đang nghỉ phép. Tôi không hé răng với nó về chuyện này vì tính nó nóng nảy và rất quý em gái. Nhưng! Không đến một giờ sau, có người giật chuông ngoài cửa và tôi thấy ông Drebber quay lại. Ông ấy cứ xông vào buồng nơi tôi đang ngồi với con gái tôi, làu bàu những câu không đầu không đuôi, đầu như nói về chuyến tàu mà ông ấy nhớ thì phải. Sau đó ông ấy

quay qua con gái tôi, rủ nó đi trốn. Con gái tôi hoảng sợ, toan bỏ đi, nhưng ông ấy nắm lấy cổ tay nó, cố kéo nó về phía cửa. Tôi kêu lên và đúng lúc ấy thằng Arthur chạy đến. Chuyện gì đã diễn ra lúc bấy giờ, tôi không biết nữa. Tôi nghe thấy những lời chửi rủa và tiếng xô xát. Tôi sợ quá, không dám ngẩng đầu lên. Đến khi dám nhìn thì tôi thấy con trai tôi đang đứng ở giữa cửa, tay cầm một cái gậy, cười to. Nó nói: “Thằng này chưa rồi, không dám quấy rầy nhà mình nữa đâu. Để con đi theo xem nó ra sao”. Sau đó, nó cầm lấy mũ và ra đi. Sáng hôm sau, chúng tôi nghe tin ông Drebber đã chết một cách bí ẩn.

Lời khai ấy do chính mồm bà Charpentier nói ra kèm theo những tiếng thở dài và những chỗ ngắt quãng. Tôi đã ghi bằng tốc ký lời khai của bà ấy để khỏi có sự nhầm lẫn sai sót.

-Rất lý thú - Holmes nói và cố ghì một cái ngáp - Rồi sau ra sao?

-Khi bà Charpentier khai xong, tôi thấy vụ này quy lại còn có mỗi một điểm. Tôi chiếu luồng mắt của mình vào bà ta theo cách mà tôi thường thấy có hiệu quả đối với phụ nữ, tôi hỏi con trai bà ta về nhà lúc nào.

-Thưa, tôi không biết.

-Bà không biết à?

-Vâng, nó có chìa khóa cửa riêng.

-Nó về sau khi bà đã đi ngủ?

-Vâng.

-Bà đi ngủ vào lúc mấy giờ?

-Khoảng mười một giờ.

-Như vậy con trai bà đã vắng nhà ít nhất hai giờ?

-Vâng.

-Cũng có thể là vắng bốn hoặc năm giờ?

-Vâng.

-Nó đã làm gì trong thời gian ấy?

-Tôi không biết - Bà ta trả lời, mặt lại tái đi.

Cố nhiên, sau đó tôi đã tìm ra thiếu úy Arthur. Tôi đem theo hai viên cảnh sát và đã bắt giữ hắn. Khi tôi đụng vào vai hắn, hắn hỏi tôi, hãy còn hăng như một con gà chọi:

-Chắc ông bắt tôi vì tội đồng lõa trong cái chết của tên vô lại Drebber chứ gì?

Chúng tôi đã nói gì với hắn đâu mà hắn đã đoán ra. Câu hỏi ấy, rõ là rất đáng ngờ.

-Rất đáng ngờ - Holmes đồng tình,

-Hắn còn giữ cái gậy to mà theo lời khai của mẹ hắn, hắn đã cầm khi đuổi theo Drebber. Một cái gậy to bằng gỗ sồi.

-Vậy giả thiết của ông là thế nào?

-Hắn đã theo Drebber đến tận đường Brixton. Đến đấy, giữa hai người lại cãi nhau nữa, và trong lúc xô xát, Drebber bị một gậy vào bụng, và chết ngay tức khắc, không để lại dấu vết gì. Đêm hôm ấy trời mưa, đường vắng nên Arthur đã lúi xúi nạn nhân đến tận ngôi nhà trống. Còn về ngọn nến, những vết máu và chữ viết trên tường, chẳng qua chỉ là những cái mẹo nhằm đánh lạc hướng nhà chức trách thôi.

-Rất hay! - Holmes khích lệ - Ông Gregson, quả thực ông tiến bộ đấy. Ông sẽ còn đi xa hơn nhiều.

Nhà thám tử trả lời với vẻ kiêu hãnh:

-Tôi tự hào là đã giải quyết vụ án này khá suôn sẻ. Gã thanh niên khai ngay rằng hắn đi theo Drebber được một lúc thì Drebber phát hiện ra hắn và nhảy lên một chiếc xe để bỏ xa hắn. Điều làm tôi thích thú

là Lestrade đang lao theo một hướng tắc tị. Ông ta sẽ chẳng thu lượm được gì nhiều. Nhưng, ơ kìa, thiêng chưa, vừa nói đến thì ông ấy đã xuất hiện.

Quả vậy, Lestrade đi lên cầu thang trong khi chúng tôi mải chuyện trò, và bây giờ ông đã ở trong phòng. Về tự tin và ung dung thường có của ông, nay đã biến đi đâu mất. Nét mặt lo lắng, quần áo xộc xệch, rõ ràng Lestrade đến với ý định nhờ Holmes giúp đỡ, và khi nhận ra đồng nghiệp của mình cũng có mặt ở đây, Lestrade tỏ ra ngại ngùng, lúng túng. Lestrade đứng như trời trồng giữa phòng, tay mân mê chiếc mũ không biết để đâu, cuối cùng nói:

-Đây quả là vụ án cực kỳ khác thường, không tài nào hiểu được.

-A! Ông tưởng thế à, ông Lestrade? - Giọng Gregson đặc thảng - Tôi cũng đã đoán rằng ông sẽ đi đến kết luận ấy. Ông có tìm được viên thư ký Stangerson không?

- Viên thư ký Stangerson - Giọng Lestrade nghiêm trọng - Đã bị ám sát vào lúc 6 giờ sáng nay tại khách sạn Holiday.

[1] Nguyên văn: sub-lieutenant

7. Một Tia Sáng Trong Đêm Tối

Cả ba chúng tôi đều sững người. Gregson bật dậy khỏi ghế đánh đổ chỗ rượu whisky còn sót trong ly. Tôi lặng lẽ nhìn Holmes, thấy anh mím môi, cau mày lăm lăm.

-Câu chuyện thêm rắc rối.

-Mà nó đã khá rắc rối rồi - Lestrade làu bàu, ngồi xuống ghế.

-Tôi đến đúng lúc mọi người đang bàn luận thì phải.

-Này, ông Lestrade, tin ấy có ... chính xác không? Gregson áp ứng hỏi.

-Tôi vừa mới có mặt ở phòng của Stangerson. Tôi là người đầu tiên thấy xác ông ấy.

-Chúng tôi vừa mới được nghe cách hình dung vấn đề của ông Gregson - Holmes nói - Ông Lestrade, ông có thể cho chúng tôi biết ông đã thấy và đã làm những gì không?

-Tôi thú nhận là tôi nghi Stangerson có dính líu vào cái chết của Drebber. Vì vậy nên tôi cố tìm ra tông tích viên thư ký. Ngày mồng 3, người ta thấy hai thầy trò họ đứng cùng với nhau tại nhà ga Euston vào lúc tám giờ rưỡi. Đến hai giờ sáng thì thấy xác Drebber tại đường Brixton. Vấn đề đặt ra với tôi là đi xác định xem Stangerson đã làm gì và ở đâu từ lúc 8 giờ rưỡi tối đến lúc xảy ra án mạng và sau đó anh ta làm gì. Tôi đã đánh điện đi Liverpool, miêu tả hình dáng Stangerson và yêu cầu cảnh sát sở tại kiểm tra các tàu biển nhỏ neo đi Mỹ. Sau đó, tôi sục sạo tất cả các khách sạn, các quán trọ xung quanh nhà ga Euston. Tôi tự bảo rằng nếu hai người chia tay nhau thì Stangerson sẽ đi kiếm một khách sạn khu vực lân cận để qua đêm và sáng hôm sau trở lại nhà ga.

-Rất có thể hai người đã hẹn trước với nhau ở một nơi nào đó - Holmes đưa ra ý kiến của mình.

-Đúng thế ... tôi đã mất cả tối hôm qua đi điều tra mà không kết quả. Sáng nay, tôi lại bắt tay vào việc từ sớm và khoảng tám giờ, tôi đến khách sạn Holiday. Khi tôi hỏi trong khách sạn có người khách nào tên là Stangerson không thì người ta trả lời là có.

-Ông là người mà ông ta đang chờ phải không? - Người ta hỏi tôi - Ông ấy chờ một người từ hai hôm nay.

-Hiện thời ông ấy ở đâu?

-Đang ở trong phòng ông ấy, trên gác. Ông ấy yêu cầu chúng tôi lên gọi ông ấy vào chín giờ sáng.

Chú bé đánh giày trong khách sạn dẫn tôi đến phòng Stangerson, chỉ cho tôi cửa phòng và toan đi xuống thì bỗng tôi nhìn thấy một dòng máu đỏ rỏ qua khe cửa, chảy ngang qua hành lang và đọng lại thành một vũng nhỏ dọc tấm gỗ lát chân tường, mé bên kai hành lang. Tôi kêu lên một tiếng và chú bé đánh giày quay

lại. Cửa buồng khóa phía trong. Chúng tôi lấy vai xô tung ra. Cửa sổ gian buồng để mở và bên cạnh cửa sổ là xác một người đàn ông mặc đồ ngủ ở tư thế nằm phủ phục. Nạn nhân chết khá lâu vì tay chân cứng và lạnh. Lật xác lên, nhân viên khách sạn nhận ra ngay đó là người thuê phòng dưới cái tên Stangerson. Nạn nhân bị một nhát dao đâm đâm vào dưới sườn. Mũi dao sâu đến tận tim. Bây giờ, đây là điều quái gở nhất trong vụ này. Các ông tưởng tượng xem có gì bên dưới cái xác.

Holmes cắt lời:

-Chữ " Rache " viết bằng máu.

-Đúng thế - Nỗi khiếp sợ lộ rõ trong giọng nói của Lestrade và tất cả chúng tôi đều lặng đi một lúc-Trong các hành động của tên hung thủ lạ mặt kia có một cái gì tuần tự và bí hiểm làm cho các tội ác của hắn càng thêm khủng khiếp:

Lestrade nói tiếp:

-Có người đã trong thấy hung thủ. Một người bán sữa đến cửa hàng của mình bằng lối đi men theo các chuồng ngựa ở mé sau khách sạn. Anh ta thấy một cái thang, thường vẫn để nằm dưới đất, nay được dựng lên áp vào một cửa sổ mở rộng ở tầng hai. Anh ta đã đi qua chỗ cái thang rồi bỗng ngoái lại thì thấy một người đang tuột xuống. Người đó bình thản, ngang nhiên, khiến anh bán sữa tưởng là một bác thợ mộc đến làm việc cho khách sạn. Anh ta phảng phất thấy người kia có vóc dáng cao lớn, mặt đỏ sẫm và mặc bộ đồ nâu. Hung thủ có lẽ đã ở lại trong phòng một thời gian ngắn sau khi hạ sát nạn nhân vì chúng tôi tìm thấy chậu nước mà hắn đã rửa tay nhuộm màu máu, và thấy có những vết máu trên khăn trải giường hắn đã bình tĩnh chùi dao.

Tôi nhìn sang Holmes khi nghe lời miêu tả hình dáng hung thủ rất khớp với sự miêu tả của bạn tôi. Anh hỏi:

-Ông có tìm thấy gì trong phòng khả dĩ cho biết thêm về hung thủ không?

-Không có gì. Stangerson còn có trong túi ví tiền của Drebber nhưng hình như đó là điều thông thường giữa hai người vì Stangerson là người chi tiêu mọi thứ. Ở hai vụ án này, động cơ chắc chắn không phải là tiền bạc. Không có giấy tờ, sổ sách gì trong túi nạn nhân, ngoài một bức điện gửi từ Cleveland cách đây một tháng ghi vắn vắn: "J.H. đang ở châu Âu". Bức điện không ký tên.

-Còn gì khác nữa không? - Holmes hỏi tiếp.

-Một cuốn tiểu thuyết đặt trên giường, cái tủ thuốc để trên một chiếc ghế cạnh giường. Trên bàn có một cốc nước, và trên bậc cửa có một cái hộp nhỏ đựng hai viên thuốc.

Holmes ngồi bật dậy, reo lên vui vẻ:

-Khâu cuối cùng! Cuộc điều tra của tôi thế là trọn vẹn!

Hai nhà thám tử kia nhìn anh khó hiểu.

Bạn tôi nói với về tin tưởng:

-Tôi đã có trong tay tất cả những sợi dây đã đan bện với nhau một cách rắc rối. Tất nhiên, còn có những chi tiết cần phải bổ sung. Tôi sẽ dẫn ra đây một bằng chứng về những điều tôi biết. Ông có đem theo mấy viên thuốc ấy không?

-Tôi có đây - Lestrade liền gơ ra một cái hộp trắng nhỏ - Tôi giữ lấy nó cùng với cái ví và bức điện, định đem về nộp cho Sở Cảnh Sát. Tôi đem theo những viên thuốc này cũng là tình cờ thôi vì tôi coi chúng không có gì quan trọng.

-Xin ông đưa cho tôi - Holmes bảo - Đây, bác sỹ, đây có phải là những viên thuốc thông thường không?

Hai viên thuốc trông rất giống những viên thuốc thông thường. Đó là những viên thuốc tròn, nhỏ, màu ngọc xám và gần như trong suốt. Tôi nhận xét:

-Viên thuốc trong suốt và nhẹ, tôi nghĩ nó dễ hòa tan trong nước.

-Đúng thế - Holmes nói - Bây giờ, xin các anh làm ơn xuống nhà đem hộ tôi lên đây con chó già ốm yếu mà hôm qua bà chủ nhà nhờ anh giúp nó sớm về chuồng thôi.

Tôi xuống nhà, ôm con chó lên. Mắt nó lơ lơ, hơi thở hổn hển. Thực vậy, mõm nó trắng như tuyết cho thấy nó đã sống quá cái thời hạn sống thông thường của một con chó. Tôi đặt nó xuống tấm nệm êm.

-Bây giờ tôi sẽ bẻ một trong hai viên thuốc này ra làm đôi - Holmes vừa nói vừa làm - Tôi cắt đi một nửa vào trong hộp để dùng về sau. Một nửa kia, tôi bỏ vào chiếc cốc này cùng với một thìa nước. Ta sẽ thấy ông bạn bác sỹ của chúng ta đã đoán đúng là nó dễ tan trong nước.

-Nó có dính dáng gì đến cái chết của Stangerson đâu? - Lestrade nói, giọng bức tức.

-Kiên nhẫn một chút! Có dính dáng nhiều lắm. Bây giờ tôi pha thêm một chút sữa cho dễ uống. Đem cho chó, ta thấy nó vội vã tấp ngay.

Con vật uống hết chỗ nước pha sữa ấy, rồi liếm đĩa. Vẻ nghiêm trang của Holmes đã khiến chúng tôi im lặng quan sát con vật. Nó nằm xuống trên chiếc đệm, hơi thở nặng nề, sức khỏe của nó không tăng lên hoặc giảm đi sau khi uống.

Holmes rút đồng hồ ra xem và mỗi phút trôi qua, sự bức bối và thất vọng càng hiện rõ trên nét mặt anh. Anh bấm môi, gõ tay lên bàn, thể hiện sự nôn nóng cao độ. Tôi thấy thương anh trong khi các nhà thám tử kia nở một nụ cười giễu cợt.

-Không thể có chuyện ngẫu nhiên - Cuối cùng Holmes kêu lên, từ chiếc ghế bành bật đứng dậy, lỏng lẻo như một con thú trong phòng - Đây không thể là một việc ngẫu nhiên được. Chính những viên thuốc mà tôi đã ngờ tham dự vào cái chết của Drebbler, ta đã gặp lại chúng ở cái chết của Stangerson. Vậy mà hiện giờ chúng lại không có tác dụng gì cả, thế là làm sao? A! tôi đoán ra rồi!

Reo lên một tiếng mừng rỡ, Holmes nhảy bổ về phía hộp thuốc, bẻ viên thuốc thứ hai làm đôi, lại thả một nửa vào cốc nước, cho thêm sữa rồi cho con chó uống. Lưỡi con chó chỉ vừa mới chạm vào chỗ nước ấy là toàn thân nó đã co giật dữ dội rồi nó nằm vật ra ngay đơ.

Holmes hít một hơi thở dài, quệt mồ hôi đọng trên trán:

-Trong hai viên thuốc vừa rồi, một viên chứa thuốc độc cực mạnh còn viên kia thì vô hại. Lẽ ra tôi phải hiểu điều đó ngay trước khi mở hộp.

Lời khẳng định này quá đỗi kỳ dị khiến tôi khó mà tin rằng bạn tôi còn đầy đủ lý trí. Tuy nhiên con chó chết nằm kia, nó chứng tỏ giả thiết của Holmes là đúng.

Tôi thấy hình như đám sương mù trong đầu tôi dần dần tan đi.

-Những điều này đối với các ông có vẻ lạ lùng - Holmes nói tiếp - Ấy là vì ngay từ cuộc điều tra, các ông đã không nắm được các dấu vết quan trọng ở trước mắt các ông. Tôi có cái may mắn là đã không để lọt cái dấu vết ấy và tất cả những sự việc diễn ra sau đây đều xác nhận giả thiết đầu của tôi. Việc khám phá vụ án này sẽ vô cùng khó khăn nếu như ta tìm thấy xác nạn nhân trên hè đường không kèm theo chi tiết nào trong số những chi tiết phụ lạ lùng và khác thường. Những chi tiết kỳ quái ấy, không làm cho vụ án khó khăn thêm mà

Gregson nghe bài diễn văn nhỏ của Holmes với vẻ hết sức nôn nóng, cuối cùng không kìm được thêm nữa:

-Chúng tôi thừa nhận là ông có những phương pháp làm việc riêng rất độc đáo. Nhưng, giờ đây vấn đề là phải bắt được hung thủ. Bây giờ chúng tôi xin hỏi thẳng là ông đã biết hung thủ là ai chưa?

Lestrade phụ họa thêm:

-Gregson nói có lý, ông Holmes ạ. Chúng tôi đã cố công gắng sức, nhưng đều đã thất bại.

Tôi cũng thêm ý kiến:

-Mọi sự chậm trễ trong việc bắt giữ hung thủ có thể làm cho nó có thời gian gây thêm án mạng mới.

Bị mọi người dồn ép như vậy, Holmes có vẻ lưỡng lự. Anh tiếp tục đi đi lại lại trong phòng, đầu gục xuống ngực, hai hàng lông mày nheo lại như thói thường ở anh trong những lúc mãi mê suy nghĩ. Cuối cùng, Holmes đột ngột dừng lại, nhìn thẳng vào mặt chúng tôi:

-Sẽ không xảy ra án mạng nào nữa. Các ông hỏi tôi có biết tên hung thủ không. Có, tôi biết, tôi đã dự định bắt hắn từ lâu rồi, nhưng đây là một việc cần phải thận trọng, vì hắn là một kẻ lực lưỡng, khôn ngoan, liều lĩnh và được một kẻ khôn khéo giúp sức. Chừng nào hung thủ chưa biết chúng ta đã nắm trong tay mọi bằng chứng tố cáo hắn thì ta còn có cơ hội bắt hắn, nhưng nếu hắn có một chút nghi ngờ nào thì hắn sẽ thay tên đổi họ và tan biến vào bốn triệu người dân thành phố này ngay. Tuy không muốn làm tổn thương đến lòng tự ái của hai ông, nhưng sự thật tôi coi những người ấy còn mạnh hơn cảnh sát của Scotland Yard, bởi vậy tôi không yêu cầu các ông giúp đỡ. Nếu thất bại, một mình tôi chịu. Trong lúc này, khi nào tôi có thể thông báo với các ông mà không phung phí đến các sự bố trí của tôi thì tôi sẽ làm ngay.

Gregson, và Lestrade, một người đỏ mặt đến tận chân tóc, một người mắt long lên vì tò mò và ác cảm. Tuy nhiên, cả hai người chưa kịp nói lời nào thì đã có tiếng gõ cửa. Thằng bé Wiggins ló đầu vào, giơ tay chào:

-Thưa ông, cháu đã gọi được một chiếc xe dưới nhà.

-Giỏi lắm! - Holmes nhẹ nhàng khen, rồi lôi trong ngăn kéo ra một vòng khóa tay bằng thép, nói tiếp: - Các ông ở Scotland Yard sao không dùng loại khóa tay này nhỉ. Các ông xem lò xo bật có lẹ không: vòng khóa bập vào trong nháy mắt.

Lestrade mĩa mai:

-Cái khóa kiểu cũ cũng khá tốt nếu như ta tìm được người để khóa.

-Được rồi, được rồi - Holmes cười mỉm - Bác đánh xe sẽ giúp tôi một tay để buộc những chiếc va-li này. Wiggins bảo bác đánh xe lên đây.

Tôi ngạc nhiên thấy bạn tôi nói năng như thể sắp đi đâu xa mà chẳng nói trước gì với tôi cả. Trong phòng có một chiếc va-li nhỏ. Holmes cầm lấy chiếc va-li tìm cách xiết chặt cái dây đai. Anh đang mãi làm thì người đánh xe vào.

-Bác đánh xe. Giúp tôi một tay thắt mấy cái đai này - Holmes nói, không quay đầu lại.

Anh đang quỳ gối xuống sàn, cúi người trên chiếc va-li. Người đánh xe bước lại, về lăm lăm và ngờ vực, ấn tay lên chiếc va-li. Ngay lúc ấy, có tiếng lò xo bật đánh tách một cái và Holmes đứng thẳng người lên, mắt sáng ngời:

-Thưa các vị, tôi xin giới thiệu đây là Jefferson Hope, kẻ đã giết Drebber và Stangerson.

Toàn bộ sự việc diễn ra trong nháy mắt, nhanh đến nỗi tôi không kịp nhận ra. Tôi còn nhớ như in giây phút đó, vẻ mặt đắc thắng và giọng nói vang vang của Holmes, gương mặt bàng hoàng và dữ dội của người đánh xe khi anh ta nhìn thấy cái khóa tay sáng loáng như có phép thần thông đang xiết chặt lấy hai cổ tay anh ta. Tất cả chúng tôi đứng ngay ra như phỗng để đến một hai phút. Gầm lên một tiếng, người đánh xe vùng ra khỏi tay Holmes, lao mình ra cửa sổ. Các ô cửa mỏng manh gãy tan cùng với các ô kính nhưng hắn chưa nhô được hẳn người ra ngoài thì cả Gregson, Lestrade lẫn Holmes đã chồm lên người hắn, lôi ngược hắn và trong phòng. Gã đánh xe khỏe và hung dữ đến nỗi hắn đã nhiều lần vùng ra được khỏi tám bàn tay chúng tôi. Mặt và bàn tay hắn bị rách toạc nhiều chỗ khi hắn lao qua cửa kính, nhưng sự chống cự của hắn không hề giảm đi chút nào. Mãi đến khi Lestrade thọc tay được vào sau cổ áo hắn, làm hắn suýt nghẹt thở, hắn mới im. Dù sao chúng tôi phải trói cả chân tay hắn lại mới cảm thấy yên tâm. Sau đó, chúng tôi đứng dậy một nhòai.

-Ta có chiếc xe của hắn bên dưới kia. Ta dùng xe ấy giải hắn. Bây giờ, nào các ông - Holmes tươi cười - tẩm màn bí ẩn đến đây đã được vén lên rồi. Các ông muốn hỏi tôi câu gì thì hỏi.

8. Bình Nguyên Chết

Nằm ở phần giữa Bắc Mỹ là một dải đất hoang vu và cằn cỗi. Trong nhiều năm dài, nó như một cái hàng rào ngăn chặn bước tiến của nền văn minh. Suốt từ dãy núi Sierra Nevada đến bang Nebraska, từ con sông

Yellowstone ở phía Bắc đến bang Colorado ở phía Nam, là cả một vùng hoang vắng im lìm. Cảnh vật trên thay đổi tùy theo từng vùng. Nơi là những rặng núi hùng vĩ với những đỉnh cao đầy tuyết, nơi là những thung lũng tối đen, sâu thẳm. Nơi lại là những con sông chảy xiết với dòng nước ào ào băng qua những hẻm núi và những cánh đồng bao la, mùa đông tuyết trắng, mùa hè xám xịt. Tuy nhiên, tất cả những cảnh vật rất khác nhau ấy đều có chung những đặc điểm là cằn cỗi, là hiểm ác, là đói khát.

Không ai sinh sống tại cái xứ sở vô vọng này. Họ hoàn mới có một toán người da đỏ vượt qua nó, đi tìm những vùng đất săn bắn mới, song họ cũng phải lánh xa những cánh đồng ấy và trở lại những đồng cỏ cũ của họ. Con sói nấu mình trong bụi cây xơ xác, con chim ó đập cánh nặng nề trên không và con gấu xám vụng về lê chân trong những khe núi u tối. Đó là những dân cư hiếm hoi ở dải đất hoang vu này.

Trên khắp thế giới, không thể có cảnh tượng nào sâu thẳm hơn cảnh tượng trải ra dưới mắt khi ta đứng ở triền phía bắc rặng núi Sierra Blanco nhìn xuống. Trải dài ra xa đến tận cùng của tầm mắt là một vùng đồng bằng mênh mông phẳng lì, nhăm nhở những khoanh đất và những bụi cây lùn tịt. Ở tận cùng chân trời nổi lên một dãy núi dài với sườn núi dựng đứng và đỉnh núi loang lổ tuyết. Trên cả vùng đất bao la, không có một dấu hiệu về sự sống, không có lấy một cánh chim trên bầu trời xanh biếc, không có lấy một vật di động trên mặt đất thê lương. Bao trùm lên tất cả sa mạc mênh mông này, chỉ có sự im lặng, ghê rợn.

Ở trên vừa nói là không có một thứ gì liên quan đến sự sống trên dải đất này. Điều đó không hoàn toàn đúng. Khi đứng trên rặng núi Sierra Blanco nhìn xuống dưới, ta nhận thấy có một con đường mòn nhỏ xíu, như một sợi chỉ ngoằn ngoèo uốn khúc qua sa mạc và chìm đi ở cuối tầm mắt. Những bánh xe đã in hằn xuống thành rãnh trên con đường này, bàn chân của nhiều kẻ phiêu lưu đã dẫm trên đó. Rải rác dọc con đường có rất nhiều vật gì trắng trắng, bóng lên dưới ánh nắng mặt trời và nổi lên trên lớp đất buồn thảm. Hãy lại gần, nhìn xem. Đó là những khúc xương. Khúc thì to và thô kệch, khúc thì nhỏ hơn, xương to là xương bò, xương nhỏ là xương người. Suốt con đường dài trên hai nghìn kilômet, rải rác hài cốt của những kẻ đã ngã xuống.

Ngày 4 tháng 5 năm 1847, có một người bộ hành cô đơn đứng ở đúng vị trí nói trên nhìn xuống cảnh ấy. Khó nói được tuổi ông ta khoảng bốn mươi hay sáu mươi. Khuôn mặt gầy dũ tợn, xương trồi lên nhô hoắt dưới lớp da đen sạm và nứt nẻ, tóc dài và đen, râu có nhiều sợi bạc, hai con mắt lõm sâu trong hia hốc mắt rục lên một ánh khác thường, và bàn tay xương xẩu nắm lấy khẩu súng trường. Ông ta đứng đó, dựa người vào khẩu súng, bộ mặt chỉ còn da bọc xương cũng như bộ quần áo rộng thùng thình trên đôi chân và đôi tay khẳng khiu chỉ rõ nguyên nhân của vẻ tàn tạ, và già nua: người sắp chết vì đói khát.

Ông ta lần bước xuống khe núi rồi lại leo lên tận mỏm đồi thấp này để nhìn xem chỗ nào có dấu hiện của nước. Ông ta lo lắng nhìn về phương Bắc, phương Đông rồi phương Tây và hiểu rằng những cuộc hành trình tứ xứ của mình sẽ kết thúc ở đây, trên tảng đá cằn cỗi này.

-Tại sao lại không phải là ở đây, sau hai mươi năm nữa? - Ông ta thì thào rồi ngồi xuống dưới bóng một tảng đá.

Trước khi ngồi, ông ta đặt khẩu súng và túi đồ buộc trong chiếc khăn quàng. Tức thì từ cái túi ấy vọng ra một tiếng rên nho nhỏ và một gương mặt hiện ra.

-Bác là cháu đau rồi đây, - Một giọng trẻ thơ khê trách.

-Thật ư, cháu? - Người đàn ông trả lời, ân hận - Bác lỡ tay mà.

Vừa nói ông ta vừa cởi tấm khăn xám, để lộ một bé gái khoảng năm tuổi. Đôi giày nhỏ nhẵn với chiếc váy hồng đốm đáng dưới chiếc tạp dề nhỏ nói lên sự chăm sóc của một người mẹ. Đứa trẻ xanh xao và mệt mỏi, nhưng không bị suy sụp bằng người đồng hành của nó.

-Còn đau không, cháu? - Người đàn ông lo lắng hỏi, vì đứa bé vẫn xoa những búp tóc quăn vàng óng rồi bù đắp sau gáy.

-Bác hôn vào đây chữa đèn cháu đi - Đứa bé nói với vẻ nghiêm trang thật sự, tay chỉ vào chỗ đau - Mẹ cháu vẫn làm thế. Mẹ cháu đau rồi?

-Mẹ cháu đi rồi. Tí nữa cháu sẽ gặp mẹ cháu.

-Đi rồi ă? Lạ nhỉ, mẹ cháu đi mà không chào cháu. Bác ơi, khát quá? Không có nước sao? Bác không có gì để an sao?

-Không có, cháu ă.. Cháu cố chờ một chút rồi sẽ ổn. Cháu dựa đầu vào bác đây, như thế cháu sẽ cảm thấy dễ chịu hơn. Cháu có cái gì đấy?

-Cháu có cái này đẹp lắm - Đứa bé reo lên, giơ ra hai mẩu mi-ca óng ánh - Khi về đến nhà, cháu sẽ cho anh cháu.

-Rồi cháu sẽ thấy những thứ còn đẹp hơn thế. Chỉ cần cố nán chờ một lát. Cháu còn nhớ lúc chúng ta rời khỏi dòng sông không?

-Dạ có.

-Thế đấy! Lúc ấy chúng ta tính sẽ gặp được một con sông khác. Nhưng chúng ta không gặp sông. Nước mỗi lúc một ít. Chỉ còn một hai giọt cho các cháu nhỏ, và .. và

-Và bác không rửa mặt được, - Đứa bé xen ngang, giọng nghiêm trang, mắt nhìn chăm chăm vào bộ mặt nhem nhuốt của ông già.

-Đến nước uống còn không có, cháu ă. Ông Bender là người đầu tiên ra đi, rồi đến anh da đỏ Pete, rồi bà McGregor, rồi Johnny Hones, và sau cùng là mẹ cháu.

-Thế là mẹ cháu ... Mẹ cháu cũng chết rồi! - Đứa bé kêu lên, lấy tạp dề che mặt và khóc nức nở.

-Phải, tất cả đã chết hết, chỉ còn lại có bác cháu ạ. Lúc đó ta tưởng may ra có thể tìm thấy nước ở mạn này.

-Bác bảo là cháu và bác sẽ chết nốt à? - Đứa bé thôi khóc, ngẩng bộ mặt đầm đìa nước mắt lên.

-Ta nghĩ chắc sẽ gần như vậy.

-Sao bác không nói ngay? Đứa bé reo lên với một tiếng cười vui vẻ - Bác đã làm cháu sợ quá! Nếu bác và cháu chết thì sẽ được gặp mẹ cháu.

-Phải, cháu sẽ đến với mẹ cháu.

-Cả bác nữa. Cháu sẽ kể là bác tốt với cháu biết bao. Mẹ cháu sẽ đón bác ngay cổng thiên đường, với một cái xô đầy nước và những chiếc bánh ngọt bằng lúa mạch thật nóng. Còn lâu nữa không bác?

-Không lâu lắm đâu.

Trên bầu trời xuất hiện ba cái chấm nhỏ đang tiến về phía họ, mỗi lúc một to hơn. Chẳng mấy chốc, ba cái chấm ấy trở thành ba con chim nâu to lớn, chúng bắt đầu lượn thành vòng tròn trên đầu hai kẻ lang thang, rồi đậu trên những tảng đá mọc chìa ra. Đó là những con ó của miền Tây, những con chim báo hiệu cái chết.

-Ô, gà, bác kìa! Đứa bé kêu lên vui vẻ, chỉ về phía những con chim mang điềm gỗ, vỗ hai tay vào với nhau để xua chúng Baynes đi - Bác ơi, có phải là Chúa tạo ra vùng này không?

-Ừ.

-Chúa đã tạo ra vùng đất đằng kia, ở bang Illinois. Chúa đã tạo ra bang Missouri - Đứa trẻ nói tiếp.

-Chắc là một Chúa khác đã tạo ra đất này. Đất ở đây còn xa mới bằng được các nơi kia. Chúa đã quên làm cho ở đây có nước và cỏ cây.

-Này, bác cháu ta cầu kinh nhé? - Người đàn ông dè dặt hỏi.

-Đã đến tối đâu.

-Không cần đến tối.

-Thế sao bác không cầu kinh một mình? - Đứa bé hỏi, đôi mắt ngạc nhiên.

-Ta không thuộc. Ta đã không đọc kinh từ khi ta mới cao bằng nửa khẩu súng này. Cháu cầu kinh đi, bác đọc theo.

-Thế thì bác phải quỳ xuống - Đứa bé rải tấm khăn xuống đất để quỳ - Bác phải đặt bàn tay như thế này. Như thế là ngoan hơn.

Hai người quỳ gối bên cạnh nhau trên tấm khăn nhỏ. Gương mặt bầu bĩnh của đứa trẻ và bộ mặt gân guốc dữ tợn của người đàn ông dùng ngựa lên bầu trời. Cầu kính xong, họ lại trở về ngồi bên bóng của tảng đá cho đến khi đứa trẻ ngủ thiếp đi. Đã ba ngày đêm liền, ông ta không cho phép mình dừng bước hoặc nghỉ ngơi. Từ từ mí mắt ông ta sụp xuống, đầu cũng gục xuống mỗi lúc một thấp hơn cho đến khi bộ râu hòa vào những búp tóc vàng và cả hai đi vào một giấc ngủ sâu lắng, không mộng mị.

Nếu thức thêm nửa giờ nữa, ông ta sẽ được thấy một cảnh tượng kỳ lạ.. Từ xa, từ rất xa, bốc lên một đám bụi nhỏ mờ mờ, rất nhỏ và rất nhẹ đến nỗi khó phân biệt nó với lớp sương mù. Những đám bụi ấy tiếp tục bốc lên, lớn dần cho đến khi tạo thành một đám mây bụi rõ rệt. Rồi đám mây ấy cũng không ngừng lớn dần. Ở những mảnh đất phì nhiêu hơn, ai thấy cảnh ấy cũng sẽ cho rằng đây là đàn bò rừng đang tiến về phía mình. Nhưng ở vùng đất hoang vắng này, điều đó không thể có. Khi đám mây bụi đến hiện ra những mũi vòm phủ bạt của những chiếc xe ngựa vượt sa mạc, và hình bóng thấp thoáng của những người cưỡi ngựa có vũ khí, cho thấy đây là một đoàn xe rất dài đang tiến về phía Tây. Đầu đoàn xe đã tới chân núi mà đuôi đoàn xe vẫn còn chìm khuất ở cuối đường chân trời. Phụ nữ bước đi khó nhọc dưới gánh nặng trên vai. Trẻ em chạy lon ton bên cạnh các cỗ xe hoặc tò mò nhìn vào những thứ dưới mũi vải bạt. Từ khối người to lớn này vang lên một tiếng ì ầm hỗn độn, xen lẫn tiếng ngựa hí và tiếng bánh xe rầm rập. Tiếng ì ầm ấy lớn đến vậy song vẫn không đánh thức nổi hai bác cháu.

Đi đầu đoàn người di cư là một nhóm khoảng hai mươi người cưỡi ngựa. Đến chân tảng đá, họ dừng ngựa, quay lại với nhau, dường như để hội ý.

Một người không râu, tóc hoa râm, nét mặt độc ác nói:

-Giếng nước ở về phía bên phải, giáo hĩa a..

Một người khác nói tiếp:

-Ở về phía bên rặng núi Sierra Blanco Theo đường đó, chúng ta sẽ tới con sông Rio Grande. Người thứ ba nói lớn:

-Ta chớ sợ hãi trước sự xuất hiện của dòng nước. Đáng tối cao đã làm cho dòng nước tuôn ra từ đá, sẽ không từ bỏ đám dân mà Người đã tuyển chọn.

-Amen! Amen! - Cả nhóm người đáp lại.

Họ sắp sửa lại lên đường thì một người reo lên kinh ngạc và chỉ tay về tảng đá ở phía trên đầu họ. Ở chỗ ấy có một mẫu vải màu hồng phát phới bay. Nhìn thấy thế, họ ghìim ngựa lại, cầm súng lăm lăm trong khi những người khác phi ngựa đến tăng cường. Những tiếng “bạn da đỏ” được lan truyền của miệng mọi người.

-Ở đây không có bạn da đỏ - Một người đứng tuổi xem chừng là thủ lĩnh nói: - Ta đã vượt núi.

-Giáo hĩa Stangerson, tôi xin đi trinh sát - Một người trong toán nói.

-Tôi nữa. Tôi nữa - Khoảng một chục giọng nói khác cùng vang lên.

Người tên là Stangerson trả lời:

-Các bạn trẻ hãy để ngựa lại đây, chúng ta sẽ chờ.

Thoáng một cái, mấy người trai trẻ đã xuống ngựa, chạy Baynes lên sườn đồi dốc đứng. Sau một thoáng, bóng của họ nổi bật trên nền trời. Người thanh niên đã báo động cho cả đoàn dẫn đầu, cả toán theo sau. Bỗng họ thấy gã giơ cả hai tay lên trời với động tác của một người quá đỗi ngạc nhiên. Khi họ đến chỗ gã, họ cũng không kém kinh ngạc.

Nằm dựa trên tảng đá là một người đàn ông và một bé gái. Đầu đứa bé đặt trên mảnh áo nhưng trên ngực người đàn ông. Đôi chân bụ bẫm mang tất dài xỏ trong một đôi giày xinh xắn tương phản với đôi chân khẳng khiu, khô nứt của người đàn ông. Đâu trên đỉnh tảng đá, nhìn xuống cặp lữ khách kỳ quặc này, là ba con ó lớn. Thấy đám người mới đến, chúng kêu lên những tiếng thất vọng, rồi không chờ đợi nữa, nặng nề vỗ cánh bay đi.

Tiếng kêu của những con chim, đã đánh thức hai người. Họ nhìn xung quanh với một vẻ cực kỳ sửng sốt. Người đàn ông lão đảo đứng dậy, nhìn xuống bình nguyên, thấy đám người chen chúc, ông ta đưa bàn tay xương xẩu lên dụi mắt, lẩm bẩm:

-Ta mê sảng chăng?

Đứa bé gái nắm lấy gấu tạp dề, im lặng nhìn khắp xung quanh.

Một người trong đám ấy đặt đứa bé lên vai mình, trong khi những người khác dìu người đàn ông về chỗ các xe ngựa. Người đàn ông nói:

-Tôi tên là John Ferrier. Cả một đoàn hai mươi mốt người chỉ còn lại có tôi và đứa trẻ này. Những người kia đã chết ở đằng kia, phía phương Nam.

-Có phải con gái ông đấy không?

-Bây giờ nó mới là con tôi. Kể từ hôm nay, nó mang tên là Lucy Ferrier. Thế còn các ông là ai? - Ông ta tò mò nhìn những người đã cứu mình.

Một trong số những người trai trẻ kia đáp:

-Chúng tôi gần mười nghìn người. Chúng tôi là những đứa con bị ngược đãi của Chúa, những người dân được thiên thần Moroni tuyển chọn.

Người đàn ông đáp:

-Tôi chưa bao giờ được nghe nói. Vị thiên thần ấy tuyển chọn quá nhiều đấy.

-Không được giấu cợt những điều thiêng liêng - Giọng người kia nghiêm khắc - Chúng tôi là những tín đồ tin ở các Thánh kinh của thiên thần Moroni. Chúng tôi xuất phát từ Nauvoo bang Illionis, nơi chúng tôi đã dựng lên ngôi đền của đạo chúng tôi. Chúng tôi đi tìm một nơi ẩn náu xa bọn người bạo tàn vô Chúa, một nơi mà chúng tôi sẽ phải tìm ra ở trung tâm sa mạc.

Cái tên Nauvoo gợi lại một vài ký ức cho John. Ông nói:

-Tôi biết rồi. Các ông là người Mormons.

-Phải - Đám người kia đồng thanh trả lời.

-Các ông định đi đâu?

-Chúng tôi không biết. Bàn tay của Chúa dẫn dắt chúng tôi thông qua các vị giáo chủ. Ông phải ra trình diện trước giáo chủ.

Lúc đó, họ đã xuống đến chân đồi. Nhiều tiếng kêu kinh ngạc và thương xót vang lên khi họ thấy hai người lạ mặt kiệt quệ. Đám người kia không dừng lại mà dẫn họ đi tiếp tới một chiếc xe khác biệt hẳn với các xe khác. Chiếc xe này có sáu ngựa kéo trong khi các xe khác chỉ hai hoặc bốn ngựa. Ngồi bên cạnh người đánh xe là một người đàn ông tuổi không quá ba mươi, nhưng cái đầu bề thế và nét mặt kiên nghị cho thấy đó là một kẻ biết điều khiển người khác. Khi đám người kéo tới, người ấy bỏ quyển sách xuống, chăm chú nghe kể lại. Sau đó, người ấy quay sang hai kẻ phiêu bạt:

-Nếu các người muốn được nhập vào đoàn thì ta chỉ có thể nhận các người như những tín đồ thuộc đạo giáo chúng ta. Thà để cho xương các người phơi trắng trên sa mạc hơn là để cho các người trở thành một vết đen trong đoàn chúng ta. Các người có muốn gia nhập với điều kiện ấy không?

-Tôi xin gia nhập với bất kỳ điều kiện nào.

-Giáo hữu Stangerson, hãy mang đồ ăn và thức uống đến cho hân, và cả đứa trẻ nữa. Giáo hữu còn có nhiệm vụ dạy cho hân tín ngưỡng của chúng ta. Thôi, ta đi thôi. Tiến lên! Tiến về Zion!

-Tiến lên! Tiến về Zion! Đám người Mormons đồng thanh nhắc lại, và những tiếng đó truyền đi từ miệng người này sang miệng người khác dọc theo cả đoàn người dài dằng dặc cho đến khi chìm đi thành một âm thanh mơ hồ ở tít xa xa. Tiếng roi ngựa quất, tiếng xe kéo kẹt chuyển mình, cỗ xe lớn lăn bánh trước, rồi

cả đoàn xe một lần nữa lại ra đi theo con đường mòn lượn khúc trên bình nguyên. Stangerson đưa họ đến cỗ xe của mình, ở đó đã dọn sẵn một bữa cơm.

-Các người chớ quên rằng bây giờ và mãi mãi sau này các người là thành viên của đạo giáo chúng tôi.

9. Bông Hoa Utah

Từ bờ sông Mississippi đến triền phía tây của rừng núi đá, những người dân cư Mormons không ngừng đấu tranh với thú dữ, đói khát, bệnh tật, và những đoàn người thù địch ... Tất cả đều đã vượt qua nhờ ở tính kiên trì và quả cảm của giống người Anglo-Saxon. Tuy vậy cuộc hành trình dài cùng với những nỗi thống khổ đã làm lung lay cả những trái tim vững vàng nhất. Không ai không quỳ xuống, lẩm rầm đọc một bản kinh cầu tạ ơn khi họ nhìn thấy thung lũng Utah rộng lớn và ngập nắng mà giáo chủ của họ bảo rằng sẽ vĩnh viễn thuộc về họ.

Young là một nhà cai trị khôn khéo và kiên quyết. Ông ta cho vẽ bản đồ, lập quy hoạch cho thành phố tương lai, phân chia đất đai tùy theo địa vị của từng người. Ai giỏi nghề nào tiếp tục làm nghề ấy. Họ ngả cây, đốn gỗ, san đất, cắm rào, đào mương, xẻ rãnh và mùa hè năm sau đất đai đã được phủ một màu vàng óng của lúa chín. Mọi sự trồng trọt và làm ăn đều phồn thịnh. Ngôi đền lớn dựng lên ở chính giữa thành phố mỗi ngày một cao hơn, rộng hơn. Từ bình minh cho đến hoàng hôn, tiếng búa, tiếng cưa không ngừng vang lên trong nhà thờ.

Cô bé Lucy được ngồi trên chiếc xe của tông đồ Stangerson cùng với ba người vợ và con trai mười hai tuổi của ông ta. Với sức bật của tuổi thơ, cô bé vượt qua được nỗi đau buồn mất mẹ và chẳng bao lâu, cô bé thích nghi với cuộc sống trong ngôi nhà di động của mình và được các phụ nữ Mormons yêu quý. Sức khỏe của John cũng đã được phục hồi, ông ta tỏ ra là một người dẫn đường hữu ích và một người đi săn không mệt mỏi.

Ông nhanh chóng được những người đồng hành quý trọng khi đến vùng đất hứa, họ nhất trí cấp cho ông một khoảnh đất to bằng phần đất của những kẻ hưởng nhiều đặc quyền, chỉ kém có giáo chủ và bốn tông đồ: Stangerson, Kemball, Johnston và Drebber.

Trên phần đất của mình, John dựng lên một ngôi nhà gỗ vững chãi, rồi xây thêm dần và chẳng bao lâu ngôi nhà ấy trở thành một biệt thự rộng lớn. Ông là một người khéo léo và nhanh nhẹn trong mọi công việc, làm việc suốt từ sáng đến tối. Sau ba năm, ông vượt hẳn những người láng giềng. Sau sáu năm, ông rất sung túc và sau chín năm, ông trở nên giàu có. Và sau mười hai năm kể từ ngày những người Mormons đến sinh cơ lập nghiệp tại đây, không có tới mười người có thể sánh kịp ông.

Ở ông, chỉ có một điều duy nhất khiến các người đồng giáo nghi ngờ: ông chưa để phụ nữ đến sống với ông theo phong tục đa thê. Ông không đưa ra một lý do gì, mà chỉ kiên quyết giữ vững ý định của mình. Người thì trách ông là không thiết tha với đạo giáo, người thì cho rằng ông muốn làm giàu nên mới sống độc thân. Có người lại nói đến một chuyện tình xưa, một cô gái tóc vàng đã chết bên bờ Đại Tây Dương. Mặc ai muốn nói gì thì nói, ông dứt khoát sống với đứa con gái nuôi. Ngoài chuyện này ra, về tất cả mọi mặt khác, ông nổi tiếng là một tín đồ chính thống, công bằng chính trực.

Cô gái lớn lên trong ngôi nhà gỗ, giúp đỡ người bố nuôi trong mọi công việc. Nhờ không khí trong lành vùng núi và hương thơm của cây cỏ, Lucy ngày càng cao lớn, khỏe mạnh, đôi má hồng hào, bước chân dẻo dai, uyển chuyển. Như vậy đó, cái nụ hoa đã trở thành một bông hoa.

Một buổi sáng tháng sáu, trên con đường cái bụi mù có hàng đoàn dài la chở đầy hàng đi về hướng Tây vì cơn sốt vàng vừa mới bùng lên ở California. Con đường đến đó lại chạy qua thành phố Salt Lake. Trên đường còn có những đàn cừu và bê ăn cỏ ở những cách đồng xa về và nhiều đoàn người di cư. Lucy cỡi ngựa ra phố, hai má đỏ bừng bừng, mái tóc dài vàng óc Baynes phát phới. Cô lách đường đi qua giữa đám người và vật đông đúc kia với tài nghệ của một người thành thạo. Như mọi lần, nàng cho ngựa phi như bay, chỉ nghĩ đến chuyện hoàn thành công việc cho bố. Người ta nhìn nàng với con mắt khâm phục và kinh ngạc; ngay cả những người da đỏ cũng xì xào về vẻ đẹp của nàng.

Khi ra tới rìa thành phố thì đường bị nghẽn vì có đàn bò lớn đi từ đồng cỏ về, nàng thúc ngựa theo một lối hở trong đàn bò. Nhưng vừa mới lọt vào trong đó thì đàn bò đã khép ngay lại và nàng bị vây vào giữa một

biến di động những con bò sừng cong dài. Đã quen với việc chăn nuôi bò, ngựa, Lucy không hốt hoảng mà vẫn thúc ngựa tiến lên. Rủi thay, cặp sừng của một con bò húc mạnh vào sườn con ngựa. Nó hí vang, lồng lên, đứng thẳng trên hai vó sau, nếu nàng không giữ tất đã bị hất ngã xuống rồi. Mà ngã xuống thì sẽ bị cả đàn bò giẫm nát ngay. Tình thế rất nguy hiểm. Con ngựa càng lồng, càng va đụng vào những chiếc sừng nhọn hoắt của bò, và nó càng điên lên. Cô gái cố giữ mình trên lưng ngựa, nhưng chẳng mấy chốc, ngật ngạt vì bụi cuốn lên mù mịt và hơi nước nồng nặc phả ra từ đàn bò, nàng choáng váng, đầu óc quay cuồng, tay cương lỏng đi. May thay, vừa vặn lúc ấy có một bàn tay rắn chắc nắm lấy hàm thiếc con vật hoảng loạn, vạch lối qua đàn bò, đưa nàng đến rìa thành phố.

-Cô có bị thương không?

Lucy ngược mắt lên nhìn gương mặt rám nắng, cương nghị rồi cười giòn giã:

-Ồ, không, may quá! Tôi bị một phen hú vía.

-Cũng may là cô còn ngồi vững trên yên - Người thanh niên kia có dáng dấp của người quen sống ở nơi hoang dã, vóc người cao lớn, cường tráng. Anh mặc bộ đồ đi săn dày, cưỡi con ngựa nâu cao khoắc, vai đeo khẩu súng dài - Chắc cô là con gái ông John. Tôi đã thấy cô đi ngựa từ nhà ra. Nhờ cô về hỏi cụ nhà có nhớ ông Hope ở Saint Louis không. Nếu đúng là ông John ấy thì cha tôi và cụ nhà là bạn thân với nhau.

-Sao anh không đến chơi, rồi hỏi thẳng cha tôi.

Anh thanh niên mừng rỡ trước lời mời gián tiếp:

-Tôi rất muốn đến, nhưng anh em chúng tôi vừa mới ở trên núi về, quần áo chưa được chỉnh tề, gia đình phải miễn thứ cho chúng tôi

-Cha tôi phải cảm ơn anh nhiều, cả tôi nữa. Cha tôi rất quý tôi. Nếu tôi bị làm sao, chắc ông sẽ buồn lắm.

-Cả tôi nữa.

-Cả anh nữa? Ô hay, anh đã quen biết gì tôi đâu? - Giọng cô gái vẫn mang vẻ nghịch ngợm, trêu chọc.

Nghe thấy vậy, gương mặt rám nắng của anh thanh niên tối sầm lại khiến Lucy bật cười:

-Ấy không, tôi không cố ý nói thế đâu. Anh đã là bạn của cả gia đình rồi. Anh phải đến chơi đấy nhé, còn bây giờ tôi phải đi đây. Tạm biệt!

-Tạm biệt!

Chàng trai tiếp tục đi theo mấy người bạn. Họ mới thăm dò được một mỏ bạc trên vùng núi Nevada và giờ đây họ về Salt Lake tìm chỗ vay mượn tiền để khai thác. Hope say mê kinh doanh, nhưng đến hôm nay, cuộc gặp gỡ này làm đảo lộn nếp sống của anh. Hình ảnh cô gái tươi mát và lành mạnh như ngọn gió đã lay động trái tim rắn rỏi của anh. Khi nàng đi khuất, anh bỗng nhận ra một biến cố mới xảy ra trong đời anh, bây giờ tất cả mọi công việc đều không quan trọng bằng vấn đề mới mẻ vừa được đặt ra.

Chàng đến thăm ông John ngay tối hôm đó và nhiều buổi khác nữa. Bị giam chân ở thung lũng vì công việc, ông John háo hức muốn biết những tin tức bên ngoài trong mười hai năm qua. Những câu chuyện mà chàng kể, làm say mê cô gái lẫn người cha. Anh đã từng làm đủ các nghề: hướng đạo, săn thú, tìm vàng, chăn bò. Ở đâu có những chuyện phiêu lưu mạo hiểm đòi hỏi sự gan dạ và lòng quả cảm là ở đó có mặt chàng.

Một buổi chiều hè, chàng ghim ngựa trước cổng trang trại của ông John. Lucy ra đón, chàng vắt dây cương lên hàng rào và rào bước vào nhà. Nắm lấy hai bàn tay cô gái anh bảo:

-Lucy, anh có việc buộc phải đi xa, em a.. Anh chưa thể xin cha em cho em đi cùng. Nhưng, hứa với anh đi, em sẽ đợi anh về nhé.

-Anh đi đâu, và bao giờ thì về? - Cô gái hỏi, lo lắng và thẹn thùng.

-Bọn anh bắt đầu đi khai thác những vùng mỏ mới ở Nevada, việc này chỉ mất độ hai tháng là xong thôi.

Buổi chia tay diễn ra vội vàng, song nhiều bịn rịn.

Chàng lên đường đã được ba tuần. Ông John thấy lòng se lại khi nghĩ đến ngày trở về của chàng rể và việc mình phải xa đứa con gái nuôi. Tuy vậy, gương mặt ngời sáng của nàng đã làm ông vui lòng với hôn ước này. Trong thâm tâm, ông vẫn không chịu để nàng lấy một người Mormons. Theo ông, một hôn nhân kiểu ấy là một điều ô nhục, riêng về điểm này, không gì có thể lay chuyển ông được. Tuy nhiên, ông giữ kín quyết tâm ấy, nếu không, ông sẽ gặp nguy hiểm.

Đúng, một điều nguy hiểm. Nguy hiểm đến nỗi ngay cả những người ngoan đạo nhất cũng chỉ dám thì thầm những ý kiến của mình về tín ngưỡng, tôn giáo. Cả tòa án dị giáo thời trung cổ ở Tây Ban Nha, lẫn những hội kín ở Ý đều chưa biết một bộ máy nào ghê gớm bằng cái bộ máy đang phủ bóng đen lên toàn bộ vùng đất Utah.

Nó như có tai mắt ở khắp mọi nơi và có quyền lực vạn năng. Kẻ nào có ý tưởng thù nghịch với giáo phái sẽ bị mất tích một cách bí hiểm. Vợ con họ chờ họ ở nhà nhưng họ không bao giờ trở về để kể lại cho vợ con biết họ đã bị xét xử như thế nào.

Trước hết, cái thế lực mơ hồ và ghê gớm này giáng xuống những kẻ dao động, những kẻ đã quy theo đạo Mormons mà sau đó lại muốn sửa đổi hoặc từ bỏ đạo này. Nhưng chẳng bao lâu, cái thế lực ấy mở rộng phạm vi hoạt động của nó. Số phụ nữ trưởng thành trong cộng đồng giảm dần, nhưng nếu thiếu đàn bà con gái thì chế độ đa thê trở thành một giáo nghĩa vô giá. Đến khi ấy bắt đầu có những tin đồn lạ lùng: có những người di cư bị giết hại, những khu trại bị cướp phá ở những nơi không bao giờ thấy bóng người da đỏ. Tại nhà các tông đồ thấy xuất hiện những người phụ nữ mới, nét mặt ủ ê, còn đờm rõ nỗi kinh hoàng....

Một buổi sáng, John sắp sửa đi thăm đồng bồng nghe thấy chốt cổng ngoài hàng rào mở mạnh. Một người đàn ông mở cổng bước vào. Ông giật thót người, vì đấy chính là vị thủ lĩnh tối cao của người Mormons. Ông lo ngại, vội chạy ra cổng chào đón giáo chủ. Young lạnh lùng nhận lời chào của ông và theo ông vào phòng ăn, vẻ mặt nghiêm khắc.

Young ngồi xuống một chiếc ghế, nhìn chăm chăm vào John:

-Giáo hữu John, các tín đồ đã cư xử như những người bạn tốt với ông. Chúng ta đã cứu vớt ông lúc ông sắp chết, chúng ta đã chia sẻ cơm ăn áo mặc cho ông, chúng ta đã cấp cho ông một phần đất rộng lớn. Có đúng không?

-Thưa đúng.

-Để đổi lấy tất cả những ân huệ đó, chúng ta chỉ đặt ra có mỗi một điều kiện là ông hãy tuân theo mọi quy định của đạo giáo. Ông đã hứa tuân theo, nhưng cứ như những điều ta nghe được thì ông đã không tuân theo.

-Có điều gì mà tôi không tuân theo. Tôi đã chẳng đóng góp vào quỹ chung hay sao? Tôi đã chẳng siêng năng đi lễ hay sao?

-Vợ ông đâu? - Young hỏi, đưa mắt nhìn xung quanh - Ông hãy bảo những người vợ của ông ra đây để ta chào.

-Đúng là tôi chưa lấy vợ. Nhưng phụ nữ ở đây rất hiếm và có nhiều người khác được quyền ưu tiên hơn tôi. Vả lại đã có con gái tôi trông nom tôi rồi.

-Ta muốn nói với ông về đứa con gái này. Nó đã lớn, nó đã trở thành một bông hoa của Utah và nhiều người quyền cao chức trọng đã nhìn nó với con mắt ưa thích.

John thầm rên rỉ trong lòng.

-Người ta bảo rằng con gái ông đã được ước hôn với một kẻ ngoại đạo. Có lẽ đó chỉ là những lời đồn đại nhảm nhí. Điều răn thứ mười ba của Joseph Smith dạy gì? “Con gái ngoan đạo phải lấy một trong những người được Chúa tuyển chọn làm chồng, vì lấy kẻ ngoại đạo là một trọng tội”. Ông là tín đồ của Chúa, sao lại có thể để cho con gái vi phạm lời răn đó được?

John không trả lời, tay chỉ mân mê cái roi ngựa. Giáo chủ nói tiếp:

-Cô gái còn ít tuổi, chúng tôi không muốn nó lấy một mái đầu bạc. Chúng ta cũng không muốn ngăn cản nó chọn lựa. Stangerson có một con trai và Drebber cũng có một con trai. Nó hãy chọn một trong hai người

ấy làm chồng. Họ đều giàu có, đều là những tín đồ chân chính. Ông có gì cần thừa lại với ta nữa không?

John im lặng một lát, vâng trán nhăn lại, cuối cùng ông nói:

-Xin giáo chủ hãy tha cho chuyện đó. Con gái tôi tuổi còn non.

Young đứng dậy:

-Nó được một tháng để chọn lựa. Sau thời hạn ấy, nó phải quyết định.

Bước qua ngưỡng cửa, Young còn quay lại, nét mặt hăm hăm, giọng vang vang:

-John! Ông và con gái ông, các người thù cứ nằm phơi xương trên dải Sierra Blanco còn hơn là chống lại những lệnh của “Các vị Thánh Ngày Cuối”.

Sau một cử chỉ hăm dọa, Young quay đi và John nghe thấy tiếng chân nặng trình trịch trên lớp sỏi.

Ông vẫn còn ngồi đó, tỳ khuỷu tay lên đầu gối suy tính, thì một bàn tay dịu dàng khẽ đặt lên bàn tay ông. Ngước mắt lên, thấy gương mặt hoảng hốt của Lucy, ông hiểu là cô đã biết sự tình. Ông an ủi:

-Con đừng lo, cha sẽ thu xếp. Con không chịu khuất phục trước ý muốn của con người vừa rồi chứ?

Lucy chỉ đáp lại bằng tiếng sục sục và nắm tay ông siết mạnh.

-Tất nhiên rồi. Cha cũng không muốn con chịu khuất phục. Hope rất xứng đáng với con, nó hơn tất cả bọn con trai ở đây gộp lại. Ngày mai có một toán người đi Nevada, cha sẽ tìm cách nhả tin. Nếu nó đúng là con người như cha đã biết, nó sẽ trở về nhanh hơn điện tín.

Lucy cười qua những giọt nước mắt trước sự so sánh của người cha già.

-Khi anh ấy về, anh ấy sẽ giúp được cha con mình. Nhưng con chỉ lo cho cha. Người ta kể những chuyện ghê sợ về những ai dám cưỡng lại mệnh lệnh của giáo chủ.

-Nhưng ta đã cưỡng lại đâu Ta còn một tháng. Đến thời hạn ấy, chúng ta đã đi khỏi nơi này rồi.

-Rời bỏ nơi đây?

-Chỉ còn cách đó.

-Còn trang trại thì sao?

-Cha sẽ chuyển thành tiền được càng nhiều càng tốt, còn thì bỏ lại hết, con ạ; cha không chịu cúi mình như những người ở đây.

-Họ không để cho mình đi đâu, cha ạ.

-Chờ Hope về, ta cùng thu xếp. Từ nay đến lúc đó, con không có gì lo sợ, và cũng đừng khóc. Nếu không, khi gặp cha, nó sẽ trách cha đấy.

John nói với con bằng một giọng tin tưởng, tuy vậy, Lucy vẫn nhận thấy rằng tối hôm đó, ông cài cửa cẩn thận hơn mọi hôm, nạp đạn vào khẩu súng và treo trong phòng ngủ.

10. Chạy Trốn

Sáng hôm sau, John ra thành phố nhả tin cho Hope. Về đến nhà, ông ngạc nhiên thấy hai con ngựa buộc ở hai cái cọc bên cổng. Ông càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy trong phòng ăn có hai người trẻ tuổi. Một người mặt tái mét, dài ngoẵng, ngồi lút trong chiếc ghế đu, chân gác lên bếp lò. Người kia cổ to như cổ bò mộng, khuôn mặt phì nộn, đứng trước cửa sổ, tay dứt túi, huýt sáo một bài hát. Cả hai nghiêng đầu chào khi John bước vào, và kẻ đang nằm dài trên chiếc ghế đu khơi chuyện:

-Có lẽ ông không biết chúng tôi. Đây là Enoch Drebber, con trai ông Elder Drebber; còn tôi là Joseph Stangerson, con trai Stangerson. Tôi đã đi cùng ông khi Chúa chìa bàn tay ra và đưa ông trở lại bầy đàn chân chính.

-Nơi người sẽ dắt dẫn mọi dân tộc, vào giờ phút thích đáng - Gã con trai kia nói tiếp bằng giọng mũi.

John lạnh lùng gật đầu.

Stangerson nói tiếp:

-Chúng tôi đến đây để xin con gái ông về làm vợ cho một trong hai người chúng tôi. Tôi mới có bốn vợ, và giáo hữu Elder Drebber bảy vợ. Như vậy tôi có lẽ được quyền ưu tiên hơn.

-Không! Không! - Gã kia vội kêu lên - Vấn đề không phải ở chỗ đã có bao nhiêu vợ, mà là có thể nuôi được bao nhiêu vợ. Cha tôi vừa mới cho tôi mấy nhà xay thóc, nên tôi là người giàu hơn.

-Nhưng triển vọng gia sản của tôi lại lớn hơn - Gã kia hung hăng đáp lại - Khi Chúa gọi cha tôi về hầu, tôi sẽ được thừa hưởng sản nghiệp thuộc da của cha tôi. Lúc đó tôi sẽ là tông đồ cấp cao hơn anh trong giáo hội.

-Cứ để cô gái quyết định - Elder Drebber nói, cười mỉm với hình ảnh của mình trong gương.

Trong lúc hai gã đối đáp nhau, John cố ghì nén cơn giận để khỏi quất chiếc roi ngựa lên lưng họ.

-Này, các anh, khi nào con gái tôi gọi các anh đến thì các anh mới được đến. Nó chưa gọi thì đừng vác mặt tới đây.

Hai gã trẻ tuổi nhìn nhau, ngơ ngác. Theo họ, đây là một vinh dự lớn cho người cha lẫn cô gái. John quát lên:

-Có hai lối ra khỏi phòng này, ra bằng cửa lớn và ra bằng cửa sổ. Các anh muốn ra bằng cửa nào?

Gương mặt và hai bàn tay John đơ cứng về hướng tợn, đến nỗi hai gã đứng bật dậy, vội vã bỏ về. John theo chân chúng đến tận cổng ngoài.

Stangerson tức sùi bọt mép:

-Ông sẽ hối hận cho đến khi nhắm mắt.

-Bàn tay Chúa sẽ giáng xuống đầu ông. Chúa sẽ trừng trị ông - Drebber cũng hét lên trước khi hai gã phóng ngựa bỏ đi.

Ông già quay vào nhà, lấy bàn tay chùi mồ hôi trên trán, nói với con:

-Bọn chó má! Cha thà thấy con nằm trong nấm mồ còn hơn làm vợ một trong hai đứa.

-Con cũng quyết thế - Cô gái trả lời với giọng rắn rỏi. Nhưng anh Hope chắc sắp về rồi.

-Ừ, chắc cũng không lâu, nhưng sớm ngày nào tốt ngày ấy.

Quả vậy, người trại chủ mạnh khỏe cần có người giúp đỡ. Trong suốt lịch sử của cộng đồng này, chưa từng có trường hợp nào chống lại uy quyền của giáo chủ một cách ngang nhiên như vậy. Những lỗi lầm nhỏ mọn mà còn bị trừng trị ghê gớm thì số phận của kẻ bất phục tùng này sẽ ra sao? John biết rằng tài sản và danh tiếng của ông chẳng giúp ông được gì. Đã có những người khác, giàu có và tiếng tăm như ông, bị thủ tiêu và gia tài thì bị sung vào quỹ của giáo hội.

Sáng hôm sau, ông thấy một mẫu giấy gài trên tấm chăn ông đắp, đúng ngang ngực. Trên mẫu giấy có dòng chữ in đậm nét:

“Người còn hai mươi chín ngày để sửa mình”.

Mẫu giấy ấy làm John lo sợ hơn bất kỳ lời đe dọa nào. Hai mươi chín ngày rõ ràng là thời hạn mà Young dành cho ông. Bàn tay đã gài mẫu giấy này rất có thể cầm một mũi dao vào giữa tim ông.

Sáng hôm sau, John còn hoảng hốt hơn. Hai cha con vừa ngồi vào bàn ăn buổi sáng thì Lucy kêu lên một tiếng kinh ngạc, giơ tay chỉ lên trần nhà. Ngay giữa trần có ai đã viết, có lẽ bằng một cái que còi lửa, con số “28”.

Lucy chắc không thể hiểu ý nghĩa của con số đó, và John cũng không nói cho con hay. Duy có điều, đêm hôm ấy, ông cầm súng canh rất khuya. Ông không thấy bóng dáng một ai, không nghe thấy một tiếng động nào, thế mà sáng hôm sau trên mặt ngoài cánh cửa đã có một con số “27”.

Cứ như vậy, ngày tiếp ngày, ông nhận thấy các kẻ thù vô hình của ông đã tính sổ đều đặn và ghi sổ ngày trong thời hạn dành cho ông. Những con số đó được viết khi thì trên tường, khi thì trên sàn, thỉnh thoảng lại ghi trên những tấm bìa nhỏ dính ở cửa vườn hoặc ngoài hàng rào. Một cảm giác hãi hùng xâm chiếm lấy ông mỗi khi nhìn thấy những con số đó.

Con số 20 trở thành 15, rồi 10, vẫn không có tin tức gì về Hope. Mỗi lần có tiếng vó ngựa qua đường, người trại chủ già lại vội vã chạy ra hàng rào xem. Nhưng đến khi ông thấy con số 5 bị thay thế bằng 4 rồi 4 bị thay thế bằng 3 thì ông hết hy vọng. Một thân một mình không thông thuộc đường đi trên các dãy núi bao quanh vùng, ông biết mình bất lực.

Một buổi tối, ông ngồi một mình suy nghĩ miên man, vô vọng. Sáng hôm ấy, con số 2 đã hiện trên tường và hôm sau sẽ là ngày của thời hạn đáng nguyên rủa. Trong bầu không khí im lặng buổi tối, ông bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa rất nhẹ. John nhảy vọt đến cửa, rút chốt, mở toang cánh cửa.

Bên ngoài, cảnh vật rất yên tĩnh. Trong vườn, ngoài nhà, không thấy bóng một ai. Bỗng nhìn xuống chỗ gần chân mình, ông thấy một người nằm áp bụng xuống đất, vịn vẹo bò vào trong nhà, nhanh và lặng lẽ như một con rắn. Vào đến trong nhà, người ấy đứng bật dậy, đóng cửa lại và John nhận ra là Hope. Giọng anh khản đặc:

-Bác có gì ăn không? - Anh sà vào bàn, ăn nốt chỗ thức ăn của bữa chiều còn lại, vừa ăn vừa hỏi chuyện - Lucy có khỏe không bác?

-Nó khỏe. Nhưng sao cháu lại đến đây bằng cách ấy.

-Nhà bác đã bị vây kín. Cháu phải bò từ xa đến đây. Chúng ghê lắm, nhưng vẫn không bắt nổi một thợ săn của vùng rừng núi.

John phần chân xiết chặt bàn tay người thanh niên:

-Chúng ta tính sao đây?

-Ngày mai là ngày cuối cùng, nếu ta không đi ngay đêm nay thì hỏng mất. Cháu có một con la và hai con ngựa buộc ở chỗ hẻm Đại Bàng. Bác hiện có bao nhiêu tiền?

-Bảy nghìn dollars.

-Thế là đủ. Cháu cũng có chừng ngần ấy. Ta phải đi về phía thành phố Crason qua đường núi. Bác đánh thức Lucy dậy đi.

Một lát sau, lợi dụng lúc một đám mây bay qua làm đêm tối thêm, ba người thận trọng mở cửa sổ, vượt qua vườn, rồi nín thở, khi thì gặp người lại làm hai, khi thì dán bụng xuống đất, tiến dần đến hàng rào, nơi có một khe hở mở ra cánh đồng.

Bỗng chàng vội kéo hai người nấp vào một chỗ khuất. Kinh nghiệm của người thợ săn đã giúp cho chàng có đôi tai của mèo rừng. Ba người vừa nấp xong vào một chỗ tối đen, đã nghe thấy cách chỗ họ vài yard một tiếng hú buồn thảm của cú mèo. Một tiếng hú khác cũng ngay gần đấy đáp lại. Cùng lúc đó, một bóng người lờ mờ từ khe rào mà họ định tiến tới hiện ra, và tiếng hú áo nâu kia lại nổi lên. Lúc ấy có một bóng người khác nhô ra từ trong tối. Chiếc bóng đầu tiên, có vẻ là một kẻ chỉ huy, nói:

-Ngày mai, vào lúc nửa đêm, khi chim kêu ba tiếng.

-Rõ. Có cần nói lại với giáo hữu Drebber không?

Bóng kia đáp lại:

-Bảo cho Drebber biết mật hiệu và chuyển lại cho các giáo hữu khác. Chín còn bảy?

-Bảy còn năm - Bóng kia đáp lại rồi hai bóng người đi về hai hướng khác nhau.

Tiếng bước chân của chúng vừa mới chìm đi xa, cả ba người liền đứng dậy, vượt qua khe rào, chạy thật nhanh qua cánh đồng tới đường cái.

Ra tới đường cái, họ đi nhanh hơn. Trên đường, họ chỉ gặp có mỗi một người và kịp nấp tránh xuống bờ ruộng ven đường. Gần đến chỗ vào thành phố, người thợ săn rẽ sang một con đường đất gồ ghề nhỏ hẹp đi

lên núi. Hiện ra lơ mờ trong bóng tối phía trên đầu họ là hai mỏm núi, giữa hai mỏm núi đó là hẻm Đại Bàng. Qua một lòng suối cạn nước, họ tới chỗ ẩn khuất đằng sau mấy tảng đá lớn, thấy ngựa và la vẫn còn. Cô gái ngồi lên lưng la, ông già với bọc tiền ngồi lên một con ngựa, còn người thợ săn dắt con ngựa kia.

Đường đi rất nguy hiểm, nhiều chỗ hẹp đến nỗi họ phải đi theo hàng một. Tới một chỗ hoang vắng và hiểm trở nhất của hẻm núi, bỗng Lucy khẽ kêu lên một tiếng, giơ tay chỉ lên mỏm núi. Một hình người đứng trên tảng đá mọc chìa ra bên trên con đường, nổi bật thành một bóng đen trên nền trời. Cùng lúc đó, người gác kia cũng nhìn thấy họ. Một tiếng “Ai?” lạnh sống lưng vang lên trong hẻm im lìm.

-Lữ khách đi Nevada - Hope đáp, tay đặt lên khẩu súng treo ở yên ngựa.

Họ thấy người gác lăm lăm khẩu súng, nhìn họ như chưa hài lòng với câu trả lời.

-Được phép ai chưa?

-Được phép của “Các vị Thánh Ngày cuối” - John đáp. Những năm tháng sống với người Mormons đã dạy cho ông biết đây là quyền lực cao nhất mà ông có thể viện ra.

-Chín còn bảy - Tên gác hỏi mật hiệu.

-Bảy còn năm - Hope đáp lại ngay, nhớ lại mật hiệu nghe được ở hàng rào bên vườn.

-Đi đi, và cầu Chúa phù hộ cho các người!

Sau khúc đó, con đường rộng dần ra, bằng phẳng hơn và họ có thể cho ngựa đi nước kiệu. Ngoái lại đằng sau, họ thấy bóng người gác chống súng xuống đất, họ biết là họ đã được tự do.

11. Báo Oán

Những người chạy trốn đi suốt đêm, qua những đường đèo hiểm trở, dốc ngược và lởm chởm đá. Nhiều lần lạc đường, nhưng nhờ chàng trai thông thuộc vùng núi này nên họ lại tìm được phương hướng. Đến lúc trời rạng sáng, họ dừng lại bên một thác nước cho ngựa uống và để ăn vội bữa sáng, Lucy và ông John rất muốn nghỉ lâu hơn, nhưng người thợ săn nhắc nhở:

-Hiện giờ chúng đã bắt đầu đuổi theo. Thoát được. hay không là tùy ở tốc độ của chúng ta. Tới được thành phố Carson là thoát.

Suốt ngày hôm ấy họ đi theo những con đường cheo leo, những hẻm núi nhỏ hẹp và đến chiều, họ tính đã ở cách xa kẻ thù khoảng ba mươi dặm. Đêm đến, chọn chỗ nghỉ ở chân một tảng đá mọc nhô ra để che bớt gió, và nép người vào với nhau để có chút hơi ấm. Trước khi trời sáng, họ đã lên đường. Không thấy một dấu hiệu nào có người đuổi theo, Hope cho rằng họ đã thoát ra ngoài tầm tay của cái tổ chức khủng khiếp đó.

Đến khoảng trưa ngày thứ hai, chỗ lương thực ít ỏi, mang theo bắt đầu cạn. Chàng trai không lo lắng. Chọn chỗ khuất, anh chặt đống một ít cành cây khô, nhóm đống lửa lớn để ông John và Lucy sưởi: gió thổi mạnh và giá lạnh. Bọc ngựa xong, chàng khoác súng lên vai, đi kiểm thức ăn cho cả nhóm.

Chàng đi vài dặm[1] vào một hẻm núi, rồi đi tiếp sau một hẻm núi khác, mà không gặp được một loại chim thú nào. Cuối cùng, sau hai giờ tìm kiếm, chàng nản chí, đã toan quay trở lại, bỗng nhìn thấy một con sơn dương, nó quay đầu về hướng khác, không thấy chàng. Chàng ngửa người, tỉ súng lên mép một tảng đá ngấm cẩn thận rồi mới bóp cò. Con vật lao đảo bên bờ vực rồi lăn xuống đáy thung lũng. Chàng xẻo lấy một phần thịt, rồi vội vã quay trở lại chỗ cũ. Nhưng đường về bây giờ tìm mới khó vì lúc mãi mê, chàng đã đi quá những hẻm núi quen thuộc. Trên núi, đêm ập xuống nhanh và lúc trời tối mịt, chàng mới nhận ra đường về.

Về đến đầu đường đèo - nơi chàng đã để ông John và Lucy ngồi chờ bên đống lửa -chàng bắt tay lên miệng hô vang một tiếng ” hôôôô ”. Nhưng không có một tiếng hô nào đáp lại. Hô tiếp một tiếng nữa. Vẫn không thấy có tiếng đáp, chàng cảm thấy một nỗi lo sợ mơ hồ khó tả, vội vứt bỏ tảng thịt, lao chạy về phía trước.

Sau một chỗ ngoặt, chàng nhậ ra rõ đây là nơi mình đã nhóm lửa. Dưới đất hãy còn một đống than cháy dở, nhưng xung quanh người và ngựa đã biến đi đâu mất!

Chàng khơi lại ngọn lửa và xem xét khu vực xung quanh. Nền đất có nhiều vết chân ngựa cho thấy một toán đông cưỡi ngựa đã đuổi kịp rồi sau đó đã lại rút đi. Cách đồng lửa không xa có một mô đất mà lúc trưa không thấy có. Rõ ràng là một ngôi mộ vừa mới đắp. Bước lại gần, chàng thấy có một cái gậy cắm vào giữa ngôi mộ, trên đầu gậy gài một tờ giấy ghi vắn vắn:

”John Ferrier

Trước ở thành phố Salt-Lake

Chết ngày 4 tháng 8 năm 1860”

Đau đớn, chàng hồi hải tìm khắp xung quanh xem có ngôi mộ nào nữa không, nhưng không thấy, Lucy đã bị bắt đi rồi. Nàng sẽ là vợ của con trai một tông đồ Mormons nào đó. Khi hiểu ra số phận của vị hôn thê, chàng trai muốn lấy cái hẻm núi này làm nơi an nghỉ cuối cùng của mình. Nhưng bản tính kiên cường lại trỗi dậy. Nếu như đời chàng từ nay không còn ý nghĩa gì nữa, thì ít ra chàng vẫn có thể dùng nó để trả thù cho vợ. Cùng với bản tính kiên cường và nhẫn nại, chàng còn có một chí căm thù bền bỉ mà chàng đã học được ở những người da đỏ. Gương mặt tái nhợt và dữ tợn, chàng quay trở lại chỗ đã bỏ tảng thịt, nhóm lửa, chuẩn bị cho mình đủ thịt ăn trong vài ngày rồi đứng lên, lần đường tìm về thành phố Salt Lake.

Đến ngày thứ sáu, chàng về tới hẻm Đại Bàng. tại đó, chàng có thể nhìn thấy nơi ở của Các vị Thánh ngày tận thế. Chàng thấy có cờ Baynes phát phới ở một vài đường phố chính và một dấu hiệu khác là có cuộc vui hay buổi lễ gì đó, trong thành phố. Bỗng chàng nghe tiếng vó ngựa và thấy một người đi về phía mình. Chàng nhận ra đó là Cowper, người mà mình đã có lần giúp một vài việc. Khi người đó tới gần, chàng bước lại:

-Anh còn nhớ tôi không. Tôi là Hope đây

Người Mormons này không giấu nổi vẻ ngạc nhiên. Quả thực, khó mà nhận ra một kẻ lang thang, rách rưới, râu rậm tóc bù, mặt nhợt nhạt và dễ sợ này... Rồi vẻ ngạc nhiên mau lẹ chuyển thành vẻ lo ngại.

-Anh điên hay sao mà đến đây? Có lệnh bắt anh vì anh đã giúp hai cha con ông John chạy trốn.

-Tôi không sợ. Chỉ xin anh, vì tình bằng hữu cho tôi biết Lucy hiện nay ra sao.

-Hôm qua, người ta đã làm lễ cưới cho cô ấy. Kia, can đảm lên chứ. Trông anh như người mất hồn.

-Anh khỏi phải bận tâm về tôi - Giọng Hope yếu ớt. Đôi môi tái nhợt, ngồi bệt xuống một tảng đá -Anh bảo sao, lễ cưới ư?

-Lễ cưới được tổ chức hôm qua, vì vậy mới treo cờ. Con trai Drebbler và con trai Stangerson tranh nhau khá gần. Cả hai đều nằm trong nhóm người đã đuổi theo họ và Stangerson là kẻ đã giết người cha của cô gái. Vì vậy, Stangerson có vẻ được ưu tiên, nhưng khi việc này được đưa ra hội đồng thì phái nhà Drebbler thắng và giáo chủ đã trao cô gái cho Drebbler. Dầu vậy, chẳng ai giữ cô ấy được lâu đâu vì hôm qua tôi đã thấy màu chết trên sắc mặt cô ấy rồi. Thế nào, anh đi đây à.

-Vâng, tôi đi đây - Hope đứng dậy, gương mặt đanh lại và đôi mắt ánh lên một vẻ kiên đại.

-Anh đi đâu?

-Đi đâu cũng vậy thôi - Hope đáp lại, rồi vác súng lên vai, rảo bước về phía đường đèo, tiến sâu vào trong lòng núi.

Lời tiên đoán của Cowper quả không sai: trong không đến một tháng. Lucy héo hon rồi chết. Drebbler không tỏ ra đau buồn khi Lucy chết, vì hắn lấy Lucy chủ yếu vì của cải của ông bố. Nhưng những người vợ khác của y thương khóc cô, và theo phong tục của người Mormons, họ thức trông xác cô suốt đêm trước hôm mai táng. Đang ngồi xung quanh quan tài vào lúc trời chưa sáng, họ bỗng kinh ngạc và khiếp sợ khi thấy cửa bật mở và hiện ra một người đàn ông ăn mặc rách rưới, mặt sạm đen, con mắt điên dại, bước thẳng đến chỗ đặt thi hài, cúi đầu kính cẩn đặt môi lên vầng trán giá lạnh rồi đỡ lấy bàn tay người chết, rút chiếc nhẫn cưới ra khỏi ngón tay và nói bằng một giọng giống tiếng gầm rít của loài thú nhiều hơn tiếng người:

-Không thể để cho người ta chôn cất nàng cùng với chiếc nhẫn này. Trong lúc đám phụ nữ chưa biết nên làm gì thì người đó đã biến mất.

Trong nhiều tháng, người ta kể có một kẻ kỳ quặc thường hay lẩn quẩn ở những cánh đồng bên ngoài thành phố hoặc trong những hẻm núi hoang vắng. Một hôm, một viên đạn bắn qua cửa sổ nhà Stangerson đập vào tường cách đầu y có một foot. Lại một dịp khác, Drebbler đang đi dưới chân một dốc núi thì một tảng đá lăn về phía y, y phải bổ nhào úp sấp mặt xuống đất mới thoát chết. Hai gã thanh niên ấy sớm phát hiện ra người tiêng hành những vụ mưu sát này, và chúng dẫn người đi tìm Hope nhiều lần nhưng không bắt được chàng. Chúng phải cắt người canh gác nhà chúng, chúng không bao giờ ra khỏi nhà một mình hoặc khi trời tối. Sau một thời gian, những biện pháp này được nới lỏng: người ta không còn thấy bóng dáng Hope đâu và chúng nghĩ rằng thời gian đã làm nguôi mối thù ở trong lòng người thợ săn trẻ tuổi ấy.

Nhưng chí báo thù đã chiếm lĩnh toàn bộ tâm hồn chàng trai, không còn chỗ cho một tình cảm nào khác len vào nữa. Những cuộc sống phôi sương dài nằng, chẳng mấy chốc làm hao mòn sức khỏe của chàng. Nếu chàng chết trên núi như con chó hoang thì ai sẽ báo thù cho? Mà nếu chàng cứ ở mãi trên núi thì không thể tránh khỏi kết cục đó. Vì vậy, chàng trở lại vùng mỏ Nevada để phục hồi sức khỏe và thu nhặt một ít tiền để rồi có thể theo đuổi chuyện báo oán.

Chàng định tạm nén mối thù lại độ một năm là cùng, nhưng nhiều tình huống không lường trước không cho phép chàng rời khỏi khu mỏ trước năm năm. Tuy nhiên, sau thời gian ấy, ký ức về nỗi đau buồn lòng khao khát báo thù vẫn mãnh liệt. Cải trang, chàng trở lại thành phố Salt Lake dưới một cái tên giả và được biết những tin đáng chú ý. trước đó vài tháng đã xảy ra một sự phân liệt trong đám người được Chúa tuyển chọn. Một vài thanh niên trẻ của giáo phái Mormons đã nổi dậy, chống lại quyền lực của các tông đồ và kết quả là một số đã ly khai, bỏ Utah ra đi, trở thành những kẻ ngoại đạo. Trong số đó có Drebbler và Stangerson. Không ai biết chúng đi đâu. Người ta kể rằng Drebbler đã khéo thu xếp, chuyển hết tài sản của hắn ra thành tiền đem đi, còn Stangerson thì không được sung túc bằng.

Nhiều người cho rằng dù lòng báo thù có cháy bỏng đến đâu, có lẽ cũng đã phải từ bỏ ý định của mình trước ngần ấy khó khăn, nhưng Hope thì không. Với số tiền ít ỏi đã có, chàng đi hết thành phố này đến thành phố khác trong khắp nước Mỹ tìm kiếm tung tích của kẻ thù, vừa đi vừa nhận làm những công việc lặt vặt để có thêm tiền sinh sống. Thời gian trôi đi, mái tóc đen đã lốm đốm bạc nhưng ông vẫn cứ đi, không biết mệt mỏi, không hề nản chí, dò tìm dấu vết của kẻ thù như một con chó săn say mồi. Một hôm, ông thoáng nhìn thấy một nét mặt qua một khung cửa sổ, và biết đó là người mà ông lùng đuổi hiện đang ở tại thành phố Cleveland, bang Ohio. Ông trở về căn buồng, sắp đặt kế hoạch báo thù. Thế nhưng Drebbler khi nhìn qua cửa sổ nhà hắn, cũng đã nhận ra kẻ lang thang ngoài phố kia và thấy ý định giết người trong ánh mắt người ấy. Hắn vội vã cùng với Stangerson - khi ấy đã trở thành thư ký riêng của hắn - đến nhà một vị thẩm phán khai rằng hắn đang bị một kẻ tình địch cũ dọa giết.

Tối hôm ấy, Hope bị tổng giam vì ông sống lang thang, không nhà cửa, không nghề nghiệp nhất định. Ông bị giam mấy tuần. Đến khi được thả, ông thấy nhà Drebbler bỏ trống và được biết hắn đã sang châu Âu cùng với tên thư ký riêng.

Một lần nữa, người báo oán thất vọng, nhưng cũng một lần nữa mối thù dồn tụ qua năm tháng lại đẩy ông tiếp tục hành động. Không đủ tiền đi xa, ông lại phải kiếm việc làm, dành dụm từng dollar một cho cuộc hành trình sang châu Âu. Sau cùng, khi có tạm một ít tiền để đủ sống, ông lên đường, đuổi theo các kẻ thù của mình từ thành phố này đến thành phố khác ở châu Âu, nhận làm bất cứ việc gì để sống. Từ thành phố St. Petersburg của Nga, Thủ đô Paris của Pháp, Copenhagen của Đan Mạch; cuối cùng ông theo chúng tới thủ đô London nước Anh, và hạ sát được chúng.

[1] Nguyên văn: miles

12. Phần Tiếp Trong Nhật Ký Của Bác Sĩ Watson

Tuy chống cự kịch liệt, nhưng người đánh xe tỏ ra không hằn thù gì chúng tôi. Ông ta nở một nụ cười thân thiện và tỏ ý mong ông ta không gây thương tích gì cho chúng tôi trong lúc xô xát. Ông ta nói với Sherlock Holmes:

-Tôi chắc các ông sẽ dẫn tôi về Sở cảnh sát. Xe của tôi để dưới lòng đường. Nếu các ông vui lòng cởi trói chân cho tôi, tôi sẽ tự mình xuống.

Gregson và Lestrade nhìn nhau suy nghĩ. Nhưng Sherlock Holmes cởi ngay dây trói.

Holmes bảo hai nhà thám tử:

-Các ông nên đi cùng với tôi.

-Tôi đánh xe cho - Lestrade nói.

-Tốt lắm. Ông Gregson ngồi trong xe cùng với tôi, bác sỹ Watson, cả anh nữa.

Tất cả chúng tôi ra xe. Hope ngoan ngoãn bước lên xe. Tôi sở cảnh sát, viên thanh tra làm nhiệm vụ của mình một cách bình thản, buồn tẻ:

-Can phạm sẽ bị đưa ra xét xử ngay trong tuần. Trong khi chờ đợi, Hope, anh có muốn khai gì không?

Hope từ tốn nói:

-Lời khai của tôi khá dài. Tôi muốn được kể hết với các ông.

-Ông có thể kể đến khi ra tòa khai cũng được.

-Có lẽ tôi sẽ không ra tòa đâu. Các ông chớ hoảng hốt. Tôi không có ý định tự tử. Ông có phải bác sỹ không? - Ông ta quay đôi mắt u tối và cháy bỏng sang phía tôi.

-Phải.

-Thế thì xin ông đặt tay vào đây - Với một nụ cười hé nở trên môi, ông ta đưa hai cổ tay bị khóa lên ngực.

Làm theo yêu cầu của ông ta, tôi cảm thấy ngay những tiếng tim đập dữ dội. Lồng ngực ông ta rung lên bần bật như một tòa nhà mảnh mai bên trong đang chạy một động cơ quá mạnh. Trong bầu không khí im lặng của gian phòng, tôi có thể nghe thấy tiếng thổi và tiếng rung cũng xuất phát từ đó.

-Ừa, ông bị bệnh phình động mạch chủ hử - Tôi thốt lên.

-Đúng vậy - Hope bình thản đáp - Tuần trước tôi đã đi khám bệnh, bác sỹ bảo không lâu nữa nó sẽ vỡ tung. Bệnh đã nặng lên từ lâu trong những năm tôi phải sống ở ngoài trời, ăn không no, ngủ không yên giấc. Tôi đã làm xong cái việc cần làm, dù có phải ra đi sớm cũng không có gì hệ trọng. Tuy nhiên, tôi muốn kể lại câu chuyện của tôi để người ta đừng nghĩ tôi là một tên sát nhân bỉ ổi.

Viên thanh tra và hai nhà thám tử hội ý chớp nhoáng với nhau, xem có nên cho can phạm được phép kể như ông ta yêu cầu không. Viên thanh tra hỏi tôi:

-Bác sỹ có cho rằng tính mạng can phạm có thể bị nguy không?

-Rất có thể.

-Trong trường hợp nhiệm vụ của chúng tôi là phải lấy lời khai của can phạm. Ông Hope, chúng tôi cho phép ông bắt đầu khai.

-Tôi xin phép được ngồi - Hope noi - Bệnh phình động mạch này làm tôi dễ mệt lắm, nhất là sau cuộc vật lộn hồi này. Tôi đang ở bên bờ cõi chết. Vì vậy, tất cả những lời tôi sẽ nói ra đây đều là hoàn toàn sự thật.

Tiếp đó, Hope bắt đầu kể câu chuyện của mình. Ông ta nói với một giọng bình thản, từ tốn:

-Hai kẻ ấy đã gây ra cái chết của hai cha con - Một cô gái và người cha - và vì thế, chúng rất đáng tội chết. Tuy nhiên, từ ngày đó đến nay, tôi không có đủ bằng chứng để đưa ra trước bất kỳ một tòa án nào. Vì vậy tôi đã quyết định đảm nhiệm cả vai trò quan tòa lẫn đao phủ.

Cô gái đã thiệt mạng mà tôi đã nói ở trên lẽ ra làm vợ tôi cách đây hai mươi năm. Nàng đã bị ép buộc phải lấy tên Drebber này. Khi rút chiếc nhẫn khỏi ngón tay vợ tôi, tôi đã thề rằng trước lúc chết, con mắt của Drebber sẽ phải nhìn chiếc nhẫn này. Tôi đã săn đuổi bọn chúng qua hai lục địa.

Khi tôi đến London, túi tôi hầu như không còn một xu nào, tôi cần tìm một nghề. Cưỡi ngựa, đánh xe đối với tôi tự nhiên như đi bộ. Tôi đến gặp một chủ xe, xin thuê một chiếc xe. Tiền kiếm được cũng đủ sống. Cái khó nhất là thuộc đường vì các thành phố này là cái mê cung rắc rối. Nhưng tôi kiếm được một cái bản đồ, và dần dần quen thuộc đường sá.

Tôi phải mất một thời gian mới tìm được địa chỉ của chúng. Chúng trọ tại một gia đình ở Camberwell. Phát hiện ra chỗ ở của chúng, tôi biết là đã nắm được chúng trong tay. Tôi để râu dài, và kiên trì theo dõi, mà chúng không nhận ra tôi.

Bất kể chúng đi đâu, tôi đều theo sát gót, khi thì bằng xe ngựa, khi thì bằng chân. Theo bằng xe tốt hơn vì chúng không thể bỏ xa tôi được.

Chúng rất gian ngoan. Có lẽ chúng nghi bị theo dõi nên không bao giờ ra khỏi nhà một mình và cũng như lúc đêm khuya. Trong hai tuần liền, ngày nào tôi cũng dùng xe theo chúng, nhưng không bao giờ tôi thấy có tên nọ mà không có tên kia. Drebber gần như lúc nào cũng say, nhưng Stangerson thì luôn luôn tỉnh táo và cảnh giác. Theo dõi mãi, tôi vẫn chưa tìm thấy cơ hội nào.

Một hôm, vào lúc xế chiều, khi đang đi lại trên phố Torquay Terrace, nơi chúng trọ, tôi bỗng thấy một chiếc xe ngựa đến đỗ trước cửa nhà chúng. Một lúc sau, có người khiêng hành lý ở trong nhà ra xe, rồi Drebber và Stangerson lên xe và chiếc xe lăn bánh. Tôi cho xe đuổi theo. Đến ga Euston, chúng xuống xe. Tôi nhờ một đứa trẻ trông ngựa cho tôi và theo chúng ra sân ga. Tôi nghe thấy chúng hỏi giờ tàu đi Liverpool. Nhân viên nhà ga báo cho chúng biết là tàu vừa mới chạy, và phải mất một tiếng đồng hồ nữa mới có chuyến sau. Stangerson tỏ ra bức mình, Drebber trái lại có vẻ mừng rỡ. Tôi xán đến gần chỗ chúng. Drebber nói là y có công việc nhỏ cần phải giải quyết và y bảo tên kia chờ, y sẽ quay trở lại ngay, Stangerson trách móc, nhắc nhở là hai đứa đi đâu cũng phải có đôi. Drebber trả lời rằng đây là một việc tế nhị nên y phải đi một mình. Tôi không nghe Stangerson đáp lại như thế nào mà chỉ thấy Drebber chửi rủa rồi nhắc nhở cho Stangerson biết rằng y chỉ là một kẻ tồi tệ. Thấy vậy, Stangerson không kèo nèo thêm nữa và hai đứa thỏa thuận là nếu Drebber không kịp trở lại tàu thì y sẽ đến gặp Stangerson tại khách sạn Holiday. Sau đó Drebber đi một mình ra khỏi nhà ga.

Khi đi cùng với nhau, chúng có thể bảo vệ lẫn nhau, nhưng nếu chúng tách riêng từng đứa thì đời chúng sắp tàn. Tuy thế, tôi không hành động hấp tấp. Trong sự báo thù, sẽ không có niềm sung sướng nếu kẻ thù của mình không biết vì sao nó phải đền tội và ai là người bắt nó đền tội. Trước đó mấy ngày, một người chịu trách nhiệm trông nom mấy ngôi nhà ở đường Brixton đã đánh rơi chìa khóa của một ngôi nhà trên xe của tôi. Tôi đã trả lại cho ông ta chiếc chìa khóa, nhưng trước đó, tôi đã nhờ làm thêm một chiếc. Với chiếc chìa ấy, tôi đã có một nơi ra vào, một nơi có thể tự do hoạt động. Nhưng việc đưa Drebber đến ngôi nhà ấy, là điều rất khó khăn.

Ra khỏi ga, Drebber sà vào một hai quán rượu. Ở quán thứ hai, y lưu lại đến gần nửa giờ. Ở quán này ra, chân y bước không vững. Có một chiếc xe ngựa đỗ ngay trước xe tôi. Y vẫy vẫy gọi và lên xe đi. Tôi đi theo chiếc xe này sát đến nỗi suốt quãng đường, mũi con ngựa xe tôi gần như chạm vào cuối đuôi xe trước. Hai xe cứ đi vòng vèo một lúc lâu rồi cuối cùng lại trở lại đúng cái phố mà Drebber đã ở trọ. Tại đó chiếc xe ngựa kia dừng lại, cho người xuống xe rồi xe ra đi. Tôi cho xe mình đỗ cách nhà chừng một trăm mét, và ngồi chờ. Các ông cho tôi xin cốc nước. Tôi khò cả họng.

Tôi đưa cho ông ta một cốc nước.

-Xin cảm ơn! Drebber vào nhà, tôi bình tĩnh ngồi chờ khoảng 15 phút. Một lát sau, tôi bỗng nghe thấy tiếng còi cọ trong nhà, rồi cửa bật tung và hiện ra hai người đàn ông. Một là Drebber, và người thứ hai là một thanh niên tôi chưa gặp bao giờ. Anh thanh niên này nắm lấy cổ áo Drebber, kéo y ra tới bậc thềm, xô mạnh một cái và co chân đạp bồi thêm một cái nữa làm y ngã lăn sang tận bờ hè bên kia. Anh ta gào lên dọa: “Đồ chó má! Tao sẽ dạy cho mày chừa thói lẳng nhục một người con gái lương thiện”. Drebber chạy đến góc phố, trông thấy xe tôi, nhảy lên xe, bảo tôi: “Đến khách sạn Holiday”. Lúc ấy tim tôi đập rộn lên vì mừng rỡ. Tôi cho xe chạy từ từ, cân nhắc trong đầu nên làm gì. Tôi có thể đưa y ra thẳng ngoại ô và trên một quãng đường vắng sẽ cho y giáp mặt lần cuối với tôi. Bỗng y bảo tôi đỗ xe trước một quán rượu. Y ở lại trong quán cho đến giờ đóng cửa, và khi y bước ra, chân nam đá chân chiêu, tôi biết tôi đã có một thuận lợi trong tay.

Các ông đừng nghĩ rằng tôi sẽ giết y một cách chóng vánh. Đã từ lâu, tôi tự bảo tôi sẽ dành cho y một cơ hội sống sót, nếu y muốn. Trong quãng đời lang thang ở Mỹ, tôi đã làm nghề gác cổng kiêm việc quét dọn cho một phòng thí nghiệm của York College. Một hôm, trong buổi giảng dạy về các chất độc, một vị giáo sư đã giới thiệu với sinh viên một loại alkaloid mà ông ta đã chiết xuất từ một thứ cây, có độc tính mạnh đến nỗi chỉ cần một chút bằng hạt đậu nhỏ cũng đủ làm chết người ngay tức khắc. Tôi đánh dấu bằng mắt cái lọ đựng thuốc độc ấy và khi mọi người ra về, tôi lấy trộm một chút. Tôi cũng ít nhiều biết cách chế biến các hóa chất và với một chút alkaloid ấy, tôi đập thành hai viên thuốc nhỏ dễ hòa tan trong nước. Đồng thời tôi cũng làm ra hai viên thuốc khác, y hệt như hai viên này nhưng không có chứa chất độc. Tôi bỏ một viên độc và một viên vô hại vào trong một cái hộp. Lúc bấy giờ, tôi đã quyết định là, một buổi gặp mặt cuối cùng, mỗi kẻ thù của tôi sẽ phải uống một viên trong hộp và tôi sẽ uống viên thứ hai còn lại. Từ sau hôm đó, lúc nào tôi cũng mang theo người hai hộp ấy và chờ có lúc sử dụng.

Lúc bấy giờ đã gần một giờ sáng. Đêm tối đen như mực. Mưa như trút nước và gió thổi dữ dội. Ngoài trời thì ảm đạm nhưng trong lòng tôi sung sướng, hân hoan. Nếu ai đã từng mong mỏi thiết tha một cái gì đó, trong suốt hai mươi năm trời, rồi bỗng có cái đó ngay trong tầm tay thì người ấy sẽ hiểu được những cảm xúc của tôi lúc bấy giờ. Tôi châm một điếu thuốc để bình tâm lại. Vừa đi, tôi vừa như thấy ông John và nàng Lucy nhìn tôi và mỉm cười với tôi. Tôi dừng xe lại trước ngôi nhà ở đường Brixton. Suốt phố không một bóng người, không một tiếng động, chỉ trừ tiếng mưa rơi. Nhìn vào trong xe, tôi thấy Drebber đang ngủ như chết, vì say. Tôi lay vai y:

-Đến nơi rồi.

-Tốt! - Y đáp lại.

Tôi cho rằng y ngỡ là đã đến khách sạn, vì y xuống xe và đi theo tôi vào vườn không nói một lời nào. Tôi phải đi cạnh y, đỡ y. Tới cửa nhà, tôi mở cửa, đưa y vào gian nhà ngoài.

-Tối quá! - Drebber dậm chân gắt gỏng.

-Sáng ngay bây giờ đây - Tôi nói, đánh diêm châm một ngọn nến tôi mang theo - - Đây! Enoch Drebber - Tôi nói tiếp, quay mặt về phía y và giơ ngọn nến sát mặt tôi - Ta là ai đây?

Y nhìn tôi một lúc bằng con mắt lơ đãng của kẻ say và tôi thấy hiện lên trong mắt y một nỗi kinh hoàng làm nhần nhúm cả mặt y. Y lùi lại, lão đảo, mặt tái nhợt, mồ hôi nhỏ giọt trên trán, hai hàm răng đập lập cập vào nhau.

Tôi dựa lưng vào cánh cửa. Tôi cười rất to và khá lâu, rồi bảo Drebber:

-Đồ chó đẻ! Tao đã săn đuổi mày suốt từ Salt Lake đến St. Petersburg. Nhưng lần này, mày không còn chạy đi đâu được nữa, vì một trong hai ta, tao hoặc mày, sẽ không nhìn thấy mặt trời sáng mai.

Y lùi lại khi nghe tôi nói, và tôi có thể đọc được trên nét mặt y là y tưởng tôi điên. Đúng là lúc ấy tôi điên thật. Thái dương tôi đập thành thành, tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ bị một cơn thần kinh nếu đã không bị chảy máu mũi làm cho người tôi nhẹ đi nhiều. Tôi đóng cửa lại, vung chiếc chìa khóa trước mặt y.

-Mày nghĩ gì về cô gái Lucy Ferrier bây giờ nào? Sự trừng phạt đến tuy có muộn, nhưng cuối cùng cũng phải đến chứ.

Tôi thấy môi y mấp máy, xin tôi tha tội:

-Ông định ám sát tôi ư? - Drebber áp ứng.

-Ai lại ám sát một con chó dại? Mày có thương xót gì cô gái khi mày giăng nàng ra khỏi xác cha nàng.

-Không phải tôi giết cha nàng! - Y kêu lên.

-Nhưng chính mày đã làm tan nát cõi lòng con người trong trắng ấy - Tôi gần như hét lên và giơ chiếc hộp thuốc trước mặt Drebber - Mày hãy chọn lấy một viên và nuốt đi. Ở một viên là cái chết, còn ở viên kia là sự sống. Để xem có công lý trên quả đất này không, hay chỉ là chuyện may rủi.

Drebber lùi vào một góc phòng kêu lên những tiếng man rợ, xin tôi rủ lòng thương, nhưng tôi rút dao ra kề sát cổ y, làm y cuối cùng phải uống thuốc. Tôi nuốt viên thuốc còn lại, chúng tôi đối diện nhau trong một

phút, chờ xem ai sống và ai sẽ chết. Có lẽ tôi không bao giờ quên được nét mặt y, khi những cơn đau đầu tiên báo cho y biết thuốc độc đang lan khắp người. Nhìn thấy thế, tôi cười khanh khách và gỡ chiếc nhẫn của nàng ra trước mắt y. Phút đó quá ngắn ngủi vì tác động của chất alkaloid rất mau lẹ. Y quần quai vì đau đớn, toàn thân và các cơ mặt co giật, rồi ngã vật ra sàn. Tôi lấy mũi giày hất người y lại, đặt tay trên ngực y. Y đã chết hẳn rồi. Máu ở mũi tôi ộc ra nhiều nhưng tôi không để ý. Không biết lúc đó tôi nghĩ gì, mà lấy máu tôi viết lên tường. Có lẽ định đùa trêu cảnh sát, đánh lạc hướng của cảnh sát, vì lúc đó lòng khoan khoái tôi nhớ lại vụ một người Đức bị ám sát tại New York, bên trên xác nạn nhân có chữ “Rache” làm báo chí kết luận là một án mạng do những hội kín gây ra. Tôi nghĩ chuyện bí ẩn đối với người New York chắc cũng sẽ là bí ẩn đối với người London. Tôi bèn nhúng ngón tay vào chính máu tôi, viết lên tường vào chỗ thuận tiện. Sau đó tôi trở ra xe. Đường vẫn không có một bóng người và trời vẫn mưa gió ào ào. Tôi đã đi được một quãng, bỗng dút tay vào túi, không thấy chiếc nhẫn đâu. Tôi hoảng hốt, cho rằng có lẽ đã đánh rơi khi cúi xuống trên xác Drebber, tôi quay trở lại, để xe ở một ngách phố nhỏ và đánh liều trở lại ngôi nhà. Tới nơi, tôi chạm trán ngay phải một viên cảnh sát ở trong nhà đi ra, tôi phải giả vờ say mới khỏi bị nghi ngờ.

Lúc bấy giờ tôi chỉ còn có một việc, là thanh toán nốt Stangerson. Tôi biết Stangerson đang ở khách sạn Holiday. Tôi đã lảng vảng quanh đó suốt ngày, nhưng không thấy y lộ mặt ra. Tôi sớm phát hiện được cửa sổ buồng y, và sáng hôm sau, nhân có mấy cái thang ở lối đi đằng sau khách sạn, tôi dựng lên, gác vào cửa sổ buồng y và trèo vào. Tôi đánh thức y dậy, bảo y phải trả lời về tội ác mà y đã gây ra cách đây hai mươi năm. Tôi mô tả lại với y cái chết của Drebber, rồi tôi cũng cho y được chọn một trong hai viên thuốc. Y nhảy bổ vào tôi, định bóp cổ tôi. Ở vào thế tự vệ, tôi đã đâm y.

Sau đó, tôi trở lại nghề đánh xe như trước, với ý định tiếp tục cho đến khi nào dành đủ tiền để trở về nước Mỹ. Tôi đang đậu xe ở một nơi thì một đứa bé đến hỏi có người đánh xe nào tên là Hope không, và bảo có người ở số 221B phố Baker muốn thuê xe. Coi là chuyện bình thường, tôi đi theo nó đến địa chỉ kia. Đến nơi, chưa hiểu đầu đuôi ra sao thì ông này đã thừa lúc tôi sơ ý, khóa ngay cổ tay tôi lại. Thưa các ông, đó là toàn bộ câu chuyện của tôi.

Nghe xong câu chuyện, chúng tôi ngồi im lặng mất một lúc, chỉ có tiếng bút chì sột soạt ghi nốt phần cuối bản tốc ký. Sau cùng Holmes nói:

-Có một điểm tôi muốn biết thêm. Người đến nhận chiếc nhẫn cho anh là ai vậy?

-Tôi không thể làm liên lụy đến những người giúp tôi. Tôi đọc được tin nhắn của ông. Tôi nghĩ đây có thể là một cái bẫy, nhưng cũng có thể đúng là chiếc nhẫn mà tôi muốn tìm lại. Hình như bạn tôi đã khéo léo làm xong nhiệm vụ của mình.

-Đúng thế - Holmes tươi cười đáp.

Viên thanh tra trình trọng tuyên bố:

-Thứ năm tuần tới can phạm sẽ được đem ra xét xử. Tất cả các ông sẽ phải có mặt tại phiên tòa. Từ nay đến khi ấy, tôi sẽ chịu trách nhiệm giam giữ can phạm.

Nói xong, ông gọi hai viên cảnh sát đến dẫn Hope đi, còn Holmes và tôi lên xe về nhà.

13. Kết Thúc

Người ta dặn chúng tôi phải có mặt tại tòa vào hôm thứ năm, nhưng ngay đêm hôm bị bắt, động mạch của Hope bị vỡ và sáng hôm sau, người ta thấy ông nằm dài trên sàn phòng giam, với một nụ cười thanh thản trên môi.

Tối hôm ấy, trò chuyện với nhau ở nhà, Holmes bảo tôi:

-Gregson và Lestrade sẽ tức tối trước cái chết này. Nó làm cho họ mất một dịp khoe khoang thành tích của họ.

-Họ có thành tích gì trong vụ này đâu?

-Nhưng mà thôi. Không có anh thì suýt nữa tôi đã bỏ lỡ mất vụ án lý thú này. Tuy đơn giản nhưng nó có nhiều điểm rất bổ ích.

-Anh nói đơn giản ư?

-Thực ra, cũng khó đánh giá nó khác được - Holmes mỉm cười trước vẻ ngạc nhiên của tôi - Bằng chứng về sự đơn giản của nó là, không cần sự trợ giúp nào, chỉ chờ đến một vài sự suy đoán rất bình thường, trong ba ngày tôi đã tóm cổ được thủ phạm.

-Ừ, mà đúng.

Để giải quyết một vấn đề như vậy, cái quan trọng là lập luận ngược chiều. Đây là một phép tư duy rất bổ ích và rất dễ, nhưng ngày nay người ta không thực hành mấy nữa. Trong công việc hàng ngày, lập luận theo chiều thuận thường là dễ hơn, vì vậy người ta quên mất cách lập luận theo chiều ngược.

-Thú thực tôi chưa hiểu.

-Con người ta, khi được nghe trình bày một chuỗi sự việc hầu hết sẽ tiên đoán kết cục của những sự việc đó. Họ có thể tập hợp những sự kiện đó trong óc rồi suy ra điều sẽ phải xảy ra. Nhưng không có mấy người, sau khi nghe nói đến cuối cùng, có khả năng suy ra những sự việc nào dẫn đến kết cục ấy.

-Tôi đã hiểu.

-Đây là trường hợp người ta nói cho anh biết cái kết cục và tự anh phải tìm ra tất cả những sự việc đã dẫn đến kết cục ấy. Tôi xin kể lại với anh các giai đoạn khác nhau trong cách lập luận của tôi. Như anh đã biết, tôi đã đi bộ khi gần đến hiện trường, đầu óc hoàn toàn không có một dự kiến hay thiên kiến gì. Tôi bắt đầu xem xét đoạn đường dẫn đến ngôi nhà, và ở đó, tôi thấy rõ những vết bánh xe, loại xe nhỏ hai chỗ chở thuê, và qua một vài câu hỏi, tôi biết chắc là xe này đã đậu ở đấy đêm trước. Tôi biết đây không phai là một chiếc xe nhà mà là xe chở thuê, căn cứ ở khoảng cách hẹp giữa hai bánh xe. Chiếc xe chở thuê thông thường ở London nhỏ hẹp hơn nhiều so với xe nhà.

Sau đó tôi đã chậm chậm đi theo lối qua vườn mà nền đất là một loại đất sét, rất dễ nhận vết chân, đối với con mắt nhà nghề của tôi thì mỗi dấu vết mang một ý nghĩa. Lấy vết chân là một ngành trong khoa học hình sự rất quan trọng nhưng cũng bị coi nhẹ. Tôi đã thấy những vết chân nặng nề của các viên cảnh sát, nhưng tôi cũng thấy những vết chân của hai người đã đi qua khu vườn này trước đám cảnh sát kia: ở một đôi vết chân của hai người bị những vết chân cảnh sát đè lên, xóa đi. Qua đó, nó cho tôi biết đã có hai người lạ mặt đến đây hồi đêm, một người rất cao lớn - căn cứ theo chiều dài của bước chân và người kia ăn mặc sang trọng, căn cứ theo vết giày nhỏ nhắn, thanh mảnh.

Vào trong nhà, người đi giày sang trọng nằm đó. Vậy thì, người cao lớn là kẻ đã gây ra án mạng. Không có thương tích trên người nạn nhân, nhưng qua những nét kinh hoàng lưu lại trên mặt, tôi đoán hẳn nạn nhân đã được báo về số phận mình trước khi chết. Những người chết vì bệnh tim hoặc vì một nguyên nhân tự nhiên nào khác không bao giờ nét mặt lại nhăn nhúm đến vậy. Ngửi môi nạn nhân, tôi thấy có mùi chua chua: tôi kết luận, nạn nhân đã bị cưỡng bức uống thuốc độc. Chính vẻ căm thù và khiếp sợ biểu lộ trên mặt đã dẫn tôi đến suy đoán ấy. Tôi đi đến kết luận này bằng phương pháp loại trừ, vì không có một giả thiết nào khác có thể giải thích được tất cả những chi tiết kia. Cưỡng bức nạn nhân của mình uống thuốc độc hoàn toàn không phải điều mới trong lịch sử hình sự.

Tiếp theo đó là câu hỏi lớn: tại sao có vụ ám sát này. Tiền bạc không phải là động cơ. Vụ này dính đến chính trị hay đến phụ nữ? Trước hết tôi ngả về giả thiết thứ hai. Những kẻ ám sát chính trị một khi làm xong nhiệm vụ thì vội bỏ đi ngay. Ở đây ngược lại, thủ phạm đã để dấu vết trong khắp gian phòng, chứng tỏ y đã lưu lại đây khá lâu. Vậy đây là một vụ thanh toán do hận thù cá nhân chứ không phải là một vụ án chính trị. Khi phát hiện ra những chữ viết trên tường, tôi càng tin chắc sự suy đoán của tôi là đúng; đây quá rõ là một mưu mẹo nhằm đánh lạc hướng. Đến khi tìm thấy chiếc nhẫn thì tôi coi việc xác định giả thiết là đã xong. Rõ ràng thủ phạm đã dùng chiếc nhẫn này để gọi lại với nạn nhân một người phụ nữ đã chết hoặc vắng mặt. Chính là khi đó tôi hỏi Gregson xem trong bức điện gửi đi Cleveland, ông ta có hỏi một chi tiết gì đặc biệt về quá khứ của Drebber không. Chắc anh còn nhớ Gregson đã trả lời tôi là không.

Sau đó, tôi xem xét tỉ mỉ gian phòng. Việc này giúp tôi thấy rõ tầm vóc loại thuốc lá và móng tay dài của thủ phạm vì không có dấu vết vật lộn nào nên tôi kết luận chỗ máu giây ra trên sàn nhà hẳn là máu mũi

của thủ phạm lúc bị quá khích. Tôi thấy những vết máu này trùng hợp với những vết chân của thủ phạm. Không mấy ai, trừ phi là người thuộc tạng rất thừa máu, lại chỉ vì xúc cảm mà chảy máu mũi. Vì vậy, tôi dám nghĩ rằng thủ phạm chắc là một người lực lưỡng, mặt đỏ vì xung huyết. Thực tế đã chứng minh là tôi đoán đúng.

Ở ngôi nhà đó ra về, tôi đã vội vàng làm cái việc mà Gregson bỏ qua. Tôi điện cho sở cảnh sát thành phố Cleveland, hỏi về những tình huống xung quanh cuộc hôn nhân của Drebber. Bức điện trả lời cho biết Drebber đã nhờ cảnh sát thành phố che chở cho mình khỏi bị một kẻ tên là Hope ám hại. Kẻ này là tình địch của Drebber trong một chuyện yêu đương cũ và hiện nay kẻ này đang có mặt tại Châu Âu. Đến lúc ấy, tôi biết là đã nắm trong tay tất cả các đầu mối, chỉ còn có việc tóm cổ thủ phạm nữa thôi.

Tôi đã tin chắc rằng người ấy đi cùng với Drebber vào ngôi nhà và người đánh xe chỉ là một. Vết chân ngựa dầy đi dầy lại trên đường cho thấy không có người giữ cương nó. Vậy thì người đánh xe lúc ấy ở đâu nếu không phải là ở trong nhà? Bởi không có ai dám gây ra một án mạng ngay trước mắt một người thứ ba để về sau người đó sẽ tố cáo mình. Cuối cùng, giả sử thủ phạm muốn theo dõi nạn nhân của mình qua các phố ở London thì liệu y còn tìm được cách nào tốt hơn là đóng vai người đánh xe ngựa không? Tất cả những khía cạnh ấy buộc tôi phải tìm Hope trong số những người đánh xe ngựa ở London.

Nếu y làm nghề đánh xe thì không có lý do gì y lại không tiếp tục nghề ấy. Trái lại, theo cách nhìn của y, mọi sự thay đổi đột ngột có thể làm cho người ta chú ý đến y. Chắc y cũng tiếp tục nghề cũ, ít nhất trong một thời gian. Cũng không có lý do gì để giả thiết rằng y sống dưới cái tên giả. Y cần gì phải đổi tên ở một nước không có ai quen biết? Tôi đã nhờ đến mấy chú bé lang thang, phái chúng đến tất cả các chủ xe London cho đến khi tìm được người mà tôi tìm. Chúng đã tìm được. Vụ giết Stangerson là một việc hoàn toàn bất ngờ, nhưng dù sao cũng không thể ngăn ngừa được. Anh thấy không, tất cả những điều đó là một chuỗi sự việc logic móc nối nhau liên tục, không một chỗ nào gián đoạn.

-Thật là tuyệt vời! - Tôi kêu lên - Công lao của anh đáng được mọi người biết đến. Phải đăng một bài báo về vụ này. Nếu anh không viết thì tôi sẽ viết thế anh.

-Anh làm gì thì tùy. Nhưng anh hãy xem đây

Holmes đưa cho tôi một tờ báo. Đó là tờ "Tiếng vang" số ra trong ngày, và bài báo anh chỉ cho tôi chính là một bài báo nói về một vụ án. Bài báo viết:

"Với cái chết đột ngột của Hope, kẻ bị tình nghi là thủ phạm gây ra hai án mạng: giết Enoch Drebber và Joseph Stangerson, công chúng đã mất một dịp được biết những tình tiết giết gân của một vụ án bí ẩn. Có lẽ người ta sẽ không bao giờ được biết những tình tiết ấy, tuy rằng theo nguồn đáng tin cậy, chúng ta được biết rằng hai án mạng này là kết cục của một mối thù oán lâu năm có dính dáng đến tình yêu và giáo phái Mormons. Hình như thời trao trả hai nạn nhân đã thuộc về giáo phái "Các vị Thánh ngày cuối" và thủ phạm Hope cũng là người gốc gác ở thành phố Salt Lake. Tuy vụ này không đi đến kết cục công khai tại tòa, song ít nhất nó cũng nêu bật lên cách làm việc có hiệu quả của ngành cảnh sát nước ta. Không ai không biết rằng công lao này hoàn toàn thuộc về hai thanh tra nổi tiếng của Scotland Yard là các ông Gregson và Lestrade. Thủ phạm hình như đã bị bắt giữ tại nhà một người tên Sherlock Holmes. Bản thân người này - với tư cách thám tử nghiệp dư, - cũng đã tỏ ra có đôi chút tài năng. Hy vọng rằng, được những người như hai thanh tra kể trên dìu dắt, với thời gian, Sherlock Holmes sẽ học hỏi được nhiều và sẽ tấn tới hơn nữa.

Chúng tôi tin chắc rằng hai thanh tra Gregson và Lestrade đã được khen ngợi xứng đáng với những thành tích xuất sắc của họ".

Sherlock Holmes cười lớn:

-Thì tôi đã bảo ngay từ đầu rồi mà.HẾT.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/chiec-nhan-tinh-co>